**MỤC LỤC**

**BỘ TÀI LIỆU TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ỦY BAN**

**NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

**ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ HƯỚNG DẪN**

**CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA BỘ TƯ PHÁP**

**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **ĐƠN VỊ TRẢ LỜI** | **Trang** |
| **I.** | Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật | 1 |
| **II.** | Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật | 18 |
| **III.** | Cục Quản lý Xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật | 23 |
| **IV.** | Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực | 48 |
| **V.** | Cục Bổ trợ tư pháp | 55 |
| **VI.** | Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia | 64 |
| **VII.** | Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật | 74 |
| **VIII.** | Cục Trợ giúp pháp lý | 88 |
| **IX.** | Cục Bồi thường nhà nước | 90 |
| **X.** | Vụ Con nuôi | 91 |
| **XI.** | Vụ Tổ chức cán bộ | 94 |
| **XII.** | Cục Công nghệ thông tin | 97 |
| **XIII.** | Nhà xuất bản tư pháp | 99 |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BỘ TÀI LIỆU**

**TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA BỘ TƯ PHÁP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

Trên cơ sở Báo cáo sơ kết công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2024 của các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến của đại biểu tại Hội nghị sơ kết công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2024, Bộ Tư pháp đã tổng hợp được **159** kiến nghị về công tác chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ. Bộ Tư pháp đã tổng hợp theo nhóm vấn đề, lĩnh vực phụ trách của các đơn vị, cụ thể như sau:

**I. VỤ CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT:**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế theo hướng không giới hạn về số lượng; biên soạn và cung cấp tài liệu kịp thời để địa phương có cơ sở hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác pháp chế (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác pháp chế, hằng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác pháp chế tại hai miền Bắc, Nam và nhiều hội nghị tập huấn chuyên sâu về các nghiệp vụ công tác pháp chế như xây dựng văn bản QPPL, đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, đánh giá thủ tục hành chính trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL và dự thảo văn bản QPPL …. cho các Bộ, ngành, địa phương.

Trong các hội nghị tập huấn nêu trên, đối tượng tập huấn cũng được mở rộng hơn, không chỉ chú trọng vào các tổ chức pháp chế, người làm công tác xây dựng pháp luật, mà còn có cả các đối tượng công chức, viên chức khác của các Bộ, ngành, địa phương. Các hội nghị, các lớp tập huấn nghiệp vụ pháp chế cũng không còn đơn thuần qua các bài giảng một chiều, mà có sự tương tác, trao đổi giữa giảng viên và học viên về những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện các quy định của pháp luật trên thực tế.

Trong thời gian tới, tiếp thu kiến nghị của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục duy trì và thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức pháp chế với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng và gắn với yêu cầu, nhiệm vụ công tác pháp chế.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, đề xuất biện pháp bố trí biên chế để bảo đảm đội ngũ cán bộ pháp chế ổn định, chuyên nghiệp, chuyên sâu để phục vụ công tác xây dựng, ban hành VBQPPL tại địa phương (UBND các tỉnh, thành phố: Bình Định, Đà Nẵng, Lai Châu, Quảng Ninh).*

*Đề xuất Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan để tổ chức nghiên cứu đề ra số lượng biên chế cũng như cơ cấu tổ chức của các tổ chức pháp chế trực thuộc các Bộ, một số doanh nghiệp nhà nước lớn, công tác pháp chế được tiến hành ổn định, nhanh chóng, thường xuyên và đúng pháp luật (Bộ Thông tin và Truyền thông).*

**Trả lời:**

- Đối với đội ngũ pháp chế, ngày 18/5/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP trong đó có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng về tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Pháp chế viên và người đứng đầu tổ chức pháp chế, chế độ hỗ trợ cho công chức làm công tác pháp chế … làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác pháp chế trên cả nước.

- Về biên chế: Theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức thì căn cứ để xác định biên chế công chức là (i) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm; (ii) Mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; (iii) Thực tế việc sử dụng biên chế công chức được giao; (iv) Đối với cơ quan, tổ chức ở địa phương, ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Như vậy, một trong những căn cứ để xác định biên chế là vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm. Hiện nay, các Bộ, ngành nói chung và Bộ Tư pháp nói riêng đã ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Theo quy định của Luật Chính quyền địa phương và văn bản hướng dẫn thi hành thì việc xây dựng, thẩm định và phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính của địa phương thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Do đó, đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, đánh giá toàn diện tình hình phân bổ, sử dụng biên chế, nhu cầu thực tiễn, cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức thuộc Bộ, ngành và địa phương xây dựng Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định làm cơ sở để xem xét, bổ sung biên chế pháp chế cho phù hợp.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm, phối hợp UBND Thành phố và các cơ quan chức năng của Chính phủ, Quốc hội nghiên cứu giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) trình Quốc hội thông qua (dự kiến vào ngày 28/6/2024). Chỉ đạo, hướng dẫn Thành phố triển khai kế hoạch tổ chức thi hành Luật Thủ đô ngay sau khi Quốc hội thông qua, trong đó có việc xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định chi tiết Luật (UBND tp. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua vào sáng ngày 28/6/2024 với 462/470 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ 95,06%. Luật Thủ đô (sửa đổi) được thông qua gồm 07 Chương với 54 Điều, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chỉ đạo, kết luận của Trung ương, của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô; bám sát 09 nhóm chính sách đã được Quốc hội quyết định khi bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 54 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Để việc thi hành Luật đồng bộ, thống nhất, kịp thời, hiệu quả, ngay sau khi Luật được Quốc hội thông qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô, trong đó có việc xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn thi hành và quy định chi tiết Luật Thủ đô.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp báo cáo Chính phủ, Quốc hội xem xét ban hành văn bản QPPL thể chế hóa Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN VN trong giai đoạn mới, trong đó có nội dung“Phát triển nguồn nhân lực pháp luật, hiện đại hóa phương thức, phương tiện xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật. Củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế, tổ chức làm công tác pháp luật; nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật” (UBND tp. Hà Nội).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp báo cáo Chính phủ, Quốc hội xem xét ban hành văn bản QPPL: Sửa đổi, bổ sung quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng rõ quy trình, thẩm quyền ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, thi hành Luật, Nghị định, Thông tư; quy trình rút gọn; làm rõ vai trò của tổ chức, công chức làm công tác pháp chế thuộc cơ quan chuyên môn trong quy trình xây dựng dự thảo văn bản QPPL cấp tỉnh; nâng cao giá trị pháp lý và trách nhiệm thẩm định văn bản của Sở Tư pháp, phòng Tư pháp,…, trách nhiệm rà soát, tiếp thu văn bản thẩm định (UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Dương).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu các kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Bình tại Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 02/02/2024* [*đánh giá thực trạng thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL và kiến nghị đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL*](https://qlvb-stp.quangbinh.gov.vn/sotp/vbden.nsf/str/F8E14278EFCE46A247258AB7000D0C22?OpenDocument) *(UBND tỉnh Quảng Bình).*

*Bổ sung trường hợp văn bản QPPL có thể quy định hiệu lực sớm hơn so với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 trong một số trường hợp nhất định, cụ thể văn bản của HĐND, UBND cấp tỉnh được quy định hiệu lực trở về trước để giải quyết các chế độ, chính sách cho đối tượng thụ hưởng trong khi văn bản được quy định chi tiết đã có hiệu lực (UBND tỉnh Vĩnh Long).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng các tiêu chí cụ thể để xác định văn bản QPPL được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn; theo đó bổ sung quy định rõ các trường hợp được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn; đối với các dự thảo được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn nhưng có nội dung phức tạp, nội dung về chế độ chính sách, đối tượng điều chỉnh rộng phải bắt buộc lấy ý kiến đối tượng chịu tác động trực tiếp để đảm bảo tính khả thi của văn bản (UBND tỉnh Vĩnh Long).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung hướng dẫn cụ thể hệ thống hóa đối với văn bản quy phạm pháp luật chế độ Mật khi sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Ban hành văn bản QPPL (sửa đổi) trình Quốc hội và tổ chức xây dựng dự án Luật, nhằm kịp thời xử lý các bất cập, chua phù hợp với thực tế của Luật Ban hành văn bản quy QPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Trong đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy trình, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL đối với các văn bản có tính chất, mức độ ở cấp độ ‘‘Mật’’, “Tối mật’’, ‘‘Tuyệt mật’’ thuộc đặc thù của lực lượng vũ trang nhân dân (Bộ Quốc phòng).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xây dựng pháp luật (Bộ Quốc phòng).*

*Khẩn trương thể chế hóa chủ trương của Đảng về nguồn nhân lực xây dựng pháp luật, thu hút, trọng dụng nhân tài, cải cách tiền lương theo vị trí việc làm; có chính sách thu hút những người thực sự có đức, có tài, có tầm nhìn và năng lực trong hoạch định chính sách pháp luật làm công tác xây dựng pháp luật, chính sách ưu tiên nguồn nhân lực làm công tác xây dựng pháp luật và coi đây là giải pháp đột phá trong việc nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật (Bộ Xây dựng).*

**Trả lời:**

Ngày 21/02/2024, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 1112/VPCP-PL về việc sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật Ban hành VBQPPL), trong đó “Giao Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện sớm việc xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành VBQPPL, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định (trình trong năm 2024)”. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi), tổ chức lấy ý kiến rộng rãi tất cả các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan Trung ương ngoài Chính phủ, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Bộ Tư pháp đã tiến hành tiếp thu, giải trình, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Lãnh đạo Bộ cho phép thẩm định đề nghị xây dựng Luật. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng đang tiến hành hoạt động soạn thảo dự án Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi).

Theo Kế hoạch, Bộ Tư pháp đề nghị bổ sung dự án Luật này vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024); thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

Bộ Tư pháp xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi).

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương thông báo kịp thời, đầy đủ danh mục văn bản QPPL giao địa phương quy định chi tiết để thống nhất triển khai thực hiện (UBND tỉnh Hải Dương).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ban, ngành có thông báo các nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết tại các Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của các Bộ đến UBND cấp tỉnh (hoặc đến Sở Tư pháp làm đầu mối) nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong triển khai văn bản QPPL cũng như đảm bảo tính tuân thủ pháp luật (UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

**Trả lời:**

Đối với các nội dung luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua sau mỗi kỳ họp, Bộ Tư pháp đã chủ động rà soát, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo các nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết và gửi thông báo đến HĐND, UBND, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố để triển khai thực hiện ngay sau khi Kỳ họp Quốc hội kết thúc.

Đối với Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ:

Điều 29a Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020) có quy định:

*“1. Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 20 của Luật có trách nhiệm:*

*a) Thông báo bằng văn bản cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nghị định, quyết định đó được ký ban hành;*

*b) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.*

*2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật có trách nhiệm:*

*a) Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung thông tư giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày thông tư đó được ký ban hành;*

*b) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành thông tư; kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.*

*3. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 20 của Luật, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật có trách nhiệm:*

*a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn ban hành văn bản quy định chi tiết;*

*b) Thông báo bằng văn bản cho bộ, cơ quan ngang bộ soạn thảo nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư có nội dung được giao quy định chi tiết về những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết để xử lý theo thẩm quyền hoặc để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.*

*4. Văn bản thông báo, đôn đốc, xử lý (nếu có) quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này đồng thời được gửi Bộ Tư pháp.*

*5.[[1]](#footnote-1) Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp rà soát, xác định các nội dung được giao quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ để kịp thời đề xuất ban hành văn bản quy định chi tiết.”.*

Như vậy, Nghị định đã quy định rất cụ thể trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc thông báo nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết tại Nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư của Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ. Trên cơ sở đó, thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu để có giải pháp kiến nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, đồng thời, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ thực hiện nghiêm các nội dung theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu, trình Chính phủ quy định cơ chế thu hút chuyên gia và cán bộ làm công tác xây dựng và kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL, đổi mới việc sử dụng kinh phí, chính sách tiền lương và phụ cấp trách nhiệm nghề cho cán bộ làm công tác pháp chế, xây dựng và kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL nhằm thu hút cán bộ có chuyên môn sâu thực hiện công tác này (UBND tp. Hải Phòng).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp cần xây dựng các chính sách ưu đãi để tuyển dụng, bổ sung biên chế, nhân lực cho đội ngũ pháp chế bởi đặc thù của ngành thông tin và truyền thông thì ngoài nghiệp vụ pháp chế còn cần có các kỹ năng chuyên ngành để đáp ứng các yêu cầu của công tác (Bộ Thông tin và Truyền thông).*

**Trả lời:**

Để kịp thời tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc sau hơn 10 triển khai thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP; tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế và tiêu chuẩn, chế độ cho người làm công tác pháp chế; ngày 18/5/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

- Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 12 của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP để quy định về chức danh, tiêu chuẩn của ngạch pháp chế viên, pháp chế viên chính và pháp chế viên cao cấp. Đây là điểm nổi bật của Nghị định số 56/2024/NĐ-CP nhằm chuẩn hóa một bước người làm công tác pháp chế, ghi nhận và khẳng định pháp chế là một lực lượng có chuyên môn, hoạt động chuyên nghiệp để đáp ứng chủ trương hiện nay của Đảng và Nhà nước ta là ổn định trật tự xã hội và thực hiện quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật.

- Để tạo cơ sở cho việc tiếp tục thực hiện “chế độ phụ cấp” theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức*,* Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ trước mắt bổ sung quy định: Căn cứ vào vị trí việc làm về nghiệp vụ chuyên môn pháp chế trong cơ quan, tổ chức hành chính, người làm công tác pháp chế ở Trung ương được hưởng mức hỗ trợ là 60.000 đồng/ngày làm việc, ở địa phương được hưởng mức hỗ trợ là 40.000 đồng/ngày làm việc. Chế độ hỗ trợ này được áp dụng cho đến khi thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập vận dụng chế độ hỗ trợ nêu trên để quyết định các chế độ đối với người làm công tác pháp chế.Quy định này có ý nghĩa động viên, khích lệ, ghi nhận những đóng góp của người làm công tác pháp chế đang phải gánh vác rất nhiều trọng trách quan trọng; đồng thời, nhằm thu hút những lực lượng cán bộ tham gia vào tổ chức pháp chế.

**7.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ làm công tác pháp chế tại các Sở, ngành của các địa phương cần tập trung vào các chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp với nội dung là các lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: pháp luật về quản trị doanh nghiệp, hợp đồng, lao động và bảo hiểm xã hội; pháp luật về thuế, kế toán; pháp luật về cạnh tranh, sở hữu trí tuệ; các quy định về Hiệp định Thương mại đối tác xuyên Thái Bình Dương TTP, Hiệp định tự do thương mại FTA. Ngoài ra cần tiếp tục tổ chức và nâng cao chất lượng các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp, góp phần tăng cường năng lực tư vấn pháp lý cho đội ngũ này trong triển khai thực hiện nhiệm vụ (UBND các tỉnh: Lào Cai, Sơn La).*

**Trả lời:**

Trên cơ sở Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19/01/2021 phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai Chương trình này, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tăng cường tổ chức các công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho mạng lưới tư vấn pháp luật trực tiếp hoặc thông qua các đơn vị, tổ chức có năng lực.

Triển khai Quyết định số 81/QĐ-TTg, thời gian qua Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều hoạt động tập huấn kiến thức, kỹ năng hỗ trợ pháp lý cho đội ngũ làm công tác pháp chế tại các Sở, ngành và doanh nghiệp ở địa phương; xây dựng tài liệu, hướng dẫn nghiệp vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đề nghị địa phương cập nhật thông tin trên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Tư pháp.

Thời gian tới, tiếp thu ý kiến của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tăng cường các lớp tập huấn về các nghiệp vụ mà cán bộ pháp chế Bộ, ngành, địa phương và cán bộ pháp chế doanh nghiệp quan tâm, trong đó có pháp luật về quản trị doanh nghiệp, hợp đồng, lao động và bảo hiểm xã hội; pháp luật về thuế, kế toán; pháp luật về cạnh tranh, sở hữu trí tuệ...

**8.** *Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm hướng dẫn, triển khai thi hành nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (UBND tỉnh Quảng Ninh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông).*

**Trả lời:**

Thực hiện Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 1662/QĐ-BTP ngày 24/6/2024 ban hành Kế hoạch triển khai Nghị định số 56/2024/NĐ-CP với các nội dung cụ thể về nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong việc triển khai thực hiện Nghị định. Trên cơ sở Kế hoạch của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với các Sở có liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản, kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 56/2024/NĐ-CP; theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị định tại địa phương.

Bên cạnh đó, ngày 14/6/2024, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp tổ chức Hội nghị triển khai thi hành 02 Nghị định mới được ban hành có liên quan trực tiếp đến người làm công tác pháp chế, tổ chức pháp chế trong phạm vi cả nước là Nghị định số 56/2024/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP. Hội nghị tập trung về việc đối thoại về một số quy định mới của Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Trong thời gian tới, để tổ chức thi hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, Bộ Tư pháp sẽ xây dựng dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, nâng ngạch, chuyển ngạch và xếp lương đối với các ngạch pháp chế, đồng thời, tiếp tục tổ chức các diễn đàn pháp chế để triển khai Nghị định số 56/2024/NĐ-CP.

**9.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên có các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ để địa phương tham khảo/Xây dựng chuyên mục trao đổi và cập nhật các kiến nghị - trả lời cho địa phương, đăng tải các tình huống về nghiệp vụ liên quan đến xây dựng pháp luật để địa phương nghiên cứu tham khảo vận dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (UBND tỉnh Vĩnh Long).*

**Trả lời:**

Tại khoản 2 Điều 174 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP) đã giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhiệm vụ biên soạn các tài liệu hướng dẫn về nghiệp vụ xây dựng, ban hành văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật; tổ chức đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã tiến hành nghiên cứu, biên soạn một số cuốn sách và sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ về xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng pháp luật; đánh giá tác động của chính sách; kỹ năng soạn thảo, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo Luật Ban hành VBQPPL. Cụ thể các sách và sổ tay đã được ban hành sau đây:

- Sách Sổ tay soạn thảo văn bản QPPL năm 2018.

- Sách “Những điểm mới cơ bản của Luật Ban hành VQPPL và văn bản quy định chi tiết”.

- Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về đánh giá tác động của chính sách: Năm 2018: <https://hdnv.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tai-lieu.aspx?itemid=1873>.

- Tài liệu hướng dẫn đánh giá Báo cáo đánh giá tác động chính sách: Năm 2022: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=3568>.

- Sách Sổ tay tình huống nghiệp vụ rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2016.

- Sách Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra văn bản QPPL, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2016.

- Sách Quy định pháp luật hiện hành về rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2017.

- Sách Sổ tay tình huống nghiệp vụ kiểm tra văn bản QPPL, Nhà xuất bản tư pháp, năm 2018.

Các cuốn sách này đều được đăng tải trên trang web <https://ktvb.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/so-tay.aspx>.

Bên cạnh đó, trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và Trang Thông tin điện tử về Xây dựng pháp luật đều thiết kế chuyên mục “nghiên cứu - trao đổi” để đăng tải các bài nghiên cứu, chuyên đề liên quan đến nghiệp vụ xây dựng, soạn thảo văn bản QPPL để phục vụ người làm công tác xây dựng pháp luật và các quý độc giả quan tâm đến công tác xây dựng pháp luật.

**10.** *Hiện nay, việc trình văn bản QPPL của các Bộ, ngành còn chưa đảm bảo về thời hạn trình theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, nhiều trường hợp thời hạn yêu cầu trình gấp khiến các Bộ, ngành không đủ thời gian đánh giá tác động chính sách và lấy ý kiến đầu đủ của các quan, tổ chức có liên quan, gây ảnh hưởng đến quá trình và chất lượng xây dựng văn bản. Do đó, Bộ Công Thương kiến nghị cần có quy định rõ ràng và thống nhất về nguyên tắc xác định thời hạn trình các văn bản QPPL trên cơ sở phù hợp với yêu cầu thực tiễn và điều kiện xây dựng văn bản QPPL, đảm bảo tính khả thi và chất lượng xây dựng văn bản (Bộ Công Thương).*

**Trả lời:**

Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã quy định trình tự xây dựng, trình văn bản QPPL tương đối đầy đủ và minh bạch. Thực tế, thời gian vừa qua, do tình hình kinh tế - xã hội có nhiều biến động, đòi hỏi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phải có những chỉ đạo, điều hành yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ phải xây dựng và trình gấp các văn bản khiến các Bộ, ngành không đủ thời gian đánh giá tác động chính sách và lấy ý kiến đầy đủ của các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL.

Để đảm bảo phù hợp với với yêu cầu thực tiễn và điều kiện xây dựng văn bản QPPL, đảm bảo tính khả thi và chất lượng xây dựng văn bản, theo chỉ đạo của Chính phủ, hiện nay Bộ Tư pháp đang tiến hành lập đề nghị xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi), trong đó các chính sách của đề nghị xây dựng luật hướng đến việc quy định rõ ràng và thống nhất về nguyên tắc xác định thời hạn trình các văn bản QPPL, đảm bảo minh bạch, rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong từng giai đoạn xây dựng văn bản; đồng thời quy định rõ ràng, linh hoạt hơn đối với các trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để đáp ứng nhu cầu phát triển và biến động nhanh của xã hội.

**11.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất cơ chế tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc tham gia ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch đề ra (Bộ Công Thương).*

**Trả lời:**

Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã quy định trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan chủ trì và trách nhiệm tham gia ý kiến của các cơ quan phối hợp, các cơ quan bắt buộc phải có ý kiến. Thực tế thời gian qua, việc thực hiện việc lấy ý kiến của cơ quan chủ trì được thực hiện tương đối nghiêm, tuy nhiên, công tác phối hợp tham gia ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan chưa thực sự hiệu quả. Một trong những nguyên nhân có thể kể đến là do Luật chưa có quy định chế tài, quy định trách nhiệm cụ thể đối với các trường hợp không phối hợp hoặc phối hợp không chất lượng.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang lập đề nghị xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi), trong đó ngoài việc sửa đổi toàn diện Luật năm 2015 và Luật năm 2020, Luật mới sẽ bổ sung các quy định về điều kiện bảo đảm cho công tác xây dựng VBQPPL; quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể tham gia xây dựng, thi hành VBQPPL..v..v…

**12.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng thêm nhiều kênh trao đổi thông tin giữa các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và Bộ Tư pháp để kịp thời giải quyết những vướng mắc, tồn tại trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Công Thương).*

**Trả lời:**

Trong quá trình xây dựng văn bản QPPL, Bộ Tư pháp luôn đề cao cơ chế phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, trong đó có Bộ Công Thương. Hiện tại có rất nhiều kênh trao đổi thông tin giữa các đơn vị thuộc Bộ và Bộ, ngành trong đó có Bộ Công Thương, có thể kể đến như: cử đại diện tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập các dự án, dự thảo văn bản QPPL; trao đổi qua kênh lấy ý kiến và thẩm định dự án, dự thảo văn bản QPPL…

Ngoài ra thực hiện nhiệm vụ được giao, hằng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, các diễn đàn, hội nghị về công tác xây dựng văn bản QPPL, trong đó có nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu v.v.., đây cũng là một kênh thông tin trao đổi, giải đáp những khó khăn, vướng mắc giữa Bộ Tư pháp với Bộ, ngành trong quá trình xây dựng văn bản QPPL. Bộ Tư pháp sẵn sàng phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương để kịp thời giải quyết những vướng mắc, tồn tại trong quá trình xây dựng văn bản QPPL của Bộ Công Thương.

**13.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ khi phân công cho các Bộ, ngành chủ trì xây dựng văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội cần tính toán khoảng thời gian hợp lý để các Bộ, ngành có đủ thời gian để soạn thảo theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành VBQPPL và đảm bảo chất lượng dự thảo văn bản QPPL; mặt khác đảm bảo nguyên tắc “Văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều khoản điểm được quy định chi tiết” (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

**Trả lời:**

1. Thời gian qua, công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết tiếp tục là một trong những nhiệm vụ quan trọng, được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dành nhiều thời gian chỉ đạo sát sao, thường xuyên, trực tiếp và cụ thể để đẩy nhanh tiến độ xây dựng xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh. Ngay khi kết thúc các kỳ họp của Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát nội dung giao quy định chi tiết tại dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

2. Về phía Bộ Tư pháp, ngay sau khi kết thúc các kỳ họp của Quốc hội, Bộ Tư pháp đã tham mưu giúp Thủ tướng Chính phủ xây dựng dự thảo Quyết định ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua. Theo đó:

- Bộ Tư pháp chủ động rà soát, xác định đầy đủ nội dung luật, pháp lệnh giao quy định chi tiết và tổ chức họp với các bộ, cơ quan có liên quan để thống nhất danh mục các nội dung giao quy định chi tiết.

- Phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ xác định hình thức văn bản, lập danh mục và dự kiến cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết trình Thủ tướng Chính phủ phân công.

- Bộ Tư pháp cũng xác định tiến độ trình, ban hành văn bản quy định chi tiết để đảm bảo có cùng hiệu lực đồng thời với luật, pháp lệnh, nghị quyết. Bên cạnh đó, cũng xem xét cân nhắc để tránh việc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quá nhiều văn bản trong cùng một thời điểm để đảm bảo tính khả thi của việc ban hành văn bản.

Việc đề xuất cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản, thời hạn trình ban hành phụ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và thời điểm có hiệu lực của Luật, Nghị quyết.

**14.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu tổ chức đổi mới nội dung, phương pháp tập huấn theo hướng chuyên sâu theo từng nghiệp vụ công tác pháp chế cho cán bộ pháp chế các Bộ, ngành (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Dân tộc).*

**Trả lời:**

Tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ pháp chế các bộ, ngành, trong đó tập trung vào việc nhận diện, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về chuyên môn để nâng cao nhận thức, kinh nghiệm, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác pháp chế.

Để nâng cao hơn hiệu quả của công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác pháp chế**,** thời gian tới, Bộ Tư pháp tiếp tục tăng cường và đổi mới hơn nữa công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ nói trên theo hướng:

- Xây dựng nội dung tập huấn phù hợp dựa trên kết quả khảo sát về nhu cầu của từng đối tượng được tập huấn;

- Nội dung tập huấn tập trung vào tháo gỡ khó khăn về chuyên môn, bồi dưỡng những kỹ năng còn yếu của từng đối tượng được tập huấn;

- Tăng cường hơn nữa các ví dụ minh họa để bài giảng trực quan sinh động, thực tiễn, dễ tiếp cận;

- Hạn chế việc trao đổi một chiều của giảng viên, thay vào đó là tăng cường sự tương tác giữa giảng viên và học viên; phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của học viên. Trong quá trình tập huấn, các học viên tập trung trao đổi và thảo luận về các nghiệp vụ của công tác pháp chế, những kinh nghiệm hay cũng như những vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác pháp chế tại cơ quan/đơn vị mình.

**15.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng cơ chế cho phép thuê chuyên gia tham vấn hoạch định chính sách bằng kinh phí ngân sách cho các Bộ, ngành có cơ sở thực hiện, nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách (Bộ Thông tin và Truyền thông).*

**Trả lời:**

Điều 171 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: *“Nhà nước có chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ, công chức tham gia xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ quy định tại Luật này; hiện đại hóa phương tiện, hạ tầng kỹ thuật; bảo đảm kinh phí cho hoạt động xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý, hoàn thiện và ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.*

Khoản 4 Điều 175 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung bởi Nghị dịnh số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP) quy định về việc sử dụng chuyên gia như sau: *“Tiền thù lao và tiền hỗ trợ cho chuyên gia được thực hiện theo các quy định sau: a) Tiền thù lao và tiền hỗ trợ cho chuyên gia được thanh toán từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hoặc từ nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có); b) Tiền thù lao cho chuyên gia được thanh toán theo mức ghi trong hợp đồng; c) Việc thanh, quyết toán tiền thù lao và tiền hỗ trợ cho chuyên gia được thực hiện theo quy định của pháp luật và trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của chuyên gia”.*

Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC) tại khoản 7 Điều 3; khoản 8 Điều 4 cũng đã có quy định đối với mức chi cho chuyên gia.

Như vậy, căn cứ theo các quy định nêu trên thì việc thuê chuyên gia tham vấn hoạch định chính sách bằng kinh phí ngân sách nhà nước là đã có cơ sở.

**16.** *Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, xét chuyển ngạch cho công chức thực hiện công tác pháp chế sang ngạch pháp chế viên tương ứng và chế độ hỗ trợ người làm công tác pháp chế được áp dụng cho đến khi thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thống nhất các quy định của Nghị định này. Đồng thời, để kịp thời động viên đội ngũ công chức pháp chế (Bộ Thông tin và Truyền thông).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có hướng dẫn về việc xét chuyển ngạch cho công chức thực hiện công tác pháp chế sang ngạch pháp chế viên tương ứng để triển khai thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ (Bộ Xây dựng).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ hướng dẫn tiêu chuẩn về ‘‘chứng chỉ khác’’ quy định tại các điểm c, d, đ khoản 1, Điều 12 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP của Chính phủ để thống nhất áp dụng (Ủy ban Dân tộc).*

**Trả lời:**

- Về rà soát, chuyển ngạch cho công chức thực hiện công tác pháp chế, tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế đã quy định: *“Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng công chức thực hiện công tác pháp chế có trách nhiệm rà soát, xét chuyển ngạch cho công chức thực hiện công tác pháp chế sang ngạch pháp chế viên tương ứng theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức…”.* Do đó, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc rà soát và xét chuyển ngạch cho công chức thực hiện công tác pháp chế theo quy định.

- Về chế độ hỗ trợ cho người làm công tác pháp chế, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP quy định: *“Căn cứ vào vị trí việc làm về nghiệp vụ chuyên môn pháp chế trong cơ quan, tổ chức hành chính, người làm công tác pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được hưởng mức hỗ trợ là 60.000 đồng/ngày làm việc, ở các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được hưởng mức hỗ trợ là 40.000 đồng/ngày làm việc…”.* Do đó, căn cứ vào Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm ngân sách cho việc hỗ trợ cho người làm công tác pháp chế tại cơ quan, tổ chức hành chính năm 2024; xây dựng dự toán ngân sách năm 2025 để đảm bảo kinh phí chi cho nội dung này.

- Về hướng dẫn “chứng chỉ khác” làm cơ sở cho việc bổ nhiệm pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp: Thực hiện khoản 16 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, khoản 6, khoản 7 Điều 73 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, nâng ngạch, chuyển ngạch và xếp lương đối với các ngạch pháp chế (dự kiến ban hành trong năm 2024), trong đó sẽ có quy định cụ thể về việc chuyển ngạch, các chứng chỉ làm cơ sở cho việc bổ nhiệm, chuyển ngạch cho các ngạch pháp chế.

**17.** *Đối với việc góp ý văn bản quy phạm pháp luật, ngoài việc góp ý bằng văn bản, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu có cơ chế trao đổi, thảo luận giữa cơ quan soạn thảo và cơ quan được lấy ý kiến để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất đồng giữa các cơ quan, tạo sự đồng thuận trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản, từ đó giúp cho quá trình triển khai thực hiện, áp dụng văn bản sau này được thuận lợi (Đài Truyền hình Việt Nam).*

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật Ban hành VBQPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), việc lấy ý kiến đối với dự án, dự thảo văn bản QPPL có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức như đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử, Trang Thông tin điện tử, lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo, tọa đàm, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.

Để tăng cường sự tương tác giữa cơ quan soạn thảo văn bản và cơ quan được lấy ý kiến, tạo sự đồng thuận giữa các cơ quan về dự án, dự thảo văn bản QPPL trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành, Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý và đăng tải công khai báo cáo giải trình, tiếp thu trên các Cổng Thông tin điện tử đã đăng tải dự án, dự thảo.

Ngoài ra, còn có nhiều cơ chế khác để cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan được lấy ý kiến có thể trao đổi với nhau nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất đồng giữa các cơ quan, tạo sự đồng thuận trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản, từ đó giúp cho quá trình triển khai thực hiện, áp dụng văn bản sau này được thuận lợi như thông qua các cuộc họp của Ban soạn thảo, Tổ biên tập; các cuộc hội thảo, tọa đàm chuyên sâu; tổ chức các cuộc họp với các bộ, ngành còn ý kiến khác nhau…

**18.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Quốc hội phân bổ kinh phí đảm bảo thực hiện các hoạt động tư pháp, nhất là hoạt động rà soát, xây dựng, theo dõi thi hành pháp luật (Ủy ban Dân tộc).*

**Trả lời:**

Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) đã dành 01 Điều (Điều 171) quy định về bảo đảm nguồn lực xây dựng, ban hành văn bản QPPL. Căn cứ quy định của Luật Ban hành VBQPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP) đã dành 11 điều quy định cụ thể về bảo đảm nguồn lực cho hoạt động xây dựng, ban hành VBQPPL tại Chương X (từ Điều 172 đến Điều 182). Theo đó, tại Điều 179, 180, 181, 182 đã quy định chi tiết về kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

Ngày 06/7/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 42/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Thông tư số 42/2022/TT-BTC đã bổ sung nhiều nội dung chi, nâng mức chi và mức phân bổ kinh phí cho công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở cả cấp trung ương và địa phương.

Ngày 08/02/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

Như vậy, đối với hoạt động rà soát, xây dựng, theo dõi thi hành pháp luật Bộ Tài chính có quy định nhiều nội dung chi, mức chi.

Tuy nhiên, trong thời gian sắp tới, sau khi Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi) được thông qua, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi các Thông tư về kinh phí liên quan đến hoạt động rà soát, xây dựng, theo dõi thi hành pháp luật.

**19.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét xuất bản, cập nhật sổ tay công tác pháp chế nhằm tăng cường chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL (Bộ Ngoại giao).*

**Trả lời:**

Thời gian qua, Bộ Tư pháp luôn chú trọng và tăng cường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho công chức thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bảntại các Bộ, ngành, địa phươngthông qua các lớpbồi dưỡng nghiệp vụ về công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL do Bộ Tư pháp tổ chức hằng năm, cũng như việc xuất bản, cập nhật các cuốn sổ tay về công tác pháp chế, về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

Bên cạnh đó, từ năm 2014 đến nay, Bộ Tư pháp (Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Cục Kiểm tra văn bản QPPL) tổ chức biên soạn, phát hành các cuốn sách nghiệp vụ về các công tác nêu trên như: Sổ tay công tác pháp chế, S[ổ tay Hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL](http://hdnv.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tai-lieu.aspx?itemid=1900), S[ổ tay hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra văn bản QPPL](http://hdnv.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tai-lieu.aspx?itemid=1899). Để phục vụ cho việc nghiên cứu, tham khảo, rút kinh nghiệm, vào đầu năm 2023, Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp) đã phối hợp với Nhà xuất bản Tư pháp biên soạn, phát hành các cuốn sách “Quy định pháp luật hiện hành và một số kỹ năng cơ bản về kiểm tra, xử lý văn bản QPPL”, “Quy định pháp luật hiện hành và một số kỹ năng cơ bản về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL” và sách “Sổ tay tình huống nghiệp vụ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL”, trong đó tổng hợp, đề cập, phân tích cụ thể các nội dung về kiểm tra, rà soát xử lý văn bản trái pháp luật và kỹ năng phát hiện, xử lý.

Thời gian tới, Bộ Tư pháp tiếp tục tăng cường và đổi mới hơn nữa công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ nói trên theo hướngxuất bản, cập nhật sổ tay công tác pháp chế nhằm tăng cường chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL để phù hợp với quy định mới của Luật ban hành VBQPPL (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**20.** *Trong quá trình xây dựng Luật Ban hành VBQPPL sửa đổi, đề nghị bổ sung các mục tiêu chính sách tại Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật theo hướng làm rõ/quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan chủ trì dự án, dự thảo văn bản QPPL trong việc đánh giá tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản/của dự thảo văn bản QPPL với Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bộ ngoại giao sẽ tích cực phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp trong vấn đề này (Bộ Ngoại giao).*

**Trả lời:**

Trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Ban hành VBQPPL sửa đổi, Bộ Tư pháp đang đưa vào Báo cáo đánh giá tác động của chính sách 01 mục tiêu tổng thể là: “*Bảo đảm tôn trọng pháp luật quốc tế; tính tương thích, nội luật hóa đầy đủ, kịp thời các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; kịp thời thích ứng với những biến chuyển nhanh trong hội nhập quốc tế; bảo đảm vừa phù hợp và phát huy lợi thế, thế mạnh trong nước vừa hài hòa, tương thích với các tiêu chuẩn chung của pháp luật quốc tế*.”.

Đồng thời, đối với phần nội dung “Bổ sung các nguyên tắc trong công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản QPPL” của chính sách 1 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, Bộ Tư pháp hiện đang kiến nghị lựa chọn giải pháp 3: “Bổ sung một số nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản QPPL, lấy ý kiến xây dựng văn bản QPPL, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong xây dựng và thi hành văn bản QPPL”. Trong đó nêu rõ quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành và thi hành văn bản QPPL; bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong việc bảo đảm quyền con người, quyền nghĩa vụ của công dân.

Như vậy, cơ bản đã đảm bảo việc làm rõ/quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan chủ trì dự án, dự thảo văn bản văn bản quy phạm pháp luật trong việc đánh giá tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản/của dự thảo văn bản văn bản QPPL với Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**II. CỤC KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL**(UBND tỉnh Bình Dương)*.

**Trả lời:**

Phần mềm hỗ trợ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được Cục Kiểm tra văn bản QPPL xây dựng, phát triển để tin học hóa và số hóa phục vụ cho công tác chuyên môn trong phạm vi đơn vị. Hiện tại phần mềm này đang trong quá trình chỉnh sửa, hoàn thiện nên chưa thể phát triển mở rộng cho cán bộ pháp chế của bộ, ngành và các địa phương. Ngoài ra, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu xây dựng Phần mềm “trợ lý ảo” trong công tác kiểm tra, rà soát văn bản thông qua việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Khi xây dựng được phần mềm này, Bộ Tư pháp sẽ giới thiệu đến các Bộ, ngành, địa phương để phục vụ công tác.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu xây dựng Cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL để khai thác, sử dụng thống nhất trên phạm vi cả nước**(UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) đang tiến hành việc nghiên cứu, thiết kế, nâng cấp, có giải pháp kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật với Cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

**3.** *Bộ Tư pháp kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương thường xuyên thực hiện rà soát các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành hoặc tham mưu ban hành để xử lý kịp thời những văn bản không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành**(UBND các tỉnh: Lai Châu, Quảng Trị)*.

**Trả lời:**

**Thời gian qua, thực hiện nhiệm vụ và chỉ đạo của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về** rà soát văn bản QPPL, Bộ Tư pháp với vai trò là cơ quan Thường trực của Tổ Công tác đã chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tập trung tổ chức triển khai rà soát tổng thể và rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực đối với văn bản QPPL do các cơ quan Trung ương ban hành, qua đó các Bộ, ngành đã kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nhiều quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiến hành đánh giá kết quả xử lý văn bản sau rà soát của các bộ, ngành theo kiến nghị của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản QPPL từ năm 2020 đến nay. Thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2024, Bộ đã nghiên cứu, tham mưu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ký, ban hành Quyết định số 603/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 thành lập Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản QPPL (do Lãnh đạo Chính phủ làm Trưởng ban, một số Bộ trưởng là thành viên) để chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương rà soát các vướng mắc trong các quy định pháp lý; trên cơ sở đó, đề xuất Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV xem xét, ban hành một Luật sửa nhiều Luật để tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị các Bộ, ngành thường xuyên cập nhật các văn bản thuộc trách nhiệm cập nhật của mình trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật theo quy định, đặc biệt là cập nhật phần hiệu lực của các văn bản đã được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan ở địa phương tra cứu để phục vụ cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL**(UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Hằng năm, Bộ Tư pháp đã thường xuyên có công văn đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương trong việc cập nhật, rà soát văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (CSDLQG về pháp luật) theo quy định của Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/05/2015 của Chính phủ về CSDLQG về pháp luật. Ngày 08/3/2024, Bộ Tư pháp có Công văn số 1192/BTP-KTrVB về việc nâng cao chất lượng công tác quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác, sử dụng CSDLQG về pháp luật gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm toán nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị lãnh đạo các cơ quan tiếp tục quan tâm chỉ đạo một số nội dung về cập nhật, rà soát văn bản trên CSDLQG về pháp luật, cụ thể như sau:

- Bảo đảm đăng tải, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản thuộc trách nhiệm của cơ quan mình theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP (Hiện nay, nội dung này đang được thực hiện đánh giá, chấm điểm thi đua hàng năm đối với Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; bên cạnh đó, theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Tư pháp đang rà soát, phối hợp với Bộ Nội vụ để bổ sung tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

- Thực hiện đăng tải kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 trên CSDLQG về pháp luật; đối chiếu kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 với văn bản hiện có trên CSDLQG về pháp luật để cập nhật văn bản, thông tin của văn bản trên CSDLQG về pháp luật thuộc trách nhiệm của mình bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời.

*-* Chủ động, kịp thời thông tin đến Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) những sai sót, hạn chế được phát hiện trong quá trình quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác, sử dụng CSDLQG về pháp luật để khắc phục, xử lý. Bên cạnh đó, đơn vị đầu mối tại Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) cũng thường xuyên, kịp thời đôn đốc trực tiếp các đầu mối tại các bộ, ngành, địa phương có liên quan đến việc cập nhật, rà soát văn bản, thông tin trên CSDLQG về pháp luật. Trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương liên hệ, trao đổi, phối hợp, phản ánh, kiến nghị với Bộ Tư pháp qua Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Văn phòng Cục Kiểm tra văn bản QPPL, điện thoại: 024.6273.9655 hoặc email: [banbientapcsdlqgpl@.moj.gov.vn](mailto:banbientapcsdlqgpl@.moj.gov.vn)).

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên mở lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật để nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ, công chức tham mưu công tác pháp chế trong đó có công tác xây dựng pháp luật (UBND các tỉnh: Bình Định, Lai Châu, Quảng Ninh, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).*

**Trả lời:**

Thời gian qua, công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho công chức thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bảntại các Bộ, ngành, địa phương đã luôn được Bộ Tư pháp chú trọngthực hiệnthông qua các lớpbồi dưỡng nghiệp vụ về công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL do Bộ Tư pháp tổ chức, trong đó, Cục Kiểm tra văn bản QPPL là đơn vị trực tiếp hướng dẫn, tập huấn, hướng dẫn về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản. Bên cạnh đó, hàng năm, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) đều tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, tọa đàm tại các địa phương liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL với thành phần tham gia là đại diện tổ chức pháp chế các bộ, ngành và Sở Tư pháp các địa phương, trong đó có nội dung tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp và tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai các công tác nêu trên; cử nhiều lượt công chức của Cục Kiểm tra văn bản QPPL làm báo cáo viên tập huấn kỹ năng nghiệp vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do các Bộ, ngành, địa phương tổ chức.

Để phục vụ cho việc nghiên cứu, tham khảo, rút kinh nghiệm, phòng tránh việc xây dựng, ban hành văn bản không đúng quy định pháp luật tại các bộ, ngành, địa phương, vào đầu năm 2023, Cục Kiểm tra văn bản QPPL đã phối hợp với Nhà xuất bản Tư pháp biên soạn, phát hành các cuốn sách: (i) Quy định pháp luật hiện hành và một số kỹ năng cơ bản về kiểm tra, xử lý văn bản QPPL; (ii) Quy định pháp luật hiện hành và một số kỹ năng cơ bản về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; (iii) Sổ tay tình huống nghiệp vụ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL, trong đó tổng hợp, đề cập, phân tích cụ thể các nội dung về kiểm tra, rà soát xử lý văn bản trái pháp luật; các trường hợp, các lỗi sai có tính phổ biến, thường gặp trong công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL và kỹ năng phát hiện, xử lý (đã giới thiệu, phát hành đến các tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Sở Tư pháp các địa phương). Đề nghị các bộ, ngành, địa phương quan tâm nghiên cứu, tham khảo để phục vụ công tác.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) sẽ tiếp tục tổ chức các hội thảo về “Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản QPPL của địa phương - nhìn từ góc độ kiểm tra, rà soát văn bản QPPL” và một số tọa đàm, hội thảo liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản QPPL tại một số khu vực/địa phương, trong đó tập trung vào việc nhận diện, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về chuyên môn để nâng cao nhận thức, kinh nghiệm, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm rà soát, nghiên cứu, kiến nghị với cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Pháp lệnh Hợp nhất văn bản QPPL để đảm bảo phù hợp với Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng và thi hành văn bản hợp nhất**(Bộ Công Thương).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Luật Ban hành văn bản QPPL sửa đổi (dự kiến trình Chính phủ dự thảo Luật để trình Quốc hội trong năm 2024). Tại dự thảo này, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu định hướng sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về hợp nhất văn bản QPPL.Theo đó, sau khi Luật Ban hành văn bản QPPL (sửa đổi) được Quốc hội thông qua, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Hợp nhất văn bản QPPL để bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản QPPL.

**7.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ cho công tác pháp điển và hợp nhất VBQPPL và các buổi hướng dẫn sử dụng kết quả pháp điển, văn bản hợp nhất, kết hợp cả hình thức trực tuyến và trực tiếp để ngày càng nhiều công chức tiếp cận và sử dụng kết quả của các công tác này**(Bộ Công Thương).*

**Trả lời:**

Thời gian qua, Bộ Tư pháp luôn chú trọng và tăng cường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho công chức thực hiện công tác hợp nhất văn bản QPPL và pháp điển hệ thống QPPLtại các Bộ, ngành; giới thiệu và hướng dẫn khai thác sử dụng Bộ pháp điển bằng nhiều hình thức đa dạng như: thông qua Hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn, bồi dưỡng do Bộ Tư pháp tổ chức hằng năm[[2]](#footnote-2); đăng tải tài liệu truyền thông (tờ rơi, video) giới thiệu, hướng dẫn khai thác, sử dụng Bộ pháp điển[[3]](#footnote-3); gửi Công văn đến các Bộ, ngành về việc tích hợp Bộ pháp điển và tăng cường giới thiệu, hướng dẫn khai thác, sử dụng Bộ pháp điển đến công chức tại Bộ[[4]](#footnote-4).Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lớp tập huấn nhằm trao đổi, thảo luận, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về chuyên môn để nâng cao kỹ năng nghiệp vụ công tác pháp điển và hợp nhất văn bản QPPL cho cán bộ làm công tác pháp điển, hợp nhất của các Bộ, ngành.

**8.***Đề nghị Bộ Tư pháp đầu tư, nâng cấp Phần mềm pháp điển hệ thống QPPL và phần mềm cập nhật VBQPPL trên CSDLQG để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ. Vì 02 Phần mềm này truy cập vào thường xuyên bị lỗi và chậm, gây ảnh hưởng đến việc thực thi nhiệm vụ**(Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*.

**Trả lời:**

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo là một trong những nhiệm vụ đặt ra tại Đề án “Nâng cao chất lượng và hiệu quả khai thác, sử dụng Bộ pháp điển” (ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ). Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp tiếp tục rà soát, kịp thời tăng cường các giải pháp về công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo đối với các kỹ thuật pháp điển, bổ sung tính năng trên phần mềm; bảo đảm dễ dàng, thuận lợi trong quá trình sử dụng, tác nghiệp.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (CSDLQG về pháp luật) được xây dựng từ năm 2012, chính thức đưa vào sử dụng năm 2014. Sau hơn 10 năm đưa vào khai thác và sử dụng chính thức trên mạng internet, CSDLQG về pháp luật đã cơ bản đáp ứng được các mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, hiện nay, trong bối cảnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển nhanh, mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực; nguồn thông tin phong phú, trình độ dân trí ngày càng cao, dân chủ ngày càng được mở rộng trong khi năng lực nền kinh tế còn chưa cao, bộ máy nhà nước ngày càng tinh giảm…Bên cạnh đó, các hệ thống phần mềm đã và đang tồn tại một số bất cập, hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công tác quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng CSDLQG về pháp luật. Do vậy, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực; định hướng phát triển Chính phủ điện tử, chính phủ số của Bộ, ngành Tư pháp và nhu cầu hoạt động quản lý nhà nước, hiện nay, Bộ Tư pháp đang triển khai nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư về nâng cấp và phát triển CSDLQG về pháp luật trong tổng thể đề xuất nhu cầu hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và dự án đầu tư công nghệ thông tin giai đoạn 2026-2030 của Bộ Tư pháp.

**9.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu sớm hoàn thiện các quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; kịp thời sửa đổi, bổ sung những điểm bất cập, hạn chế để đảm bảo tính thống nhất, khả thi khi áp dụng (Bộ Quốc phòng).*

**Trả lời:**

Để phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tham mưu, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tại Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số [154/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-154-2020-ND-CP-sua-doi-34-2016-ND-CP-huong-dan-Luat-Ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-461727.aspx) ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ”. Hiện nay, quy định về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL đang tiếp tục được Bộ Tư pháp chủ trì nghiên cứu, hoàn thiện trong quá trình xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi) để củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả các công tác này trong thời gian tới, phù hợp với Đề án của Đảng đoàn Quốc hội về đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả (dự kiến trình Chính phủ dự thảo Luật để trình Quốc hội trong năm 2024).

**III. CỤC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường công tác tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở địa phương (UBND các tỉnh: Bình Định, Vĩnh Phúc).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ theo dõi THPL cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ này ở địa phương, nhất là đối với các lĩnh vực trọng tâm hằng năm (UBND các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của các địa phương. Đối với công tác tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật, hằng năm, trên cơ sở Kế hoạch công tác, Bộ Tư pháp đều tổ chức một số lớp tập huấn chung, có mời các tỉnh tham dự. Theo đó, một trong các nội dung tập huấn quan trọng là về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên Ngành theo Kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Tuy nhiên, do kinh phí và nguồn lực hạn chế nên Bộ Tư pháp không thể tổ chức tập huấn về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho từng địa phương. Các địa phương có thể xây dựng Kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn về theo dõi tình hình thi hành pháp luật căn cứ nhu cầu thực tiễn của mình. Trường hợp nếu cần Báo cáo viên thì Bộ Tư pháp sẽ cử Báo cáo viên để tập huấn giúp địa phương. Bên cạnh đó, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tăng cường tổ chức các hội nghị tập huấn, các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**2.** *Hiện nay, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất về theo dõi thi hành pháp luật và cũng là cơ sở triển khai thực hiện công tác này trên thực tế. Tuy nhiên, các quy định của Nghị định chưa bao quát được hết các nội dung, mục đích của công tác theo dõi thi hành pháp luật; chưa tháo gỡ, giải quyết được những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện…. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu ban hành theo thẩm quyền bộ công cụ đánh giá mức độ THPL; cơ chế để tiếp nhận, phân tích và xử lý các thông tin từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (UBND tỉnh Bắc Giang).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị với Chính phủ: Cần sớm hoàn thiện thể chế pháp lý về theo dõi thi hành pháp luật góp phần tạo bước chuyển biến quan trọng trong thi hành pháp luật của toàn xã hội. Hiện nay, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020) là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất về theo dõi thi hành pháp luật và cũng là cơ sở triển khai thực hiện công tác này trên thực tế. Tuy nhiên, các quy định của Nghị định chưa bao quát được hết các nội dung, mục đích của công tác theo dõi thi hành pháp luật; chưa tháo gỡ, giải quyết được những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện…. (UBND tỉnh Hải Dương).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp quy định cụ thể về đối tượng theo dõi, trách nhiệm, thẩm quyền của các chủ thể thực hiện theo dõi, đặc biệt là thẩm quyền xử lý khi phát hiện vi phạm trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật (UBND TP. Hải Phòng).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân (UBND TP. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Ngày 21/6/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 04/2021/TT-BTP hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. Trong Thông tư này, Bộ Tư pháp đã có hướng dẫn cụ thể đối với các nội dung, cách thực hiện hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật; cơ chế tiếp nhận, phân tích và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Đồng thời, để có căn cứ pháp lý cho các Bộ, ngành và địa phương thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật một cách bài bản và hiệu quả, hiện nay, Bộ Tư pháp đang tập trung nguồn lực xây dựng, hoàn thiện dự thảo Thông tư quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Theo đó, Thông tư được ban hành sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương thực hiện xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, trong đó có đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng đang dự kiến đề xuất quy định các nội dung về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó, có nội dung theo dõi tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi. Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của các địa phương và sẽ nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong thời gian tới.

**3.** *Đề nghị với Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật (hiện nay, kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chủ yếu vận dụng các quy định ở nhiều văn bản khác nhau…) để các địa phương có cơ sở phân bổ ngân sách cũng như áp dụng thống nhất (UBND tỉnh Hải Dương).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng hiệu quả kinh phí xây dựng và thi hành pháp luật; coi đây là nhiệm vụ chi đặc thù, độc lập với chi thường xuyên ngân sách nhà nước phân bổ theo tiêu chí biên chế (Bộ Xây dựng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của Bộ Xây dựng và UBND tỉnh Hải Dương. Hiện nay, Bộ Tài chính đã có hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương về việc quản lý, sử dụng kinh phí theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 42/2022/TT-BTC). Tuy nhiên, đúng như phản ánh của Quý Bộ và địa phương, Thông tư số 338/2016/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 42/2022/TT-BTC) chưa quy định rõ ràng, đầy đủ nội dung chi, định mức chi cho các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Đến nay, mới chỉ có định mức chi cho hoạt động xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật, còn các hoạt động khác như thu thập, xử lý thông tin, kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật chủ yếu là vận dụng mà chưa có quy định rõ ràng nên còn phụ thuộc vào ý chí chủ quan của cấp có thẩm quyền xét duyệt. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục kiến nghị Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về nội dung chi và định mức chi cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp đẩy nhanh xây dựng Cơ sở Dữ liệu về tình hình thi hành pháp luật để có dữ liệu, thông tin chính xác, đầy đủ làm cơ sở cho việc đánh giá thực tiễn, tổng kết thi hành trong quá trình xây dựng pháp luật (Bộ Xây dựng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của Bộ Xây dựng, trong thời gian tới Bộ Tư pháp sẽ xem xét, nghiên cứu về kiến nghị xây dựng Cơ sở Dữ liệu về tình hình thi hành pháp luật của Quý Bộ trong quá trình xây dựng hoàn thiện thể chế, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chế tài xử phạt* *hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ giả theo hướng tăng sức răn đe hơn (UBND tỉnh Bình Dương).*

**Trả lời:**

Hiện nay, hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ giả được quy định trong nhiều nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước, như: Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình; Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã,… Kiến nghị của địa phương không nêu rõ cần sửa đổi, bổ sung chế tài xử phạt hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ giả trong lĩnh vực nào và không nêu căn cứ của kiến nghị. Do đó, Bộ Tư pháp không có cơ sở để kiến nghị các cơ quan có liên quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng Phần mềm và kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính cho các địa phương để thuận lợi trong việc tra cứu, giải quyết hồ sơ (UBND tỉnh Bình Thuận).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của UBND tỉnh Bình Thuận và xin cung cấp thêm thông tin như sau: Ngày 03/6/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 957/QĐ-BTP phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính - Giai đoạn 1. Tuy nhiên, do một số quy định làm căn cứ xây dựng Dự án có sự thay đổi, ngày 25/4/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 737/QĐ-BTP phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính - Giai đoạn 1. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang trong quá trình triển khai Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

**7.** *Khoản 2 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “Xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.”. Tuy nhiên, đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính thì Luật cũng như các văn bản quy định chi tiết chưa có quy định cụ thể* *(UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm đã được quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật XLVPHC). Theo đó, nếu không xác định được đối tượng vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó. Việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp này không bị coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, khoản 4 Điều 85 Luật XLVPHC quy định cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính phải tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả. Chi phí cho việc tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định thực hiện được lấy từ nguồn ngân sách dự phòng cấp cho cơ quan đó.

**8.** *Tại khoản 5 Điều 58 Luật XLVPHC (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định thời gian chuyển Biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập Biên bản là quá ngắn. Điều này gây khó khăn trong việc chuyển hồ sơ vụ việc vượt thẩm quyền, đặc biệt là đối với đơn vị ở vùng sâu, vùng xa hoặc thời điểm lập Biên bản vào cuối ngày mà ngày tiếp theo là ngày nghỉ, ngày lễ thì không đảm bảo được thời hạn chuyển giao Biên bản vi phạm hành chính (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 58 Luật XLVPHC và điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (Nghị định 118/2021/NĐ-CP), trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản. Theo đó, thời hạn 24 giờ nêu trên được tính kể từ thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính cho đến thời điểm biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu khác được chuyển đi, không phải được tính kể từ thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính cho đến thời điểm người có thẩm quyền xử phạt nhận được biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu khác.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương về vấn đề nêu trên và sẽ tổng hợp, nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

**9.** *Khoản 4 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 quy định về giải trình: Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không yêu cầu giải trình nhưng trước khi hết thời hạn quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này lại có yêu cầu giải trình thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm. Quy định này nhằm bảo đảm quyền thực hiện giải trình của các đối tượng thuộc trường hợp giải trình theo quy định, tuy nhiên lại rườm rà không cần thiết, vô tình tạo ra nguy cơ rủi ro pháp lý cho các lực lượng thực thi pháp luật* *(UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Quy định nêu trên nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức - một trong những nguyên tắc quan trọng và cốt lõi khi xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thông qua việc thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 61 Luật XLVPHC, cá nhân, đối tượng vi phạm có cơ hội trình bày quan điểm của mình, giải thích các tình tiết vụ việc liên quan và đưa ra bằng chứng để bảo vệ quyền và lợi ích của bản thân. Mặt khác, quy định tại khoản 4 Điều 61 Luật XLVPHC cũng giúp người có thẩm quyền xử phạt có đủ căn cứ để ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính hợp pháp, công bằng, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Điều này góp phần hạn chế các trường hợp bị khiếu nại, khởi kiện hành chính.

**10.** *Tại khoản 1, khoản 2 Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: "1. Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực. 2. Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này chuyển đến...". Vậy trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng chuyển không đúng thời hạn nêu tại khoản 1 thì người có thẩm quyền xử phạt có ra quyết định xử phạt nữa không? vì theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật quy định là "Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này chuyển đến" trong khi đó không có quy định nào cụ thể đối với trường hợp này (xác định người có thẩm quyền có được ban hành quyết định xử phạt nữa hay không). Nếu người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng chuyển không đúng thời hạn nêu tại khoản 1 Điều 63 có thuộc trường hợp vi phạm quy định về thủ tục ban hành quyết định không?* *(UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Theoquy định tạikhoản 5 Điều 12 Luật XLVPHC, một trong những trường hợp bị nghiêm cấm là xử phạt vi phạm hành chính không đúng thủ tục quy định tại Luật này. Việc cơ quan tiến hành tố tụng chuyển hồ sơ, tài liệu xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt không đúng thời hạn nêu tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC thuộc trường hợp vi phạm quy định về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính.

**11.** - *Điểm b khoản 4 Điều 126 Luật XLVPHC đối với tang vật không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp… hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật VPHC. Quy định này gây khó khăn cho quá trình thực hiện, đặc biệt đối với hàng hoá là động vật sống tạm giữ thời gian lâu dễ dẫn đến chết, gầy yếu, giảm giá trị khi bán nộp vào ngân sách nhà nước. Cơ quan tạm giữ không có địa điểm chăn thả, không có lực lượng chuyên môn chăn nuôi; phải thuê địa điểm, thuê người chăm sóc nên phát sinh chi phí cao. Vì vậy, xảy ra nhiều trường hợp tiền bán tang vật không đủ để thanh toán cho các chi phí phát sinh như tiền thuê địa điểm, chăn nuôi, chăm sóc*.

*- Điểm b khoản 4 Điều 126 Luật XLVPHC năm 2020 về Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính: “Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện... Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính”. Thời hạn này là quá lâu đối với việc duy trì, bảo quản tang vật là động vật sống; các loại hàng hóa, vật phẩm khác kể cả không khó bảo quản nhưng cũng khấu hao giá trị vô hình đáng kể trong thời gian bị tạm giữ, phát sinh khó khăn, tốn kém và nguy cơ không đảm bảo tính hiệu quả thực hiện*.

*- Điểm b, Khoản 4, Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “4. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 125 của Luật này khi hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì được xử lý như sau: b) Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng của trung ương hoặc địa phương nơi tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính”. - Đối với các vụ vi phạm có tang vật là gỗ, củi thuộc loài thông thường, nếu tạm giữ thời gian lâu dễ bị mối, mục, do vậy sau khi tịch thu sẽ bị giảm hoặc thậm chí không còn giá trị sử dụng. - Tang vật của các vụ việc trong lĩnh vực Lâm nghiệp thường có giá trị nhỏ, sau khi bán đấu giá và trừ các chi phí số tiền nộp ngân sách thậm chí không đủ bù chi phí (bến bãi, bảo quản...). Nếu gộp tang vật nhiều vụ việc để bán đấu giá, tài sản (gỗ, củi) để lâu dễ mục nát, mất giá trị, khó bán* *(UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Đây là trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện, nếu tịch thu ngay thì trong nhiều trường hợp sẽ không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức có liên quan. Vì vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đồng thời, nhằm bảo đảm sự thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Dân sự về việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản không xác định được chủ sở hữu, Luật XLVPHC đã quy định thời hạn ra quyết định tịch thu trong trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là “hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo lần thứ hai”. Đồng thời, quy định này cũng nhằm bảo đảm sự thống nhất với quy định tại Điều 74 Luật XLVPHC về thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (01 năm, kể từ ngày ra quyết định).

**12.** *Lập biên bản vi phạm hành chính đối với trường hợp không xác định được người vi phạm: Về lập biên bản đối với trường hợp quá trình triển khai bắt giữ không bắt giữ được đối tượng tại hiện trường, sau đó đối tượng không tự giác đến làm việc và không xác định được tên tuổi, địa chỉ người đã thực hiện hành vi đó, chỉ tạm giữ được tang vật vi phạm. Theo quy định của Luật XLVPHC và Nghị định hiện hành không có quy định cụ thể việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với trường hợp không xác định được người vi phạm* *(UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Liên quan đến trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, điểm b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ có quy định hướng dẫn việc ký và giao biên bản vi phạm hành chính. Cụ thể, theo điểm b khoản 5 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP, trong trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, biên bản vi phạm hành chính phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến, thì phải ghi rõ lý do vào biên bản. Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP, trong trường hợp không xác định được cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, người có thẩm quyền không phải thực hiện việc giao biên bản vi phạm hành chính sau khi lập xong.

Về cách ghi thông tin trong biên bản vi phạm hành chính, tại mục thông tin về đối tượng vi phạm, phần chú thích của mẫu MBB số 01 được ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP đã hướng dẫn “*lưu ý lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của vụ việc*”. Do đó, trong trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, người lập biên bản vi phạm hành chính có thể lựa chọn và ghi thông tin để thể hiện nội dung “không xác định được đối tượng vi phạm hành chính” bằng cách gạch chéo, không điền các thông tin như giới tính, ngày, tháng, năm sinh… và ghi rõ: *“Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính”*.

**13.** *Tại khoản 2* *Điều 12 Nghị định số* *118/NĐ-CP quy định: thời hạn lập Biên bản vi phạm hành chính là 02 ngày làm việc kể từ khi phát hiện hành vi vi phạm (trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp là 05 ngày làm việc), tuy nhiên trên thực tế, đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp, do khu vực xảy ra hành vi vi phạm thường có địa hình khó khăn, xa trung tâm, khó tiếp cận, đối tượng vi phạm không hợp tác, do vậy để củng cố hồ sơ và lập biên bản vi phạm hành chính cần nhiều thời gian so với quy định (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Để giải quyết khó khăn, vướng mắc mà địa phương nêu trên, đồng thời, bảo đảm việc xử phạt được thực hiện kịp thời, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP theo hướng tăng thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính lên 03 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính. Hiện nay, dự thảo Nghị định đang được trình Chính phủ để ban hành.

**14.** *Theo khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP, biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính; trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính. Tuy nhiên, không quy định trường hợp vì lý do nào đó mà để quá hạn chưa lập Biên bản vi phạm hành chính thì có còn được lập biên bản vi phạm hành chính hay không? hoặc thủ tục tiếp theo trong trường hợp này là như thế nào? trong khi đó thời hiệu xử lý vi phạm hành chính vẫn còn? Trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính có vi phạm về trình tự thủ tục không? và trường hợp không lập biên bản vi phạm hành chính thì có bỏ lọt không xử phạt vi phạm hành chính hay không? (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm không đúng thời hạn được quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP được xem là vi phạm về thủ tục. Khi đó, người có thẩm quyền để quá thời hạn lập mà chưa lập biên bản vi phạm hành chính không được lập biên bản vi phạm hành chính, kể cả trong trường hợp vẫn còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, vấn đề thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính là một trong những vướng mắc lớn trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Do đó, để giải quyết vướng mắc trong thực tế thi hành, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, dự kiến sửa đổi, bổ sung quy định này theo hướng: (1) tăng thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính lên 03 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính; (2) quy định biên bản vi phạm hành chính có vi phạm về thủ tục lập và chuyển thì biên bản đó không phải là căn cứ để ra quyết định xử phạt; nếu hành vi vi phạm vẫn tiếp tục được thực hiện hoặc đã kết thúc nhưng vẫn còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền xử phạt tiến hành việc xử phạt theo quy định.

**15.** *Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định về giải trình (tại Điều 61 Luật XLVPHC) Căn cứ thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; thời hạn thực hiện quyền giải trình của các đối tượng thuộc trường hợp giải trình; yếu tố xác nhận không thực hiện quyền giải trình tại biên bản vi phạm hành chính của đối tượng vi phạm và yếu tố tiếp tục thực hiện quyền này trong thời hạn cho phép mặc dù đã xác nhận không thực hiện giải trình. Các yếu tố nêu trên trong quy định này cấu thành tính phức tạp không cần thiết của vấn đề, dẫn đến nguy cơ về trách nhiệm của lực lượng thực thi công vụ trong việc không đảm bảo quyền giải trình của đối tượng vi phạm, mặc dù thực hiện đúng về thời hạn ban hành quyết định xử phạt theo quy định hiện hành. Do đó, là không cần thiết đối với quy định này* *(UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Quy định nêu trên nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức - một trong những nguyên tắc quan trọng và cốt lõi khi xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thông qua việc thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 61 Luật XLVPHC, cá nhân, đối tượng vi phạm có cơ hội trình bày quan điểm của mình, giải thích các tình tiết vụ việc liên quan và đưa ra bằng chứng để bảo vệ quyền và lợi ích của bản thân. Mặt khác, quy định tại khoản 4 Điều 61 Luật XLVPHC cũng giúp người có thẩm quyền xử phạt có đủ căn cứ để ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính hợp pháp, công bằng, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Điều này góp phần hạn chế các trường hợp bị khiếu nại, khởi kiện hành chính.

**16.** *(1) Tại khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định: Trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 1 Điều này, nếu có căn cứ để ban hành quyết định mới, thì người đã ban hành quyết định phải ban hành quyết định mới hoặc chuyển người có thẩm quyền ban hành quyết định mới. Tuy nhiên không có văn bản hướng dẫn thế nào là có căn cứ để ban hành quyết định mới và quy trình thực hiện ban hành quyết định mới như thế nào; (2) Trường hợp đối tượng vi phạm đã chấp hành quyết định (đã nộp tiền phạt) hoặc trường hợp không có cơ sở để ban hành quyết định mới, vậy, số tiền nộp thiếu sẽ tính như thế nào; (3) hướng dẫn xem xét, xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cá nhân sai phạm trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính* *(UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

*Thứ nhất*, đối với phản ánh khó khăn, vướng mắc về việc “*không có văn bản hướng dẫn thế nào là có căn cứ để ban hành quyết định mới*”, Bộ Tư pháp cho rằng, các vụ việc vi phạm hành chính xảy ra rất đa dạng, phức tạp trong nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước với các tình tiết khác nhau. Do đó, việc hướng dẫn cụ thể thế nào là “*có căn cứ để ban hành quyết định mới*” trong văn bản quy phạm pháp luật có thể làm cho quy định trở nên cứng nhắc, không khả thi và không đủ bao quát đối với tất cả các tình huống, vụ việc xảy ra. Tùy từng trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền căn cứ vào hồ sơ, tài liệu, tình tiết vụ việc thực tế (ví dụ hành vi vi phạm còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính) để xác định vụ việc có căn cứ để ban hành quyết định mới hay không. Đối với phản ánh “*không có văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện ban hành quyết định mới như thế nào*”, Bộ Tư pháp ghi nhận khó khăn, vướng mắc này. Để bảo đảm việc ban hành mới quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện thống nhất, thuận lợi, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP dự kiến bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn ban hành mới quyết định. Cụ thể khoản 6 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung) quy định: “*Trường hợp phải ban hành quyết định xử phạt mới, thì người có thẩm quyền lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Thời hạn ban hành quyết định xử phạt mới quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính*”.

*Thứ hai*, đối với phản ánh khó khăn, vướng mắc về việc xử lý khoản tiền mà người bị xử phạt đã nộp phạt theo quyết định xử phạt nhưng sau đó quyết định xử phạt bị hủy bỏ, cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt nghiên cứu Thông tư 18/2023/TT-BTC ngày 21/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục thu, nộp tiền phạt, bù trừ số tiền nộp phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính, trong đó quy định cụ thể cách tính và thực hiện bù trừ số tiền nộp phạt chênh lệch (nếu có) trong trường hợp có quyết định hủy bỏ hoặc ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính.

*Thứ ba*, đối với kiến nghị về việc hướng dẫn xem xét, xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cá nhân sai phạm trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, cơ quan, người có thẩm quyền cần căn cứ vào hồ sơ, vụ việc cụ thể, tình hình thực tế, đối chiếu với các quy định tại Nghị định 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức để xem xét, xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan.

**17.** *Quá trình bắt giữ, xử lý một số loại hàng hoá như: Thuốc tân dược, thực phẩm chức năng, sản phẩm lâm nghiệp… bắt buộc phải thực hiện các hoạt động giám định, định giá làm căn cứ xử lý vụ việc. Việc này thường kéo dài, khó xác định cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện tiến hành giám định, định giá và chi phí phát sinh lớn, Vì vậy, gây khó khăn cho công tác xử lý VPHC của các đơn vị (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Nội dung kiến nghị địa phương nêu trên không phản ánh rõ khó khăn, vướng mắc. Do đó, Bộ Tư pháp không có cơ sở để đưa ra nội dung trả lời cụ thể.

**18.** *(1) Tại khoản 13 Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, ngày 25 tháng 4 năm 2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ) quy định hình thức phạt bổ sung đối với hành vi phá rừng trái pháp luật như sau: “Tịch thu tang vật, công cụ, phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này”. Đối với vụ việc có diện tích rừng bị thiệt hại nhỏ nhưng phương tiện vi phạm có giá trị lớn (máy xúc), việc tịch thu phương tiện vi phạm khó thi hành, hình thức tịch thu chưa tương xứng với thiệt hại do hành vi vi phạm hành chính gây ra; (2) Tại điểm b khoản 3 Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ) quy định: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: b) Chủ cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm hoặc các loài thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp có nguồn gốc hợp pháp nhưng không đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP không quy định thời gian cụ thể phải lập hồ sơ đề nghị đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng sau khi các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (có nguồn gốc hợp pháp) được đưa về cơ sở nuôi, trồng. Do vậy, không có cơ sở để xử phạt các cơ sở nuôi, trồng theo điểm b, khoản 3, Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Đối với phản ánh về khó khăn, vướng mắc liên quan đến hình thức tịch thu được quy định tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ và việc xử phạt các cơ sở nuôi, trồng theo điểm b khoản 3 Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, Bộ Tư pháp xin ghi nhận và sẽ lưu ý các vấn đề này trong quá trình góp ý và thẩm định dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 35/2019/NĐ-CP.

**19.** *Theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định, UBND các tỉnh, thành xây dựng Cơ sở dữ liệu về XLVPHC, nhưng địa phương đang gặp khó khăn, do Bộ chưa có hướng dẫn các tiêu chí cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về XLVPHC. Vì vậy, để tránh lãng phí và phối hợp chia sẽ dữ liệu về sau này với Bộ Tư pháp, UBND Thành phố kiến nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn các tiêu chí chung trong việc xây dựng Cơ sở dữ liệu để địa phương làm cơ sở thực hiện, tránh mỗi nơi làm một kiểu, sau này sẽ không chia sẻ dữ liệu được (UBND TP. Cần Thơ).*

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 1 Điều 33 và khoản 4 Điều 39 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, có thể thấy rằng việc xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của địa phương thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đề nghị địa phương căn cứ vào các quy định pháp luật có liên quan tại Luật XLVPHC, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021, Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính để triển khai việc xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của địa phương, phù hợp với yêu cầu công tác và tình hình thực tế của địa phương và bảo đảm các yêu cầu về kết nối, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trên toàn quốc.

**20.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, sửa đổi Nghị định số 166/2013/NĐ-CP để phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020 (UBND TP. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Việc chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc trách nhiệm của Bộ Công an. Trong quá trình tham gia góp ý, thẩm định dự thảo Nghị định nói trên, với phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu và phối hợp có ý kiến để bảo đảm Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 166/2013/NĐ-CP được ban hành phù hợp, thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm tính khả thi trong thực tế.

**21.** *Theo khoản 3 Điều 25 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Điều 81 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt thì khi áp dụng hình phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 25 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã có quy định: Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Đồng thời, khoản 4 Điều 81 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP cũng quy định: Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, nếu cá nhân, tổ chức vẫn tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì bị xử phạt như hành vi không có giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét tham mưu sửa đổi quy định hình thức xử phạt tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề được áp dụng mà không cần điều kiện tại thời điểm vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm phải xuất trình được Giấy phép, chứng chỉ hành nghề* *(UBND tỉnh Hà Tĩnh).*

**Trả lời:**

Hiện nay, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP đã bổ sung quy định người có thẩm quyền không yêu cầu cá nhân, tổ chức vi phạm xuất trình giấy phép, chứng chỉ hành nghề, trừ trường hợp họ không thể kiểm tra được thông tin về giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm từ các cơ sở dữ liệu. Cụ thể, điểm a khoản 6 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (sau khi được sửa đổi, bổ sung) quy định: “*Khi thi hành công vụ, người có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra thông tin về giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm từ các cơ sở dữ liệu theo quy định; nếu không thể kiểm tra được thông tin thì yêu cầu cá nhân, tổ chức vi phạm xuất trình giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trường hợp phải áp dụng biện pháp tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền yêu cầu cá nhân, tổ chức vi phạm giao nộp bản giấy của giấy phép, chứng chỉ hành nghề và tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định*”.

**21.** *Khoản 5 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2020 quy định: “…trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, trừ trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa”. Tuy nhiên, vì thời hạn chuyển hồ sơ quá ngắn nên trên thực tế việc chuyển giao biên bản, hồ sơ có liên quan cho người có thẩm quyền xử phạt gặp nhiều khó khăn. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét tham mưu sửa đổi quy định này theo hướng tăng thời gian chuyển hồ sơ cho người có thẩm quyền kể từ khi lập biên bản* *(UBND tỉnh Hà Tĩnh).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 58 Luật XLVPHC và điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (Nghị định 118/2021/NĐ-CP), trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản. Theo đó, thời hạn 24 giờ nêu trên được tính kể từ thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính cho đến thời điểm biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu khác được chuyển đi, không phải được tính kể từ thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính cho đến thời điểm người có thẩm quyền xử phạt nhận được biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu khác.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương về vấn đề nêu trên và sẽ tổng hợp, nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

**22.** *Tại khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020) quy định: Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm, hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên* *kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.*

*Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 9, Điều 21 Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26/3/2020 của Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng công an nhân dân thì Quyết định không khởi tố vụ án hình sự phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định và phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan này. Do đó, thực tế việc chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân phải phụ thuộc vào thời gian nhận được văn bản đồng ý của cơ quan Viện Kiểm sát. Vì vậy, quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực nêu trên là chưa phù hợp, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét tham mưu sửa đổi quy định này theo hướng trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền” (UBND tỉnh Hà Tĩnh).*

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC quy định: *“Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm, hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực”*. Cụ thể trong trường hợp cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dânra quyết định không khởi tố vụ án hình sự thì quyết định này phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định và phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan này theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 9, Điều 21 Thông tư số 28/2020/TT-BCA*.*

Do đó, Bộ Tư pháp cho rằng, quyết định không khởi tố vụ án hình sự được bảo đảm *“hiệu lực”* theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC khi nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Viện kiểm sát có thẩm quyền và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định không khởi tố vụ án hình sự có *“hiệu lực”* thì cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân phải gửi quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

**23.** *Tại điểm b khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 65 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020) quy định:“Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng... Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính”. Việc quy định thời hạn thông báo 01 năm là quá dài, nhất là trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng hoá dễ bị hư hỏng còn hạn sử dụng ngắn. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét tham mưu quy định thời hạn ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong từng trường hợp cụ thể (UBND tỉnh Hà Tĩnh).*

**Trả lời:**

Đây là trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện, nếu tịch thu ngay thì trong nhiều trường hợp sẽ không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức có liên quan. Vì vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đồng thời, nhằm bảo đảm sự thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Dân sự về việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản không xác định được chủ sở hữu, Luật XLVPHC đã quy định thời hạn ra quyết định tịch thu trong trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là “hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo lần thứ hai”. Đồng thời, quy định này cũng nhằm bảo đảm sự thống nhất với quy định tại Điều 74 Luật XLVPHC về thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (01 năm, kể từ ngày ra quyết định).

**24.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (UBND TP. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tổng kết thi hành Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và chủ trì nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Hiện nay, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ để ban hành Nghị định nói trên.

**25.** *Thực tế tại địa phương còn có nhiều quan điểm khác nhau về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trước hay sau khi lập biên bản vi phạm hành chính dẫn đến việc thực hiện tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không thống nhất. Vì vậy, đề nghị Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật hướng dẫn cụ thể về trình tự thực hiện tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.*

*Ví dụ: Trong quá trình kiểm tra, Công an huyện phát hiện ông A đang vận chuyển hàng hóa là đường kính do nước ngoài sản xuất nhưng không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ. Công an huyện sẽ thực hiện tạm giữ tang vật vi phạm hành chính theo trình tự như thế nào?*

*Phương án 1: Công an huyện ra quyết định tạm giữ “để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt” theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) trước. Sau khi định giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, xác định được thẩm quyền xử phạt, lập biên bản vi phạm hành chính thì tiếp tục ra quyết định tạm giữ “để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt” theo thời hạn quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).*

*Phương án 2: Công an huyện ra quyết định tạm giữ “để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt” theo thời hạn quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Trong thời hạn tạm giữ này, công an huyện thực hiện xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể trường hợp trên để địa phương thống nhất thực hiện. Đồng thời cho ý kiến việc vi phạm quy định về thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có phải là vi phạm thủ tục trong xử phạt vi phạm hành chính hay không (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

*Thứ nhất,* đối với kiến nghị hướng dẫn cụ thể về trình tự thực hiện tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, Theo điểm a khoản 1 Điều 125 Luật XLVPHC quy định: *“Việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây: (i) Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt; (ii) Trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì áp dụng quy định của khoản 3 Điều 60 của Luật này”*.

Mặt khác, tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật XLVPHC cũng quy định nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính: “*Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật*”.

Do đó, tùy vào từng trường hợp cụ thể, khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền có thể áp dụng ngay biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu nhận thấy thuộc trường hợp tạm giữ theo quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật XLVPHC mà không cần phải phụ thuộc vào việc đã lập biên bản vi phạm hành chính hay chưa. Đồng thời, khi thực hiện tạm giữ tang vật, phương tiện vi, người có thẩm quyền phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về trình tự, thủ tục tại Điều 125 Luật XLVPHC.

*Thứ hai,* đối với kiến nghị cho ý kiến việc vi phạm quy định về thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có phải là vi phạm thủ tục trong xử phạt vi phạm hành chính hay không.

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính bao gồm các bước xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan có thẩm quyền thực hiện từ khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính cho đến khi ban hành quyết định xử phạt. Trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn và đảm bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, trong đó có biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Điều 125 Luật XLVPHC. Do đó, việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cần phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục và thời hạn tạm giữ. Việc vi phạm thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cũng được coi là vi phạm thủ tục trong xử phạt vi phạm hành chính.

**26.** *Theo quy định tại Khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 72 và điểm d khoản 73 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 thì thời hạn tạm giữ để định giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt không quá 48 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp thật cần thiết thì thời hạn có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 48 giờ. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn thời hạn tạm giữ 48 giờ trong quy định trên được tính là 48 giờ của ngày làm việc hay 48 giờ của ngày liên tục (tức là bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết) - (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Tại Điều 8 Luật XLVPHC quy định về cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự (trừ trường hợp trong Luật XLVPHC có quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc). Theo quy định tại Điều 144 Bộ luật Dân sự năm 2015, *“thời hạn là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác”*. Đồng thời, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định thời điểm bắt đầu của thời hạn : “*Khi thời hạn được xác định bằng phút, giờ thì thời hạn được bắt đầu từ thời điểm đã xác định”*. Theo đó, đối với trường hợp thời hạn được tính bằng giờ thì thời hạn được sẽ được tính từ thời điểm bắt đầu đã được xác định của thời hạn và liên tục cho khi hết khoảng thời gian đó. Như vậy, trong trường hợp này, thời hạn *“48 giờ”* được hiểu là 48 giờ liên tục kể từ thời điểm bắt đầu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho đến khi hết 48 giờ và bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết.

**27.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn như thế nào là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, phải lập biên bản vi phạm hành chính mới gọi là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hay có dấu hiệu vi phạm hành chính (chưa* *lập biên bản vi phạm hành chính) thì gọi là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Điểm d khoản 1 Điều 21 Luật XLVPHC quy định về hình thức xử phạt vi phạm hành chính “*tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính)*”.

Điều 21 Luật XLVPHC quy định: “*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hóa, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức*”.

Trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền cần căn cứ vào các quy định nói trên và hồ sơ, tình tiết cụ thể của vụ việc để xác định vật, tiền, hàng hóa, phương tiện trong vụ việc có phải là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hay không. Lưu ý, tang vật, phương tiện có thể được coi là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại thời điểm người có thẩm quyền xác định có hành vi vi phạm hành chính xảy ra và trước thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính.

**28.** *Tại Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 118/2021/NĐ-CP có quy định về việc giải trình tuy nhiên không có quy định như thế nào là giải trình. Đề nghị Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật hướng dẫn như thế nào là giải trình.*

*Theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính để ra quyết định xử phạt. Trường hợp đương sự có đơn giải trình mà nội dung giải trình thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền có thể giao cho cấp dưới thực hiện xác minh theo nội dung đơn giải trình của đương sự hay không? Trong trường hợp này có phải lập biên bản xác minh tình tiết hay không? Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung này (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

*Thứ nhất*, đối với kiến nghị hướng dẫn khái niệm giải trình, “giải trình”là thuật ngữ có ý nghĩa phổ biến và dễ hiểu. Do đó, Bộ Tư pháp cho rằng, không cần thiết phải quy định khái niệm này trong văn bản quy phạm pháp luật.

*Thứ hai,* đối với kiến nghị hướng dẫn việc thực hiện xác minh theo nội dung giải trình, Điều 59 Luật XLVPHC đã quy định về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính. Sau khi xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xử phạt có thể xác minh các tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật XLVPHC. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật XLVPHC.

Liên quan đến chủ thể thực hiện xác minh tình tiết, Điều 59 Luật XLVPHC chỉ quy định về trách nhiệm xác minh các tình tiết vụ việc vi phạm hành chính của người có thẩm quyền xử phạt mà không hạn chế việc người có thẩm quyền xử phạt có thể phân công, giao nhiệm vụ cho người có thẩm quyền thuộc quyền quản lý của mình thực hiện việc xác minh tình tiết vụ việc. Do đó, người lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính theo Điều 59 Luật XLVPHC không nhất thiết phải là người có thẩm quyền xử phạt.

Nhằm thống nhất về cách hiểu và áp dụng quy định tại Điều 59 Luật XLVPHC, mẫu biên bản số 05 – Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính dự kiến được ban hành kèm theo dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (đang được trình Chính phủ để ban hành) đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng ghi nhận thành phần ký vào biên bản xác minh bao gồm người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và người lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc.

**29.** *Việc xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính phải do người có thẩm quyền xử phạt đối với vụ việc đó hoặc người đại diện được người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ủy quyền trực tiếp thực hiện. Tuy nhiên, thực tế hiện nay đối với các vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh thì việc yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh (được giao quyền xử phạt) trực tiếp thực hiện xác minh tình tiết theo quy định tại Điều 59 Luật Xử phạt vi phạm hành chính là rất khó khăn, không khả thi. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại mẫu biên bản vi phạm hành chính thì người đại diện được người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ủy quyền cũng có thẩm quyền xác minh theo Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, tại Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) không quy định rõ như thế nào là người đại diện được người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ủy quyền gây khó khăn, lúng túng trong việc thực hiện xác minh tình tiết.*

*Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn như thế nào là người đại diện được người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ủy quyền? Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt giao cho cấp dưới thực hiện xác minh tình tiết theo Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính (theo hình thức phân công, giao nhiệm vụ) và lập, ký Biên bản xác minh tình tiết vụ việc thì Biên bản xác minh tình tiết vụ việc này có được xem là căn cứ để ra quyết định xử phạt hay không? Trong trường hợp này, thời hạn ra quyết định xử phạt có thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) hay không? (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

*Thứ nhất,* đối với kiến nghị hướng dẫn thế nào là người đại diện được người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ủy quyền để thực hiện việc xác minh tình tiết vụ việc theo Điều 59 Luật XLVPHC, hiện nay, Luật XLVPHC và các văn bản hướng dẫn chi tiết không quy định nội dung “*việc xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính phải do người có thẩm quyền xử phạt đối với vụ việc đó hoặc người đại diện được người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ủy quyền trực tiếp thực hiện*” như cách hiểu của địa phương. Do đó, việc hướng dẫn thế nào là người đại diện được người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ủy quyền để thực hiện việc minh tình tiết vụ việc theo Điều 59 Luật XLVPHC là không cần thiết.

*Thứ hai,* đối với kiến nghị hướng dẫn xác định giá trị của biên bản xác minh tình tiết vụ việc do người được người có thẩm quyền xử phạt phân công, giao nhiệm vụ thực hiện xác minh và lập biên bản, Điều 59 Luật XLVPHC chỉ quy định về trách nhiệm xác minh các tình tiết vụ việc vi phạm hành chính của người có thẩm quyền xử phạt mà không hạn chế việc người có thẩm quyền xử phạt có thể phân công, giao nhiệm vụ cho người có thẩm quyền thuộc quyền quản lý của mình thực hiện việc xác minh tình tiết vụ việc. Do đó, người lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính theo Điều 59 Luật XLVPHC không nhất thiết phải là người có thẩm quyền xử phạt. Biên bản xác minh được lập bởi người được người có thẩm quyền xử phạt phân công, giao nhiệm vụ thực hiện xác minh là căn cứ để xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ việc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC.

Nhằm thống nhất về cách hiểu và áp dụng quy định tại Điều 59 Luật XLVPHC, mẫu biên bản số 05 - Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính dự kiến được ban hành kèm theo dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (đang được trình Chính phủ để ban hành) đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng ghi nhận thành phần ký vào biên bản xác minh bao gồm người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và người lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc.

**30.** *Tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu,…. Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.*

*Tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này;*

*Tuy nhiên, trong các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP không có biện pháp khắc phục buộc trả lại đất đã lấn, chiếm. Đồng thời, tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP không có quy định người nào có thẩm quyền áp dụng biện pháp buộc trả lại đất đã lấn, chiếm gây khó khăn trong việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.*

*Như vậy, việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc hành vi nghiêm cấm được quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và quyết định xử phạt vi phạm hành chính vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì bị hủy bỏ toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 44 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định: “*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này*”. Do đó, để được hướng dẫn giải quyết khó khăn, vướng mắc nói trên, Bộ Tư pháp đề nghị địa phương gửi văn bản đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn cụ thể theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mà pháp luật quy định.

**31.** *Tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định: Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây: Hàng hóa nhập lậu là thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, chất bảo quản thực phẩm, thuốc phòng bệnh và thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế, hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, thuốc thú y, phân bón, xi măng, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng, giống cây trồng, giống vật nuôi.*

*Như vậy, để xác định hàng hóa nhập là thực phẩm, mỹ phẩm, thuốc,… thì phải có kết luận của cơ quan chức năng. Tuy nhiên,* *cơ quan nào có thẩm quyền giám định trong những trường hợp này thì chưa được quy định cụ thể làm cho việc xử lý vi phạm hành chính còn gặp khó khăn, vướng mắc (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 91 Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022) quy định: “*Bộ trưởng Bộ Công Thương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này*”. Do đó, để được hướng dẫn giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc xác định cơ quan chức năng có thẩm quyền giám định trong trường hợp nói trên, Bộ Tư pháp đề nghị UBND tỉnh Quảng Trị gửi văn bản đến Bộ Công Thương để được hướng dẫn cụ thể theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mà pháp luật quy định.

**32.** *Tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định biểu mẫu biên bản số 04 - Biên bản xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Theo chú thích tại mẫu biên bản số 04: Mẫu này được sử dụng để lập biên bản xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Tuy nhiên, theo nội dung của mẫu biên bản thì mẫu này được áp dụng* *đối với trường hợp thành lập Hội đồng định giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Còn đối với trường hợp định giá theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì không thành lập Hội đồng định giá nên việc áp dụng mẫu này là không phù hợp. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu chỉnh sửa mẫu cho phù hợp (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Đối với trường hợp người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể xác định giá trị tang vật, phương tiện dựa trên các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC, việc xác định giá trị tang vật, phương tiện không cần thiết phải lập thành biên bản. Trường hợp này, trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính chỉ cần thể hiện căn cứ để xác định giá trị và các tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC. Do đó, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP chỉ quy định biểu mẫu biên bản số 04 để áp dụng đối với trường hợp thành lập Hội đồng định giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật XLVPHC. Tuy nhiên, để bảo đảm thống nhất giữa chú thích tại mẫu biên bản số 04 và nội dung biên bản, Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị nói trên và sẽ lưu ý để sửa đổi, bổ sung phần chú thích biểu mẫu trong thời gian tới.

**33.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn thẩm quyền xử phạt về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 53 Luật Xử lý vi phạm hành chính để có cơ sở xử phạt theo thẩm quyền, tránh vi phạm thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (UBND tỉnh Sóc Trăng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tham mưu Chính phủ xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh nhằm hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong việc xác định thẩm quyền xử phạt do có sự thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 53 Luật XLVPHC.

**34.** *Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra tỉnh vào các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước (UBND tỉnh Sóc Trăng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương. Trong quá trình sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các bộ, ngành được giao chủ trì xây dựng các nghị định này lưu ý vấn đề nêu trên.

**35.** *Đối với thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định, đề nghị Bộ Tư pháp sửa các cụm từ thành các cụm từ: trong thời hạn 7 ngày làm việc, trong thời hạn 10 ngày làm việc, trong thời hạn 30 ngày làm việc, trong thời hạn 60 ngày làm việc hoặc có văn bản hướng dẫn thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhằm áp dụng thống nhất trong toàn tỉnh (UBND tỉnh Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Khi quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính thì cần quy định thống nhất về thời gian là “ngày” hoặc “ngày làm việc”. Theo đó, “ngày” là đơn vị chỉ thời gian (kể ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định), “ngày làm việc” là đơn vị chỉ thời gian làm việc của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính (không kể ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định). Đối với thủ tục hành chính có thời hạn giải quyết dưới 7 ngày thì quy định là “ngày làm việc”, đối với thủ tục hành chính có quy định thời hạn giải quyết trên 7 ngày thì quy định là “ngày” để đảm bảo thống nhất trong quá trình quy định và thực hiện thủ tục hành chính*”. Áp dụng tương tự quy định nói trên đối với thủ tục xử phạt vi phạm hành chính, đối với thời hạn thực hiện trên 07 ngày thì pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thường quy định là “ngày”, không quy định “ngày làm việc” để đảm bảo thống nhất trong quá trình quy định và thực hiện thủ tục xử phạt.

**36.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để các công chức thực thi nhiệm vụ thi hành pháp luật, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của các Bộ, ngành, địa phương được tham gia, qua đó nâng cao kiến thức, kỹ năng và tăng cường trao đổi nghiệp vụ (UBND tỉnh Bình Định, UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ Công Thương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).*

**Trả lời:**

Trong những năm qua, Bộ Tư pháp luôn quan tâm, chú trọng đến công tác tập huấn chuyên sâu cho cán bộ, công chức trực tiếp làm nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính ở các bộ, ngành, địa phương. Bộ Tư pháp cũng thường xuyên cử báo cáo viên của Bộ truyền đạt, trao đổi tại các lớp tập huấn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính ở địa phương.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của các bộ, ngành và địa phương nói trên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục ưu tiên thực hiện hoạt động tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính cho cán bộ, công chức, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính ở các Bộ, ngành và địa phương.

**37.** *Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, tập trung, khẩn trương xây dựng và đưa vào vận hành Cơ sở Dữ liệu quốc gia về Xử lý vi phạm hành chính trong thời gian sớm nhất có thể để kịp thời phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật (Bộ Công Thương).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Bộ Công Thương và xin cung cấp thêm thông tin như sau: Ngày 03/6/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 957/QĐ-BTP phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính - Giai đoạn 1. Tuy nhiên, do một số quy định làm căn cứ xây dựng dự án có sự thay đổi, ngày 25/4/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 737/QĐ-BTP phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính - Giai đoạn 1. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang trong quá trình triển khai dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

**38.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu để quy định đối với trường hợp các chức danh có thẩm quyền xử phạt có sự thay đổi do sự sáp nhập các đơn vị: Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Kiểm lâm; Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục Thủy sản và Quản lý chất lượng... để bảo đảm linh hoạt, tránh sửa đổi nhiều lần (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng dự thảo Báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh và dự kiến xin ý kiến UBTVQH về các chức danh có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật XLVPHC (trong đó có các chức danh Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nêu). Trên cơ sở ý kiến của UBTVQH, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh.

**IV. CỤC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét bổ sung quy định việc hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản chứng thực không đúng quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 do công chứng viên của các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện chứng thực không đảm bảo quy định (UBND tỉnh Bình Dương).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và sẽ lưu ý vấn đề này trong quá trình nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế đối với lĩnh vực chứng thực.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tiếp nhận bản sao điện tử từ bản chính để kích thích người dân người dân sử dụng dịch vụ trực tuyến ngày càng nhiều (UBND tỉnh Bình Thuận).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thì Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm chủ trì hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị nội dung này tới Văn phòng Chính phủ.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục kiến nghị Bộ Công an: nâng cấp hệ thống cấp số định danh cho trẻ em khi đăng ký khai sinh đảm bảo tiến độ và đúng quy định; cập nhật bổ sung tính năng thể hiện lịch sử, quá trình cư trú của công dân; đồng thời tra soát, bổ sung, hoàn thiện, đồng bộ, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đảm bảo CSDLQGVDC được sử dụng hiệu quả; xử lý dứt điểm các trường hợp này và thực hiện đúng Quy chế phối hợp số 656/QCPH-HTQTCT-CNTT-C06 ngày 01/6/2023 về cấp hủy, cấp lại và xác lập lại số định danh cá nhân cho công dân (UBND tỉnh Bắc Giang).*

**Trả lời:**

Thời gian qua, các đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp đã nâng cấp hạ tầng, bổ sung một số chức năng trong Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung; phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Bộ Công an bảo đảm việc cấp số định danh cho trẻ em khi đăng ký khai sinh đúng thời gian theo quy định.

Ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Công an thực hiện đối chiếu, đồng bộ dữ liệu giữa Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư, xử lý việc chậm cấp số định danh, trùng số định danh theo Quy chế phối hợp số 656/QCPH-HTQTCT-CNTT-C06; đề xuất Bộ Công an nâng cấp một số tính năng trong Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm cập nhật địa danh hành chính còn thiếu trên Phần mềm khai sinh điện tử để địa phương cập nhật, số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử đúng tiến độ; khắc phục tình trạng Phần mềm khai sinh điện tử thường bị lỗi, việc cấp số định danh cá nhân đôi lúc còn chậm ảnh hưởng đến việc trả kết quả cho công dân (UBND tp. Cần Thơ).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát sửa chữa, nâng cấp Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung và Phân mềm liên thông 02 nhóm thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; xem xét xây dựng thêm chức năng thống kê số liệu thực hiện 02 nhóm TTHC liên thông trên địa bàn tỉnh, để cán bộ, công chức quản lý hộ tịch nắm được tình hình và kịp thời tổng hợp số liệu báo cáo Tổ công tác Đề án 06 (UBND các tỉnh: Ninh Thuận, Sơn La).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét nâng cấp, bổ sung thêm một số tính năng của Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung và Phần mềm liên thông 02 nhóm thủ tục hành chính (đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (UBND các tỉnh: Sóc Trăng, Sơn La, Tây Ninh).*

*Phần mềm hộ tịch thường xảy ra lỗi dẫn đến số liệu báo cáo không chính xác; một số biểu mẫu hộ tịch chưa có sự thống nhất giữa tờ khai, mẫu và sổ hộ tịch (xác nhận tình trạng hôn nhân, khai tử...). Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, sớm chỉnh sửa, nâng cấp Phần mềm (UBND tỉnh Tiền Giang).*

**Trả lời:**

Từ cuối tháng 9/2023, Bộ Tư pháp đã bổ sung, tích hợp Hạ tầng mới vào Trung tâm Dữ liệu điện tử của Bộ, tối ưu hoá một số chức năng của Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử, tăng cường các biện pháp giám sát Hệ thống để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Đồng thời, Bộ Tư pháp đã triển khai cơ bản xong Dự án "Đầu tư Hạ tầng Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp", đang triển khai Dự án “Xây dựng Cơ sở Dữ liệu hộ tịch” nhằm nâng cấp Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch. Thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục ưu tiên bố trí hạ tầng kỹ thuật để tối ưu hoá Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung, đảm bảo hiệu quả trong việc thực hiện 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông; tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ vướng mắc về kỹ thuật thông qua các Nhóm tương tác với địa phương. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của địa phương chủ động phối hợp tập huấn, hướng dẫn để công chức có kỹ năng sử dụng Phần mềm ký số thành thục hơn, xử lý được các lỗi cơ bản.

Trường hợp phát sinh địa danh hành chính trong Phần mềm hộ tịch 158 nhưng chưa được cập nhật, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tập hợp gửi Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) để xử lý.

Đối với Phần mềm dịch vụ công liên thông, đây là Phần mềm do Bộ Công an xây dựng, quản trị và vận hành, nên khi tiếp nhận hồ sơ liên thông, Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung chỉ tiếp nhận, xử lý hồ sơ thuộc lĩnh vực hộ tịch do Phần mềm dịch vụ công liên thông chuyển sang. Theo quy định tại Nghị định 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 quy định việc thực hiện liên thông 02 nhóm TTHC liên quan đến Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử thì Phần mềm dịch vụ công liên thông là nơi tiếp nhận, kê khai thông tin, dữ liệu từ người dùng và phân tách thông tin, dữ liệu hồ sơ gửi đến Phần mềm nghiệp vụ của các Bộ, cơ quan: Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Do đó, việc thống kê hồ sơ liên thông chỉ có thể thực hiện tại Phần mềm dịch vụ công liên thông/Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Đề nghị địa phương trao đổi Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an quan tâm nâng cấp Phần mềm dịch vụ công liên thông nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế.

**5.** *Kiến nghị của UBND thành phố Đà Nẵng: Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, có hướng dẫn cụ thể đối với những khó khăn, vướng mắc về công tác quốc tịch để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện. Cụ thể:*

*5.1. Điều 30 và 32 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam quy định người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam tại Sở Tư pháp nơi cư người đó cư trú vào thời điểm nộp hồ sơ. Tuy nhiên, căn cứ thông tin do người yêu cầu cung cấp tại hồ sơ, Sở Tư pháp không có cơ sở để xác định trường hợp của người yêu cầu có thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp hay không (đa số các trường hợp người yêu cầu không có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư). Điều này gây lúng túng cho địa phương trong quá trình tiếp nhận và giải quyết yêu cầu của người dân.*

**Trả lời:**

Đối với việc xác định thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cấp Giấy xác nhận có Quốc tịch Việt Nam và Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam: theo quy định tại Điều 30 và Điều 32 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp nơi cư trú vào thời điểm nộp hồ sơ là cơ quan tiếp nhận và giải quyết cấp các giấy tờ này ở trong nước. Các giấy tờ dùng làm căn cứ xác định thẩm quyền của Sở Tư pháp là giấy tờ chứng minh việc người có yêu cầu đang cư trú ở địa phương *theo quy định của pháp luật quản lý cư trú và pháp luật quản lý xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và cư trú của công dân nước ngoài.*

*5.2. Thời gian qua, Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng nhận được nhiều đề nghị hỗ trợ tra cứu tình trạng quốc tịch của các cá nhân đã/đang cư trú trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ cơ quan Công an tại địa phương. Để đảm bảo công tác phối hợp thực hiện các nội dung liên quan đến quốc tịch, Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng đã ban hành Công văn số 5510/STP-HCLLTP ngày 30/11/2023 đề nghị Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp cấp tài khoản tra cứu thông tin về quốc tịch trên Hệ thống quản lý hồ sơ quốc tịch của Bộ Tư pháp; Công văn số 825/STP-HCLLTP ngày 04/3/2024 đề nghị Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp hỗ trợ tra cứu và cung cấp thông tin về tình trạng quốc tịch hiện nay của cá nhân.*

**Trả lời:**

Đối với việc hỗ trợ tra cứu quốc tịch Việt Nam và cấp tài khoản tra cứu thông tin về quốc tịch Việt Nam trên Hệ thống quản lý hồ sơ quốc tịch của Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực phối hợp với Cục Công nghệ thông tin để xem xét, cấp tài khoản cho các địa phương trên cơ sở điều kiện của Phần mềm Hệ thống quản lý dữ liệu.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên đăng tải các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch, chứng thực, quốc tịch trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để địa phương thuận lợi hơn trong nghiên cứu, thực hiện (UBND thành phố Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về nội dung này. Đối với các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch, quốc tịch, chứng thực mang tính vướng mắc chung, phổ quát, Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) đã thực hiện đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử: https://qtht.moj.gov.vn/.

**7.** *Xem xét, sửa đổi Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao và chứng thực theo hướng tăng cường phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện một số nội dung đang thuộc thẩm quyền của Phòng Tư pháp; mở rộng phạm vi áp dụng như Nghị định số 32/2021/NĐ-CP về việc ủy quyền cho công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã chứng thực một số giấy tờ, hợp đồng, giao dịch phù hợp; quy trình nghiệp vụ, mức phí, lệ phí chứng thực hợp đồng giao dịch cần có sự thống nhất với quy định của Luật Công chứng (UBND tp. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, trong đó có nội dung sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch theo hướng giao cho Uỷ ban nhân dân cấp xã thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.

Việc thực hiện uỷ quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và một số hợp đồng, giao dịch phù hợp, Bộ Tư pháp ghi nhận và sẽ lưu ý vấn đề này trong quá trình nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế đối với lĩnh vực chứng thực.

**8.** *Đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Công an chỉ đạo, hướng dẫn thống nhất quy trình số hóa, xây dựng Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử; cung cấp thông tin, dữ liệu trong CSDL quốc gia về dân cư theo cấu trúc tương đồng với phần mềm 158 của bộ Tư pháp; hướng dẫn việc chia sẻ, kết nối, rà soát, đối chiếu, xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu hộ tịch với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bảo đảm đúng, đủ, sạch, sống, tránh việc trùng lặp khối lượng, công việc trong quá trình thực hiện số hóa, xây dựng CSDL hộ tịch điện tử trong giai đoạn hiện nay (UBND tp. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Việc số hóa sổ hộ tịch theo quy định của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 1437/BTP-CNTT ngày 25/4/2019 hay nhập dữ liệu từ sổ hộ tịch trên nền Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGVDC) theo Quy trình số 1292/HTQTCT-QLHC ngày 20/12/2022 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Công an đều là trách nhiệm của cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch và do địa phương lựa chọn cách thức trên cơ sở điều kiện thực tế và không có sự trùng lặp giữa việc nhập dữ liệu cũng như các bước thực hiện.

Sau khi hoàn thành số hóa và cập nhật dữ liệu vào Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử (CSDLHTĐT), đề nghị UBND Thành phố chỉ đạo cơ quan đăng ký hộ tịch chủ động phối hợp với cơ quan Công an thực hiện rà soát đối chiếu, xử lý dữ liệu sai lệch giữa CSDLHTĐT với CSDLQGVDC theo hướng dẫn tại Quy trình số 1050/HTQTCT-QLHC.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị liên hệ với Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) để được hướng dẫn kịp thời, bảo đảm tiến độ số hóa sổ hộ tịch theo đúng quy định.

**9.** *Bộ Tư pháp đã ban hành Tài liệu hướng dẫn kết nối, trao đổi dữ liệu với Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch để địa phương nghiên cứu thực hiện Quy trình đăng ký kết hôn, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến; tuy nhiên để triển khai có hiệu quả quy trình này trên thực tế, kính đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho địa phương thực hiện (UBND tỉnh Hà Tĩnh).*

**Trả lời:**

Liên quan đến triển khai Quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã (ban hành kèm theo Quyết định số 309/BTP-HTQTCT ngày 10/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), ngày 01/7/2024, Bộ Tư pháp đã tập huấn cho 12 tỉnh/thành phố đăng ký triển khai thí điểm (theo yêu cầu tại Công văn số 2665/BTP-HTQTCT ngày 24/5/2024). Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổ chức tập huấn cho các địa phương còn lại trước khi triển khai thực hiện thống nhất trên toàn quốc.

**10.***Về triển khai thực hiện số hóa theo Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.*

*Hiện nay, việc thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính không có quy định lưu trữ hồ sơ (tại Điều 14 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch), tuy nhiên theo Thông tư 01/2023/TT-VPCP thì phải số hóa tài liệu, hồ sơ thủ tục hành chính đã giải quyết (việc số hoá kết quả là bản sao từ bản chính không có giá trị tái sử dụng) - (UBND tp. Hồ Chí Minh).*

**Trả lời:**

Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định lưu trữ hồ sơ chứng thực chữ ký, hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch, không quy định việc lưu trữ hồ sơ chứng thực bản sao từ bản chính. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thì: “Đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang được cơ quan có thẩm quyền quản lý, lưu trữ bằng văn bản giấy, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính về lưu thông tin, dữ liệu tại các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan theo thẩm quyền quản lý”. Do vậy, việc chứng thực bản sao từ bản chính không phải thực hiện số hóa. Trường hợp có vướng mắc liên quan đến Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023, đề nghị liên hệ Văn phòng chính phủ để được giải quyết.

**11.** *Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo các đầu mối được giao hỗ trợ địa phương thực hiện công tác số hóa, công tác liên thông TTHC tích cực, chủ động hướng dẫn địa phương trong giải quyết các lỗi phát sinh tại Phần mềm để địa phương kịp thời thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ (UBND tỉnh Lai Châu).*

**Trả lời:**

Được Lãnh đạo Bộ giao là đơn vị đầu mối hỗ trợ địa phương trong quá trình thực hiện số hóa sổ hộ tịch và triển khai 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông về đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đã phối hợp với Cục Công nghệ thông tin chủ động tích cực thông qua việc thiết lập các “nhóm trao đổi online” bao gồm đại diện Sở Tư pháp, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và các đơn vị có liên quan (Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp, Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông, C06 - Bộ Công an, đơn vị kỹ thuật). Trường hợp có vướng mắc đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp chủ động tổng hợp thông tin và liên hệ với đơn vị đầu mối để Bộ Tư pháp có cơ sở hướng dẫn xử lý.

**12.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Y tế thống nhất cách ghi trên Giấy chứng sinh, đảm bảo thông tin về địa chỉ cơ sở y tế nơi trẻ sinh ra được thể hiện rõ ràng, chính xác (UBND tỉnh Quảng Nam).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và sẽ phối hợp với Bộ Y tế tiếp tục nghiên cứu, tổng hợp nội dung này để đề xuất trong quá trình hoàn thiện pháp luật.

**13.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có hướng dẫn để tỉnh Thái Nguyên hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch theo đúng quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 đối với các dữ liệu liệu hộ tịch mà tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành việc nhập dữ liệu trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (UBND tỉnh Thái Nguyên).*

**Trả lời:**

Ngày 28/6/2024, Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) đã có Công văn số 737/HTQTCT-HT hướng dẫn các địa phương chuyển dữ liệu vào Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử, đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp thực hiện.

**14.** *Phần mềm hộ tịch thường xảy ra lỗi dẫn đến số liệu báo cáo không chính xác; một số biểu mẫu hộ tịch chưa có sự thống nhất giữa tờ khai, mẫu và sổ hộ tịch (xác nhận tình trạng hôn nhân, khai tử...). Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, sớm chỉnh sửa, nâng cấp Phần mềm (UBND tỉnh Tiền Giang).*

**Trả lời:**

Liên quan đến vấn đề này, ghi nhận phản ánh của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp sẽ chỉ đạo đơn vị chuyên môn kiểm tra và có hướng khắc phục.

**V. CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường tổ chức các kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng, đấu giá, Thừa phát lại để kịp thời bổ sung thành viên, phát triển đội ngũ kế cận, đặc biệt ở các tỉnh nhỏ, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, khắc phục tình trạng thiếu hụt nguồn công chứng viên như hiện nay* *(UBND các tỉnh: Bình Thuận, Ninh Thuận, Quảng Nam, Sơn La, Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Về việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng[[5]](#footnote-5), kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa phát lại, Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị này của địa phương và căn cứ vào tình hình thực tiễn để có kế hoạch tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng, Thừa phát lại trong thời gian tới.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa Luật Luật sư, trong đó quy định thanh tra viên chính cũng là đối tượng được miễn đào tạo nghề luật sư (UBND tỉnh Bắc Giang).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Luật Luật sư (sửa đổi) đang trong quá trình xây dựng hồ sơ đề nghị, với mục tiêu nâng cao chất lượng hành nghề luật sư, điều kiện, tiêu chuẩn trở thành luật sư. Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương rà soát kỹ các đối tượng được miễn đào tạo nghề luật sư theo quy định hiện hành để nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định phù hợp hơn với thực tế đối với một số chức danh tư pháp khác (trong đó có thanh tra viên trong lĩnh vực pháp luật) và đảm bảo tính đồng bộ với một số chức danh bổ trợ tư pháp khác (VD: công chứng viên ...), đồng thời có tính đến việc bồi dưỡng ngắn hạn về nghề luật sư để bồi dưỡng nhận thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp và các kỹ năng cơ bản của luật sư.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét nghiên cứu xây dựng Phần mềm Cơ sở dữ liệu về luật sư để quản lý và theo dõi hoạt động hành nghề luật sư đạt hiệu quả (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của địa phương. Việc nghiên cứu xây dựng Phần mềm Cơ sở dữ liệu về luật sư liên quan đến nhiều địa phương và do các đầu mối khác nhau theo dõi, quản lý, như vậy để số hóa được những thông tin này phải cập nhật được lượng dữ liệu đầu vào lớn, đầy đủ, kịp thời, chính xác, tổng hợp từ nhiều nguồn. Do vậy, cần có quá trình khảo sát, nghiên cứu và xây dựng, đòi hỏi có sự đầu tư, phối hợp từ các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương. Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục quan tâm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, có giải pháp khả thi xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về luật sư và hành nghề luật sư để nâng cao hiệu quả quản lý lĩnh vực này.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng Phần mềm và kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu về các tổ chức hành nghề công chứng cho các địa phương để thuận lợi trong việc tra cứu, giải quyết hồ sơ (UBND tỉnh Bình Thuận).*

**Trả lời:**

Về Phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng, Bộ Tư pháp đã xây dựng, triển khai, đưa vào sử dụng từ tháng 5/2020 và hoạt động ổn định cho tới nay (Bộ Tư pháp đã có các Công văn[[6]](#footnote-6) hướng dẫn Sở Tư pháp các địa phương triển khai, đánh giá thực hiện Phần mềm này). Phần mềm có 02 trường thông tin cơ bản: (i) thông tin quản lý về công chứng viên; (ii) thông tin về các tổ chức hành nghề công chứng. Khi Sở Tư pháp các địa phương nhập tên công chứng viên vào phần đăng ký hành nghề, trường hợp công chứng viên này đang hành nghề tại địa phương khác và chưa được xóa đăng ký hành nghề, Phần mềm sẽ có hiển thị cụ thể về việc hành nghề của công chứng viên đó. Như vậy, Sở Tư pháp các địa phương có thể tra cứu việc hành nghề của công chứng viên qua Phần mềm này, đồng thời đề nghị các Sở Tư pháp tăng cường thực hiện, cập nhật theo hướng dẫn tại Công văn số 1717/BTP-BTTP ngày 30/5/2022 của Bộ Tư pháp gửi các Sở Tư pháp địa phương.

***5.*** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các cơ quan liên quan mở lớp tập huấn kỹ năng nhận diện giấy tờ giả liên quan đến hoạt động công chứng như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Chứng minh thư nhân dân, Căn cước công dân giả… (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Hằng năm, Bộ Tư pháp tổ chức các hội thảo, toạ đàm, tập huấn với nhiều chủ đề khác nhau để giúp công chứng viên nâng cao kỹ năng hành nghề công chứng, ví dụ năm 2023 tập huấn về nhận diện giấy tờ giả, năm 2024 tập huấn về quy định pháp luật về hôn nhân gia đình liên quan đến công chứng. Bên cạnh đó, các Sở Tư pháp, Hiệp hội Công chứng viên Việt Nam và các Hội Công chứng viên địa phương cũng thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm với nhiều chủ đề khác nhau. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng và đề nghị các địa phương tích cực tham gia.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc xác định thành viên trong hộ gia đình để các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công chứng, chứng thực làm cơ sở để giải quyết các TTHC trong các giao dịch dân sự, nhất là các giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Việc xác định thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất đã được quy định trong các Luật Đất đai, cụ thể hiện nay là Luật Đất đai năm 2024. Đề nghị các Tổ chức hành nghề công chứng nghiên cứu kỹ các quy định mới nhất của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành để thực hiện việc xác định thành viên hộ gia đình sử dụng đất.

**7.** *Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, sớm tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định mới đối với một số lĩnh vực bổ trợ tư pháp để đáp ứng với điều kiện kinh tế -xã hội và thực tiễn hoạt động của một số lĩnh vực này: Tư vấn pháp luật, quản tài viên, luật sư, trọng tài thương mại và hòa giải thương mại (UBND tỉnh Đồng Nai).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của địa phương. Về lĩnh vực luật sư, Bộ Tư pháp đang chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Luật sư (sửa đổi) để hoàn thiện và trình Chính phủ trong quý III/2024, đề xuất đưa vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2025. Về lĩnh vực tư vấn pháp luật, Bộ Tư pháp đang tiếp tục nghiên cứu, chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.

**8.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế chính sách liên quan đến các chế định bổ trợ tư pháp như: ban hành các quy định về giám định tư pháp; về chế độ, chính sách đối với người giám định tư pháp; các quy trình, quy chuẩn chuyên môn về giám định tư pháp trong các lĩnh vực; cơ chế hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác giám định cho các tổ chức, cơ quan chuyên môn; ban hành văn bản hướng dẫn hoặc xây dựng Nghị định quy định cụ thể để địa phương xây dựng Đề án quản lý, phát triển tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn; quy định chặt chẽ về việc thành lập Văn phòng công chứng tại các địa phương;... (UBND tp. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Triển khai, thi hành Luật Giám định tư pháp năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), trong thời gian qua, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã tích cực, tập trung vào việc xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giám định tư pháp ở các lĩnh vực để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tính đến nay, văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giám định tư pháp lên tới 60 văn bản (của Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành), gồm: 03 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 Thông tư liên tịch, 01 Quy chế phối hợp và 52 Thông tư.

Về cơ bản, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn đã ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế các Thông tư về giám định tư pháp, trong đó đã có các nội dung về: (1) tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận tổ chức, người giám định tư pháp ở lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý; (2)quy trình giám định, trong đó quy định thời hạn giám định đối với từng loại việc giám định (đến nay đã có 12 Bộ, cơ quan ngang Bộ đã có hướng dẫn, quy định về quy trình giám định); ban hành hoặc hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp theo yêu cầu và đặc thù của từng lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; (3) mẫu, thành phần hồ sơ và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định từng loại việc giám định; (4) điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện giám định của các tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn khi thực hiện giám định ở từng lĩnh vực tạo điều kiện cho tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở các lĩnh vực.

Thực hiện các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và Nghị quyết số 755/NQ-UBTVQH15 ngày 27/3/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Tư pháp đã tiến hành tổng kết triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp và đang xây dựng hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Giám định tư pháp thay thế Luật Giám định tư pháp năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Đồng thời, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp. Do đó, các vướng mắc, khó khăn, kiến nghị của địa phương sẽ được ghi nhận để nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền trong quá trình sửa đổi Luật Giám định tư pháp và văn bản có liên quan trong thời gian tới.

**9.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, ban hành các quy định cụ thể để khuyến khích phát triển các tổ chức hành nghề công chứng tại các địa bàn chưa có tổ chức hành nghề công chứng (UBND tp. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật Công chứng và khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ thì Văn phòng Công chứng thành lập ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn được hưởng 02 nhóm chính sách ưu đãi, gồm:

(1) Chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp;

(2) Chính sách ưu đãi về trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc theo quyết định của UBND cấp tỉnh.

a) Đối với ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

- Bộ Tư pháp đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng, theo đó giao cho Bộ Tài chính chủ trì: “Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách tài chính đối với tổ chức hành nghề công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn”. Đồng thời, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2373/BTP-BTTP ngày 19/7/2021 đề nghị Bộ Tài chính có văn bản quy định rõ chính sách ưu đãi về thuế cho các Văn phòng Công chứng với mức ưu đãi hơn so với các doanh nghiệp thông thường khác để khuyến khích thành lập tại các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Về phía Bộ Tài chính, đã ban hành Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015, theo đó bổ sung Văn phòng Công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn vào các dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

- Về mức ưu đãi, Văn phòng Công chứng thành lập tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (tức là sẽ áp mức thuế suất 5%), 02 năm tiếp theo nộp thuế với mức thuế suất là 10%.

Đối với Văn phòng Công chứng thành lập tại địa bàn khó khăn, mức ưu đãi là miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo (10%).

(Điều 6 Thông tư 151/2014/TT-BTC, [khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-96-2015-TT-BTC-huong-dan-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-tai-Nghi-dinh-12-2015-ND-CP-279331.aspx?anchor=khoan_1_11)).

b) Về ưu đãi trụ sở, trang thiết bị và ưu đãi khác

- Bộ Tư pháp có Công văn số 1615/BTP-BTTP ngày 26/5/2021 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ, trong đó nêu rõ nhiệm vụ quyết định “chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với Văn phòng Công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của Luật Công chứng và Điều 16 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ”.

- Triển khai thực hiện quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp, về cơ bản các địa phương đã có chính sách ưu đãi khi xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, cụ thể là điểm cho địa bàn này sẽ thấp hơn so với các địa bàn còn lại để khuyến khích việc thành lập (như Quảng Trị, Quảng Bình, Yên Bái…).

- Đối với ưu đãi về trụ sở hoặc ưu đãi khác, các địa phương không ban hành chính sách chung về vấn đề này mà có thể xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể (ví dụ tỉnh Yên Bái).

Như vậy, chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đã rõ nét và Văn phòng Công chứng được hưởng theo quy định nếu thành lập ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn. Các chính sách ưu đãi khác thì do địa phương quyết định tuỳ điều kiện của địa phương cũng như định hướng chính sách phát triển tổ chức hành nghề công chứng của địa phương đó.

**10.** *Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung quy định chặt chẽ hơn từ khâu đào tạo, tập sự, thi, cấp chứng chỉ hành nghề, bổ nhiệm để nâng cao chất lượng luật sư, công chứng viên, đấu giá viên và các chức danh bổ trợ tư pháp khác (UBND tp. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của địa phương. Trong quá trình lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Luật sư (sửa đổi), Luật Công chứng (sửa đổi), Luật Đấu giá tài sản vừa được Quốc hội thông qua, Bộ Tư pháp đã nhận được kiến nghị cụ thể của UBND thành phố Hải Phòng để tổng hợp, nghiên cứu đề xuất xây dựng chính sách bảo đảm các quy định được chặt chẽ hơn từ khâu đào tạo, tập sự, thi, cấp chứng chỉ hành nghề, bổ nhiệm để nâng cao chất lượng luật sư, công chứng viên, đấu giá viên và các chức danh bổ trợ tư pháp khác.

**11.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể về ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng theo khoản 9 Điều 73 Luật giá (UBND tỉnh Ninh Thuận).*

**Trả lời:**

Luật Giá năm 2023 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024) đã sửa đổi, bổ sung Điều 67 của Luật Công chứng năm 2014 theo hướng thay quy định về thù lao công chứng bằng giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng, đồng thời giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa đối với dịch vụ này áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương (khoản 9 Điều 73). Các nguyên tắc và phương pháp định giá cũng đã được quy định rõ tại Điều 22 và 23 của Luật Giá năm 2023, theo đó Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá; trường hợp khi áp dụng phương pháp định giá chung có nội dung đặc thù cần hướng dẫn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất nội dung cụ thể cần hướng dẫn gửi Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn thực hiện.

Thực hiện các quy định nêu trên, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên cơ sở quy định của Luật Giá năm 2023 và hướng dẫn của Bộ Tài chính; trường hợp có nội dung đặc thù cần hướng dẫn thêm thì Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn.

**12.** *Đề nghị Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc trong công tác giám định tư pháp. Sớm ban hành văn bản quy định thời hạn giám định tư pháp cho từng loại việc cụ thể (UBND tỉnh Phú Yên).*

**Trả lời:**

Thực hiện nhiệm vụ quản lý giám định tư pháp, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc trong trưng cầu giám định tư pháp của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, việc tiếp nhận thực hiện giám định của cơ quan, tổ chức được trưng cầu giám định bằng một số hình thức như hướng dẫn bằng văn bản khi có yêu cầu, tổ chức cuộc họp liên Ngành, trao đổi, thảo luận trực tiếp tại các tọa đàm, hội nghị…

Đối với thời hạn giám định tư pháp, trên cơ sở quy định chung tại Điều 26a Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), các Bộ, ngành chuyên môn đã ban hành văn bản hướng dẫn về giám định tư pháp, trong đó có quy định về thời hạn giám định tư pháp.

**13.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội thảo, tọa đàm về các lĩnh vực bổ trợ tư pháp cho đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về bổ trợ tư pháp ở địa phương để có điều kiện trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm (UBND tỉnh Quảng Nam).*

**Trả lời:**

Hiện nay, công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về luật sư, các lĩnh vực bổ trợ tư pháp đang được Bộ Tư pháp quan tâm triển khai thông qua nhiều hình thức khác nhau như tổ chức các lớp bồi dưỡng, hội thảo, tọa đàm... Nội dung trao đổi, bồi dưỡng nghiệp vụ cũng được đổi mới, cập nhật trên cơ sở phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để bám sát với nhu cầu, thực tiễn và đặc thù của từng địa phương, tăng tính thực tế và hiệu quả, nâng cao kinh nghiệm cho đội ngũ công chức Tư pháp tại địa bàn.

Thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục tăng cường thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao kinh nghiệm cho công chức quản lý nhà nước về bổ trợ tư pháp tại khu vực Nam Trung Bộ (trong đó có Quảng Nam, Đà Nẵng...), đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam rà soát lấy ý kiến và tổng hợp các vấn đề, nhu cầu cụ thể (nếu có) để phối hợp với Bộ Tư pháp triển khai hiệu quả nhiệm vụ này.

**14.** *Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương có văn bản chỉ đạo việc chuyển giao văn bản tống đạt của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án cho các Văn phòng Thừa phát lại thực hiện nhằm giảm áp lực công việc, chia sẻ trách nhiệm, công việc với Nhà nước và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân theo chủ trương xã hội hóa một số hoạt động tư pháp nói chung và thi hành án dân sự nói riêng theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 (UBND tỉnh Quảng Nam).*

**Trả lời:**

Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thừa phát lại đã quy định rõ về thẩm quyền của thừa phát lại trong việc tống đạt các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự. Triển khai quy định này, tính đến hết ngày 31/3/2023, các Văn phòng Thừa phát lại trên cả nước đã tống đạt được 2.564.964 văn bản, tăng gấp 1,3 lần so với số lượng văn bản tống đạt (1.979.860 văn bản) đã thực hiện từ 01/10/2016 đến 30/9/2019 là thời kỳ thực hiện Nghị quyết số 107/2015/QH13. Nghị định số 08/2020/NĐ-CP quy định việc tống đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu hoàn toàn thực hiện thông qua thỏa thuận giữa Văn phòng Thừa phát lại với các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan Thi hành án dân sự, tức là theo nhu cầu của các cơ quan giao văn bản tống đạt mà không phải là bắt buộc chuyển giao như quy định của Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội dẫn đến số lượng văn bản chuyển giao cho Thừa phát lại tống đạt tại một số địa phương bị giảm đi. Do vậy, đề nghị các Văn phòng Thừa phát lại cần tập trung nâng cao chất lượng hoạt động để các cơ quan Thi hành án dân sự, Tòa án, Viện Kiểm sát chủ động chuyển giao thêm các việc tống đạt, đồng thời trong thời gian tới Bộ Tư pháp cũng sẽ trao đổi, làm việc với các cơ quan có liên quan để tìm ra các giải pháp tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thừa phát lại.

**15.** *Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương bố trí kinh phí tống đạt kịp thời cho địa phương để chi trả cho các Văn phòng Thừa phát lại (UBND tỉnh Quảng Nam).*

**Trả lời:**

Vấn đề chậm bố trí kinh phí tống đạt kịp thời cho các địa phương để chi trả cho các Văn phòng Thừa phát lại cũng đã được Bộ Tư pháp tổng hợp, ghi nhận trong quá trình xây dựng Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 (phần khó khăn, tồn tại). Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và sẽ phối hợp với các Bộ, ngành ở Trung ương để có giải pháp quan tâm hỗ trợ, giải quyết để kịp thời bố trí kinh phí liên quan đến hoạt động tống đạt ở các địa phương.

**16.** *Đề nghị Bộ Tư pháp quy định mức khung thù lao chi phí lập vi bằng để áp dụng thống nhất trên cả nước; sửa đổi, nâng mức khung chi phí tống đạt để các Văn phòng Thừa phát lại thực hiện tống đạt văn bản ở địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa của tỉnh. Bổ sung quy định cụ thể về “các trường hợp điểm chỉ trong vi bằng” gồm: Người yêu cầu lập vi bằng, người làm chứng không ký được, bị khuyết tật hoặc theo đề nghị của người lập vi bằng; cấp bản sao vi bằng trong trường hợp vi bằng được lập kèm theo đĩa DVD, USB tài liệu; quy định cụ thể về các trường hợp không được không được lập vi bằng theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP (UBND tỉnh Quảng Nam).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp đã và đang thực hiện sơ kết 03 năm triển khai Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 và dự kiến đề xuất với Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP. Đối với những kiến nghị cụ thể của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (như về quy định mức khung thù lao chi phí lập vi bằng để áp dụng thống nhất trên cả nước; sửa đổi khung chi phí tống đạt...), Bộ Tư pháp ghi nhận, tổng hợp để nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi có liên quan trong Nghị định số 08/2020/NĐ-CP trong thời gian tới.

**17.** *Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành một hệ thống thống nhất trong việc nộp tiền vào ngân sách, nộp thuế của các Phòng Công chứng và Văn phòng công chứng; quy định chung một hệ thống hóa đơn cho các tổ chức hành nghề công chứng nhằm đảm bảo quyền lợi và cạnh tranh công bằng của các tổ chức hành nghề công chứng không phân biệt Phòng công chứng hay Văn phòng công chứng (UBND tỉnh Tây Ninh)****.***

**Trả lời:**

Phòng Công chứng và Văn phòng Công chứng là hai loại hình tổ chức hành nghề công chứng khác nhau: Phòng Công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập; Văn phòng Công chứng hoạt động theo loại hình Công ty hợp danh, do vậy việc nộp tiền vào ngân sách hay nộp thuế của mỗi loại hình tổ chức sẽ phải phù hợp với quy định pháp luật tương ứng. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh để có sự nghiên cứu, đề xuất trong quá trình xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi).

**18.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối phợp các Bộ, ngành chuyên môn hàng năm tổ chức tập huấn chuyên sâu về công tác giám định trong lĩnh vực phụ trách, nhằm giúp giám định viên tư pháp tại các địa phương bổ sung thêm kiến thức, kinh nghiệm trong hoạt động giám định (UBND tỉnh Tây Ninh)****.***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 41 Luật Giám định tư pháp, Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp, kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý. Hằng năm, Bộ Tư pháp đều phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp. Bộ Tư pháp cũng thường xuyên quan tâm, cử công chức làm báo cáo viên, phối hợp với các địa phương để tổ chức tập huấn kiến thức pháp lý cho đội ngũ người làm giám định tư pháp, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng làm việc trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 43 Luật Giám định tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp ở địa phương. Do đó, căn cứ nhu cầu thực tế, đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh chủ động, quan tâm tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ người làm giám định tại địa phương.

**19.** *Đề nghị các Bộ Tư pháp tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về các chế định bổ trợ tư pháp như: giám định tư pháp, công chứng và hoạt động hành nghề công chứng nhằm nâng cao nhận thức của cơ quan, tổ chức và người dân về vị trí, vai trò của các chế định này trong xã hội (UBND tp. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

**1.** Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bổ trợ tư pháp như: Luật Giám định tư pháp, Luật Công chứng, Luật Đấu giá tài sản, Luật Luật sư và các văn bản khác… được thực hiện ngay sau khi các văn bản này được ban hành dưới hình thức Hội nghị phổ biến, quán triệt nội dung của văn bản hoặc có văn bản đề nghị địa phương quán triệt phổ biến quy định mới của văn bản pháp luật; cử cán bộ trực tiếp làm báo cáo viên tham gia Hội nghị triển khai Luật tại nhiều địa phương trong cả nước. Đồng thời, hằng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các hội nghị, toạ đàm, tập huấn để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các văn bản này.

**2.** Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bổ trợ tư pháp được Luật giao cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh[[7]](#footnote-7), tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Do đó, để việc tuyên truyền, phổ biến có hiệu quả, Uỷ ban nhân dân Thành phố chủ động chỉ đạo Sở Tư pháp, các sở, ngành và tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại địa phương bằng nhiều hình thức khác nhau phù hợp với từng đối tượng; hằng năm, có Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trong đó có nội dung tuyên truyền, phổ biến về bổ trợ tư pháp.

**3.** Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, tiếp tục chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung và bổ trợ tư pháp nói riêng.

**VI. TRUNG TÂM LÝ LỊCH TƯ PHÁP QUỐC GIA**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm rà soát tổng thể pháp luật về LLTP và các quy định có liên quan của pháp luật hình sự, thi hành án hình sự, thi hành án dân sự, trên cơ sở đó đề xuất hoàn thiện thể chế, chính sách về LLTP bảo đảm phù hợp tình hình mới và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn (UBND tp. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và sẽ tiếp tục rà soát tổng thể pháp luật về lý lịch tư pháp để có tham mưu, hoàn thiện phù hợp.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp báo cáo Chính phủ, Quốc hội sớm xem xét, ban hành Nghị quyết thí điểm giao Phòng Tư pháp thuộc thành phố Hà Nội và một số địa phương được tiếp nhận, giải quyết TTHC cấp Phiếu LLTP (UBND tp. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với một số Bộ, ngành và địa phương có liên quan xây dựng Nghị quyết của Quốc hội thí điểm giao một số Phòng Tư pháp thuộc Uỷ ban nhân dân cấp huyện tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Nghệ An thực hiện cấp Phiếu LLTP (Nghị quyết thí điểm). Ngày 11/3/2024, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 26/TTr-BTP trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị quyết. Ngày 06/4/2024, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 2289/VPCP-PL về việc thông báo ý kiến Thủ tướng Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm phân cấp cấp Phiếu LLTP, theo đó, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính có ý kiến như sau: *“Bộ Tư pháp đề xuất lại Chính phủ để thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đồng thời nghiên cứu, xem xét, đánh giá thêm tác động chính sách để đề xuất phương án phù hợp hơn”.*

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 23/CT-TTg nêu trên, trong đó thực hiện nhiều giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP như: Triển khai thí điểm cấp Phiếu LLTP trên ứng dụng VNeID mở rộng trên toàn quốc; phối hợp với Văn phòng Chính phủ rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu LLTP kèm theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện truyền thông, tuyên truyền pháp luật về LLTP và Phiếu LLTP; phân cấp cho Sở Tư pháp tra cứu, xác minh thông tin LLTP trong Cơ sở dữ liệu LLTP tại Trung tâm…

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý phối hợp thực hiện tốt trong công tác lý lịch tư pháp nhằm bảo đảm cung cấp thông tin đúng thời gian quy định để có đầy đủ cơ sở giải quyết yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người dân theo đúng quy định (UBND tỉnh Bình Phước).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật LLTP, trong đó chú trọng sự phối hợp để có hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thi hành Luật LLTP và các quy định có liên quan đối với Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Luật Thi hành án dân sự,... (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

**Trả lời:**

Luật LLTP và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định về cơ chế phối hợp, trách nhiệm, thẩm quyền, thời hạn trao đổi, cung cấp, tra cứu và xác minh thông tin LLTP giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP và các cơ quan có liên quan như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Công an, Thi hành án dân sự, cơ quan có liên quan thuộc Bộ Quốc phòng... để xây dựng cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu LLTP. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai các quy định nêu trên vẫn còn có khó khăn, vướng mắc.

Để giải quyết những hạn chế, vướng mắc trong công tác phối hợp tra cứu, xác minh thông tin LLTP, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, tiến hành rà soát pháp luật về LLTP. Trước mắt, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP. Hiện nay dự thảo Nghị định đang trong quá trình rà soát, chỉnh lý theo ý kiến của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang và sẽ sớm trình Chính phủ xem xét, quyết định. Đồng thời, Bộ Tư pháp sẽ tăng cường phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để chỉ đạo các cơ quan liên quan thuộc Bộ, ngành mình triển khai nghiêm túc, hiệu quả các quy định của pháp luật về LLTP, đặc biệt là hoạt động cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu lý lịch tư pháp thông qua hình thức như họp liên ngành, kiểm tra liên ngành về LLTP…

Về phía địa phương, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố tiếp tục quan tâm, chỉ đạo đối với cơ quan Công an và đề nghị cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát tại địa phương thực hiện tốt hơn nữa các quy định của pháp luật về LLTP, bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Sở Tư pháp để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu LLTP. Đồng thời tạo điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất để Sở Tư pháp tập trung nguồn lực xây dựng Cơ sở dữ liệu LLTP, chủ động khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu LLTP để cấp Phiếu LLTP.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, xem xét kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Lý lịch tư pháp theo hướng quy định cấp Phiếu LLTP để xoá án tích cho trường hợp đương nhiên xoá án tích là TTHC riêng, với thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết đảm bảo phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự và thực tiễn thực hiện (UBND tỉnh Bắc Giang).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp cần quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thời gian, thành phần hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP cho cá nhân trong trường hợp cấp Phiếu LLTP với mục đích xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (UBND tỉnh Quảng Trị).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu đề xuất sửa đổi việc cấp Phiếu LLTP cho người có án tích được thực hiện theo quy trình và thời hạn khác với quy trình cấp Phiếu LLTP cho người không có án tích (UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

**Trả lời:**

Luật LLTP và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và thời hạn cấp Phiếu LLTP nói chung và trong trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích nói riêng. Việc quy định thêm về thủ tục cấp Phiếu LLTP cho những trường hợp đương nhiên được xóa án tích sẽ làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, chưa bảo đảm quyền và lợi ích cho người dân. Bên cạnh đó, qua theo dõi, tổng hợp tình hình địa phương thời gian qua thì những khó khăn, vướng mắc chủ yếu phát sinh từ công tác phối hợp của các cơ quan cung cấp thông tin, nhiều cơ quan nhận được đề nghị của Trung tâm LLTP quốc gia hoặc của Sở Tư pháp yêu cầu tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP đã chậm trả lời hoặc không trả lời dẫn đến khó khăn trong việc xác định tình trạng án tích của cá nhân yêu cầu cấp Phiếu LLTP.

Để giải quyết những hạn chế, vướng mắc trong công tác phối hợp tra cứu, xác minh nêu trên, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về LLTP, tăng cường chỉ đạo, điều hành công tác phối hợp liên ngành với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật về LLTP. Đồng thời, nâng cấp Phần mềm Quản lý LLTP, nghiên cứu, triển khai việc trao đổi, cung cấp thông tin điện tử giữa Cơ sở dữ liệu LLTP với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp quy định thống nhất thời gian giải quyết đối với TTHC cấp phiếu LLTP giữa Luật và văn bản hướng dẫn thi hành (UBND tỉnh Bắc Giang).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Trung tâm LLTPQG hướng dẫn thống nhất việc xác định thời gian giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP theo “ngày” hay “theo ngày làm việc”. Trường hợp xác định thời hạn trả kết quả theo “ngày” thì đề nghị Trung tâm quan tâm trả kết quả xác minh theo "ngày" để Sở Tư pháp cấp Phiếu đúng thời hạn (UBND tỉnh Quảng Nam).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật LLTP trong thời gian tới. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP trong đó thống nhất quy định thời hạn tra cứu, xác minh tại các cơ quan có liên quan là “ngày”.

**6.** *Xem xét, sửa đổi các quy định pháp luật về LLTP theo hướng:*

*- Bỏ khâu trung gian là Sở Tư pháp trong quy trình cấp Phiếu LLTP (dữ liệu về LLTP do các cơ quan Tòa án, Thi hành án, các cơ quan chức năng trong quy trình tố tụng nắm giữ, Sở Tư pháp chỉ là khâu trung gian);*

*- Tiến tới xem xét bỏ yêu cầu Phiếu LLTP trong các thủ tục hành chính về giáo dục, quản lý hồ sơ, lao động phổ thông,… và một số giao dịch hành chính, thủ tục hành chính ở trong nước;*

*- Quy định, hướng dẫn việc sử dụng bản số Phiếu LLTP để thực hiện các TTHC, giao dịch khác trên nền tảng số (ứng dụng VNeiD và Cổng dịch vụ công).*

*- Xem xét, hướng dẫn, quy định về việc lưu trữ hồ sơ điện tử, hồ sơ giấy trong thủ tục cấp Phiếu LLTP qua ứng dụng VNeiD và Cổng dịch vụ công theo hướng đơn giản hóa, thuận lợi, tiết kiệm hiệu quả (UBND tp. Hà Nội).*

**Trả lời:**

*- Về kiến nghị bỏ khâu trung gian là Sở Tư pháp trong quy trình cấp Phiếu LLTP:*

Theo quy định của Luật LLTP năm 2009, Trung tâm LLTP quốc gia, Sở Tư pháp là cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu LLTP. Như vậy, Sở Tư pháp là cơ quan có trách nhiệm thực hiện toàn bộ quy trình cấp Phiếu LLTP từ tiếp nhận, tra cứu, xác minh thông tin và cấp Phiếu LLTP. Để phục vụ cho công tác cấp Phiếu LLTP, Trung tâm LLTP quốc gia và Sở Tư pháp có nhiệm vụ xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu LLTP với thông tin được tiếp nhận từ nhiều nguồn, nhiều cơ quan khác nhau (Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Công an, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng…) để chủ động khai thác, sử dụng thông tin LLTP có từ ngày 01/7/2010. Như vậy, Sở Tư pháp không phải cơ quan trung gian trong quy trình cấp Phiếu LLTP mà là cơ quan đầu mối, có thẩm quyền cấp Phiếu LLTP theo quy định của pháp luật.

*- Về kiến nghị tiến tới xem xét bỏ yêu cầu Phiếu LLTP trong các thủ tục hành chính về giáo dục, quản lý hồ sơ, lao động phổ thông,… và một số giao dịch hành chính, thủ tục hành chính ở trong nước:*

Ngày 11/6/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 498/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu LLTP. Theo đó, cắt giảm một số quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu LLTP trong 14 lĩnh vực[[8]](#footnote-8), không yêu cầu cá nhân phải nộp Phiếu LLTP. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP cấp Phiếu LLTP để hoàn thiện hồ sơ hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu LLTP (bản điện tử) nhằm tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

*- Quy định, hướng dẫn việc sử dụng bản số Phiếu LLTP để thực hiện các TTHC, giao dịch khác trên nền tảng số (ứng dụng VNeiD và Cổng dịch vụ công):*

Ngày 19/6/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 06/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, trong đó khoản 2 Điều 1 Thông tư quy định như sau: Biểu mẫu và mẫu sổ LLTP dưới dạng dữ liệu điện tử có giá trị sử dụng như biểu mẫu, mẫu sổ LLTP bằng văn bản giấy. Đồng thời, hiện nay Bộ Tư pháp đang phối hợp các Bộ, ngành có liên quan rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, trong đó có quy định về giá trị của Phiếu LLTP trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý, giá trị sử dụng như Phiếu LLTP bằng văn bản giấy.

*- Xem xét, hướng dẫn, quy định về việc lưu trữ hồ sơ điện tử, hồ sơ giấy trong thủ tục cấp Phiếu LLTP qua ứng dụng VNeiD và Cổng dịch vụ công theo hướng đơn giản hóa, thuận lợi, tiết kiệm hiệu quả:*

Hiện nay, việc lưu trữ hồ sơ cấp Phiếu bằng giấy được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Việc lưu trữ hồ sơ cấp Phiếu LLTP điện tử được thực hiện theo quy định về lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử tại Điều 17 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**7.** *Hiện nay, đa số người dân đang yêu cầu cấp Phiếu LLTP bản giấy để đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Pháp luật cũng chưa có quy định, hướng dẫn về việc sử dụng Phiếu LLTP điện tử. Do đó, kính đề nghị Bộ Tư pháp có chỉ đạo, hướng dẫn về việc sử dụng Phiếu LLTP điện tử để việc thực hiện ký số trên Phiếu LLTP điện tử thực chất, phát huy hiệu quả (UBND tỉnh Hà Tĩnh).*

**Trả lời:**

Ngày 19/6/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 06/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổLLTP, trong đó khoản 2 Điều 1 Thông tư quy định như sau: Biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp dưới dạng dữ liệu điện tử có giá trị sử dụng như biểu mẫu, mẫu sổ lý lịch tư pháp bằng văn bản giấy. Đồng thời, hiện nay Bộ Tư pháp đang phối hợp các Bộ, ngành có liên quan rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, trong đó có quy định Phiếu LLTP trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý, giá trị sử dụng như Phiếu LLTP bằng văn bản giấy.

**8.** *Đối với trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu LLTP hiện đang cư trú ở nước ngoài, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét đề xuất công bố thủ tục hành chính theo hướng Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật về chứng thực của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam tại nước ngoài[[9]](#footnote-9) (UBND tp. Hồ Chí Minh).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu thêm khi đề xuất sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp.

**9.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn nghiệp vụ về thành phần hồ sơ trực tuyến cũng như tính pháp lý đối với thành phần hồ sơ có đối tượng là công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam và công dân có thông tin về án tích để có cơ sở tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến theo quy định (UBND Tp. Hồ Chí Minh).*

**Trả lời:**

Hiện nay, thành phần hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP trực tuyến đã đơn giản hóa tối đa. Đặc biệt trường hợp đã có thông tin được xác thực trên Cổng dịch vụ công hoặc ứng dụng VNeID thì thông tin cá nhân có thể khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, người dân không phải nộp bất kể giấy tờ nào. Quy định như trên bảo đảm cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đồng thời vẫn đủ cơ sở để Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến theo quy định.

**10.** *Để có cơ sở hoàn thiện Cổng dịch vụ công Thành phố trong việc tiếp nhận yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp đảm bảo cho việc xác minh thông tin chính xác và đầy đủ, đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn đối với thành phần hồ sơ trực tuyến được đính kèm lên Cổng dịch vụ công Thành phố như: hình chụp từ bản chính, hình chụp từ bản photocopy, hình chụp từ bản sao có chứng thực,… yêu cầu về hình thức, tiêu chí kỹ thuật để đảm bảo việc tra cứu thông tin từ cơ quan xác minh (độ phân giải cần thiết để thực hiện việc tra cứu dấu vân tay, nhân thân người yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp…) - (UBND tp. Hồ Chí Minh).*

**Trả lời:**

Tại Phụ lục ban hành kèm theo Công văn số 1722/BTP-TTLLTPQG ngày 30/5/2022 của Bộ Tư pháp gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc hướng dẫn tái cấu trúc quy trình thực hiện thủ tục cấp Phiếu LLTP trực tuyến có hướng dẫn về nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên Cổng DVC như sau: Sau khi đăng ký Tờ khai thành công, cá nhân tải đính kèm bản quét (scan) hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính giấy tờ tùy thân (CMND/ thẻ CCCD/ Hộ chiếu) lên Cổng dịch vụ công bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật và độ chính xác cao, trong đó tiêu chuẩn quét đối với CMND/ thẻ CCCD phải bảo đảm tỷ lệ 1:1, quét ở chế độ ảnh (.jpg) với độ phân giải 500 dpi.

**11.** *Đề nghị Bộ Tư pháp dẫn các thành phần hồ sơ cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải số hóa theo quy định (UBND tp. Hồ Chí Minh).*

**Trả lời:**

Hiện nay, việc số hóa thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**12.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp theo hướng: Bỏ quy định cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 để phù hợp với tinh thần tại Điều 69 của Bộ luật Hình sự (Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án), không thể hiện án tích đã được xóa trong Phiếu lý lịch tư pháp. Mặt khác, việc không thể hiện các án tích đã được xóa trong nội dung của Phiếu lý lịch tư pháp nhằm tránh việc các cơ quan, tổ chức nước ngoài lợi dụng việc này yêu cầu đương sự phải nộp Phiếu LLTP số 2 và để bảo vệ bí mật đời tư của cá nhân (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật LLTP năm 2009, Phiếu LLTP số 2 được cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng và cấp theo yêu cầu của cá nhân để người đó biết được nội dung về LLTP của mình, không quy định cấp Phiếu LLTP số 2 cho các tổ chức nước ngoài tiếp nhận công dân Việt Nam sang học tập, lao động, định cư,… Quy định này phù hợp với quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bất khả xâm phạm về bí mật cá nhân cũng như quyền tiếp cận thông tin của cá nhân. Để nâng cao nhận thức của cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động, trong đó có tổ chức nước ngoài... thời gian qua, Bộ Tư pháp đã có văn bản phối hợp với Bộ Ngoại giao gửi các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài để tuyên truyền về quy định của Luật LLTP liên quan đến việc cấp Phiếu LLTP số 2. Bộ Tư pháp cũng phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và các cơ quan truyền thông khác thực hiện việc tuyên truyền pháp luật về chế định xóa án tích của Bộ luật Hình sự, về LLTP nói chung và Phiếu LLTP số 2 nói riêng để việc yêu cầu cấp Phiếu LLTP được thực hiện đúng quy định.

Bộ Tư pháp đánh giá cao nội dung nghiên cứu, kiến nghị của địa phương. Đồng thời, đề nghị Sở Tư pháp tiếp tục tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền pháp luật về LLTP, trong đó vấn đề cấp Phiếu LLTP số 2 cho cá nhân.

**13.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tập huấn nghiệp vụ cho công chức làm công tác lý lịch tư pháp tại các Sở Tư pháp trước khi triển khai thực hiện cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID trên toàn quốc (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Ngày 25/6/2024, Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Cục C06, Bộ Công an tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn sử dụng các chức năng nâng cấp, bổ sung trên Phần mềm quản lý LLTP dùng chung và hướng dẫn, giải đáp quy trình kết nối, tích hợp dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh và Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp dùng chung. Hội nghị tập huấn được tổ chức bằng hình trực tuyến kết nối tới 63 điểm cầu Sở Tư pháp địa phương.

**14.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ có giải pháp phù hợp để tăng cường nguồn nhân lực phục vụ công tác lý lịch tư pháp trong điều kiện tinh giản biên chế hiện nay như cho phép các Sở Tư pháp được sử dụng nguồn phí được trích lại từ cấp Phiếu LLTP để cho phép hợp đồng thuê nhân công nhập án tích, làm thêm ngoài giờ, xác minh,… (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

**Trả lời:**

Về nguồn nhân lực phục vụ công tác LLTP trong điều kiện tinh giản biên chế hiện nay, Bộ Tư pháp đề nghị UBND tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án xây dựng Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn bộ máy tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để có sự sắp xếp, bố trí nguồn nhân lực phù hợp.

Về nguồn kinh phí được trích lại từ phí cấp Phiếu LLTP, Bộ Tư pháp đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài chính nghiên cứu triển khai thực hiện Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và Lệ phí, trong đó cần xây dựng dự toán cho các hoạt động dự định chi sử dụng nguồn phí được trích lại có nội dung phục vụ công tác LLTP, bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**15.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn việc trích chuyển kinh phí đối với trường hợp xác minh thông tin về án tích đồng thời cả 02 nơi là Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh và Cục Hồ sơ nghiệp vụ - Bộ Công an. (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

**Trả lời:**

Hiện nay việc trích chuyển kinh phí đối với trường hợp xác minh thông tin về án tích đồng thời cả 02 nơi là Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh và Cục Hồ sơ nghiệp vụ - Bộ Công an được thực hiện theo Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin LLTP, theo đó, đề nghị Sở Tư pháp thực hiện trích chuyển phí cấp Phiếu LLTP qua Trung tâm LLTP quốc gia căn cứ số hồ sơ tra cứu, xác minh hoàn thành để Trung tâm chuyển phí cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ. Đồng thời, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, phối hợp với Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 244/2016/TT-BTC phù hợp tình hình hiện nay.

**16.** *Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị với Bộ Tài chính xem xét sửa đổi Thông tư 244/2016/TT-BTC theo hướng miễn phí thực hiện TTHC cấp phiếu LLTP qua ứng dụng VNeiD và Cổng dịch vụ công (UBND tp. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của địa phương và sẽ nghiên cứu, đánh giá tổng thể, bảo đảm đúng pháp luật về phí, lệ phí và phù hợp với công tác lý lịch tư pháp tại địa phương.

**17.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư số 244/2016/TT-BTP cũng như nghiên cứu, đề xuất trong quá trình sửa đổi các quy định về quản lý và sử dụng phí cấp Phiếu LLTP (UBND tỉnh Bắc Giang).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng Đề án sửa đổi Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gửi Bộ Tài chính.

**18.** *Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đảm bảo thời gian và tính chính xác trong kết quả tra cứu thông tin LLTP. Đối với các trường hợp chậm trả kết quả, đề nghị có văn bản thông tin kịp thời cho Sở Tư pháp để Sở Tư pháp làm căn cứ ban hành văn bản xin lỗi công dân theo quy định và giải trình với Chủ tịch UBND tỉnh theo yêu cầu (UBND tỉnh Bắc Giang).*

**Trả lời:**

Đối với các thông tin LLTP có trước ngày 01/7/2010 được tra cứu tại cơ quan Công an theo Quy chế phối hợp số 02, Trung tâm LLTP quốc gia sẽ cố gắng bảo đảm thời hạn tra cứu, nhưng còn phụ thuộc vào Bộ, ngành khác. Bộ Tư pháp đã phân quyền cho Sở Tư pháp thực hiện tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu LLTP tại Trung tâm LLTP quốc gia. Đề nghị Sở Tư pháp chủ động tra cứu thông tin trong Cơ sở dữ liệu LLTP tại địa phương để cấp Phiếu LLTP theo quy định.

**19.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hoàn thiện việc nâng cấp Phần mềm quản lý LLTP dùng chung của Bộ Tư pháp để đảm bảo phần mềm được sử dụng ổn định, tạo thuận lợi cho công chức trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp phiếu LLTP (UBND tỉnh Quảng Bình).*

**Trả lời:**

Thực hiện Quyết định số 696/QĐ-BTP ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Tư pháp và Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, nâng cấp Phần mềm quản lý LLTP để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

**VII. CỤC PHỐ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hướng dẫn trong việc tạo cơ chế mở, cho phép ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện được hỗ trợ kinh phí đảm bảo cho việc chi trả chế độ cho hòa giải viên, tổ hòa giải đối với các địa phương có khó khăn về nguồn thu, ngân sách không đảm bảo (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, vấn đề hướng dẫnhỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã mà Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính. Trong phạm vi quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp các kiến nghị của Bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, xử lý theo thẩm quyền.

Mặt khác, theo quy định tại điểm g, h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp:

“g) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ;

h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành Bộ tài liệu phục vụ công tác tập huấn hòa giải ở cơ sở (UBND tỉnh Ninh Thuận).*

**Trả lời:**

Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở và hướng dẫn địa phương tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho hòa giải viên, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 4077/QĐ-BTP ngày 31/12/2014 về Chương trình khung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên[[10]](#footnote-10).

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã ban hành nhiều tài liệu dành cho đội ngũ tập huấn viên và hòa giải viên ở cơ sở, như: Bộ tài liệu nguồn bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên (Quyết định số 1753/QĐ-BTP ngày 22/8/2016); Tài liệu bồi dưỡng tập huấn viên hòa giải ở cơ sở (Quyết định số 1887/QĐ-BTP ngày 09/9/2020); Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở dành cho đội ngũ hòa giải viên (Quyết định số 1852/QĐ-BTP ngày 01/9/2020); Tài liệu tập huấn mẫu kỹ năng hòa giải ở cơ sở (dành cho tập huấn viên) ban hành năm 2021; Tài liệu tập huấn bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở (01 cuốn dành cho tập huấn viên và 01 cuốn dành cho hòa giải viên) ban hành năm 2020; Tình huống mẫu, vụ việc hòa giải điển hình; các tình huống pháp luật dành cho hòa giải viên được dịch sang một số tiếng dân tộc thiểu số[[11]](#footnote-11); các bài giảng điện tử dành cho hòa giải viên (về kỹ năng hòa giải; kỹ năng hòa giải các vụ, việc về hôn nhân và gia đình); các bài giảng điện tử cho tập huấn viên (về kỹ năng chuẩn bị tập huấn, kỹ năng thuyết trình); các tài liệu phổ biến kiến thức pháp luật trong các lĩnh vực dân sự, hôn nhân gia đình, đất đai, quyền con người, quyền công dân... Toàn bộ các tài liệu này đã được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử PBGDPL quốc gia [*(https://pbgdpl.gov.vn)*]((https://pbgdpl.gov.vn)) và Trang Thông tin điện tử PBGDPL của Bộ Tư pháp *(*[*https://pbgdpl.moj.gov.vn*](https://pbgdpl.moj.gov.vn)*)*, đề nghị địa phương chủ động vào khai thác, sử dụng.

Thời gian tới, để triển khai Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 17/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở”, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục xây dựng, ban hành các Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ khác nhằm đạt được mục tiêu của Đề án.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hướng dẫn thực hiện các quy định về xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 1320/QĐ-BTP ngày 18/8/2021 ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg. Từ năm 2021 đến nay, theo văn bản đề nghị của một số Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp đã ban hành 06 văn bản hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc của địa phương trong triển khai thực hiện các nội dung cụ thể liên quan đến quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP[[12]](#footnote-12). Trên cơ sở theo dõi, tổng hợp kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của các địa phương, ngày 23/6/2023, Bộ Tư pháp ban hành Công văn số 2609/BTP-PBGDPL hướng dẫn một số nội dung về đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các văn bản này cũng được đăng tải trên Công thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) quốc gia (chuyên mục “Công tác chuẩn tiếp cận pháp luật”/mục “Văn bản hướng dẫn nghiệp vụ”) để các địa phương tham khảo, thực hiện.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp đã hướng dẫn thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP bằng nhiều hình thức khác, cụ thể như: (i) Biên soạn, in ấn 9.500 cuốn Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn tiếp cận pháp luật và cấp phát cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã, ưu tiên địa bàn có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn; (ii) Xây dựng 02 video bài giảng điện tử theo chuyên đề hướng dẫn triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP; (iii) Tổ chức 15 lớp tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho một số địa phương[[13]](#footnote-13), cử 09 lượt báo cáo viên pháp luật Trung ương hỗ trợ tập huấn tại các Hội nghị do địa phương tổ chức[[14]](#footnote-14). Dự kiến trong Quý III/2024, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức 01 Hội nghị tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật cho cán bộ, công chức Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (hình thức trực tuyến).

Trên cơ sở các văn bản, tài liệu hướng dẫn thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP do Bộ Tư pháp ban hành, đề nghị Sở Tư pháp tỉnh Bình Định nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ và đánh giá đô thị văn minh để địa phương triển khai thực hiện (UBND các tỉnh, thành phố: Bình Định, Hà Nội, Lào Cai, Yên Bái, Đồng Nai).*

**Trả lời:**

Ngày 20/6/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 1143/QĐ-BTP ban hành Hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh. Trên cơ sở hướng dẫn này, đề nghị Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan: Nghiên cứu, triển khai xây dựng Phần mềm điện tử đánh giá tiếp cận pháp luật, số hóa dữ liệu thực hiện từ xã, phường, thị trấn đồng bộ về cấp huyện, cấp tỉnh và Bộ Tư pháp tạo thuận lợi trong việc cập nhật, tổng hợp số liệu, tài liệu đánh giá, rút ngắn thời gian, công sức, tăng hiệu quả của người trực tiếp tham mưu thực hiện nội dung chuẩn tiếp cận pháp luật, để áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc (UBND các tỉnh: Đồng Tháp, Lào Cai).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của các địa phương. Thực hiện các Kế hoạch triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023, 2024, để đánh giá nhu cầu, thực trạng từ đó đề xuất phương án xây dựng phần mềm đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bộ Tư pháp đã khảo sát trực tiếp tại 04 tỉnh: Quảng Nam, Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La và khảo sát trực tuyến toàn quốc (khảo sát cả 03 cấp xã, huyện, tỉnh). Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và sẽ tích hợp xây dựng Phần mềm này trong triển khai Dự án đầu tư công xây dựng “Hệ thống thông tin PBGDPL”. Dự kiến sau khi Hệ thống này được hoàn thiện sẽ tạo thuận lợi cho các Bộ, ngành, địa phương khai thác, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**6.** *Các văn bản triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Kế hoạch, hướng dẫn...) đề nghị Bộ Tư pháp ban hành sớm để các địa phương làm căn cứ triển khai được đồng bộ, kịp thời (UBND tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời:**

Hàng năm, căn cứ Nghị quyết của Chính phủ, các nhiệm vụ công tác trọng tâm của ngành Tư pháp, Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, Bộ Tư pháp luôn cố gắng kịp thời ban hành kế hoạch, văn bản hướng dẫn cụ thể cho các Bộ, cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương về công tác PBGDPL nói chung, việc thực hiện các Đề án về PBGDPL nói riêng[[15]](#footnote-15). Bên cạnh đó, tại các kế hoạch, chương trình, đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đều đề nghị các địa phương căn cứ điều kiện, yêu cầu thực tiễn của từng địa phương để chủ động tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án về PBGDPL cho phù hợp, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, đề án phát triển kinh tế - xã hội; có các giải pháp đẩy mạnh việc huy động nguồn lực xã hội tham gia, hỗ trợ công tác PBGDPL. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ ban hành văn bản hướng dẫn sớm hơn; đồng thời đề nghị địa phương chủ động triển khai theo trách nhiệm được phân công, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương mình.

**7.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hoàn thiện và vận hành Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, cấp tài khoản quản lý và phân quyền quản lý các dữ liệu thành phần sách, tài liệu pháp luật để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cập nhật, quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao (UBND tỉnh Đồng Tháp).*

**Trả lời:**

Thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật, trên cơ sở Quyết định số 955/QĐ-BTP ngày 03/6/2021 phê duyệt chủ trương đầu tưDự án đầu tư công trung hạn “Xây dựng Hệ thống thông tin điện tử PBGDPL” đã xác định nhiệm vụ xây dựng Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia là một trong các hạng mục quan trọng của Dự án, dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

Sau khi Dự án hoàn thiện và đưa vào vận hành, Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia sẽ được triển khai để các Bộ, ngành, địa phương khai thác, sử dụng. Bộ Tư pháp sẽ có hướng dẫn cụ thể để thực hiện nhiệm vụ này.

**8.** *Đề nghị Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương và Bộ Tư pháp tham mưu, đề xuất với Chính phủ đưa công tác PBGDPL là chương trình mục tiêu quốc gia, có chiến lược, chương trình, kế hoạch thống nhất từ Trung ương đến địa phương cho công tác này (UBND tp. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 03 Chương trình mục tiêu quốc gia:  Xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xóa đói giảm nghèo bền vững, trong đó có nhiệm vụ, nội dung PBGDPL[[16]](#footnote-16). Trong thời gian tới, trên cơ sở tổng kết các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 nêu trên, trong đó có nhiệm vụ về PBGDPL, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu tính khả thi, từ đó, tham mưu, đề xuất các cấp có thẩm quyền ban hành văn bản chỉ đạo, định hướng, triển khai công tác này một cách phù hợp.

**9.** *Đề nghị Bộ Tư pháp cần có cơ chế, chính sách cho chuyển đổi số trong công tác PBGDPL; phát triển tủ sách pháp luật điện tử để người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước thuận lợi trong tra cứu; phát triển nền tảng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, giải đáp pháp luật trực tuyến… (UBND tp. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Trong thời gian qua, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL đã được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm triển khai thực hiện, đạt được những kết quả cụ thể. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL vẫn còn những tồn tại, hạn chế.

Xác định ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực PBGDPL là giải pháp quan trọng nhằm đổi mới căn bản công tác PBGDPL, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì tham mưu xây dựng Đề án “Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL”. Dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ vào cuối năm 2024.

Bên cạnh đó, hiện nay Bộ Tư pháp đang triển khai thực hiện Dự án đầu tư công trung hạn “Xây dựng hệ thống thông tin PBGDPL”, trong đó, sẽ triển khai đầu tư xây dựng Phần mềm thông tin PBGDPL phục vụ người dân, doanh nghiệp, hệ thống quản lý, nghiệp vụ PBGDPL toàn quốc; Phần mềm tương tác người dân và doanh nghiệp, các Phần mềm trên nền tảng di động, mạng xã hội; xây dựng Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia.

Việc thực hiện hiệu quả Dự án đầu tư công trung hạn “Xây dựng hệ thống thông tin PBGDPL” và Đề án sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thông tin, PBGDPL, quản lý nhà nước về lĩnh vực này, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân và doanh nghiệp trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ.

**10.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường các lớp tập huấn về nghiệp vụ PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hướng dẫn cụ thể về việc triển khai các Đề án mới trong công tác PBGDPL; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm cho cán bộ, công chức, báo cáo viên làm công tác tuyên truyền, PBGDPL đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao (Bộ Công Thương và UBND các tỉnh: Bình Định, Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 quy định cụ thể trách nhiệm PBGDPL của các cơ quan, tổ chức, trong đó, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm “*tập huấn, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật theo quy định của pháp luật*” (Điều 25, 27). Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho địa phương, hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL cho các báo cáo viên pháp luật Trung ương (từ 01-02 lớp/năm); tổ chức các Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật cho báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trong khuôn khổ chương trình, đề án về PBGDPL trong phạm vi cả nước góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ này. Trong năm 2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ năng truyền thông chính sách cho đội ngũ cán bộ thực hiện PBGDPL tại 02 miền (tại tỉnh Phú Thọ, thành phố Cần Thơ). Đầu năm 2024 Bộ Tư pháp đã tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ năng truyền thông chính sách cho đội ngũ thực hiện PBGDPL tại tỉnh Nam Định, dự kiến sẽ tổ chức 01 Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến tập huấn kỹ năng PBGDPL, truyền thông dự thảo chính sách cho báo cáo viên pháp luật, công chức pháp chế các Bộ, cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương vào ngày 11/7/2024 (01 điểm cầu tại Hà Nội và 63 điểm cầu ở địa phương).

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, chú trọng bồi dưỡng kỹ năng PBGDPL; tăng cường trao đổi kinh nghiệm, hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn triển khai công tác PBGDPL.

**11.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp tục đa dạng các tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp, các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên để có thể cung cấp cho các địa phương phục vụ công tác tuyên truyền (UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

**Trả lời:**

Căn cứ quy định của Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 (Điều 6); Nghị định số 28/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PBGDPL (Điều 2), những năm qua, Bộ Tư pháp đã tích cực tham mưu giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về PBGDPL. Hàng năm Bộ Tư pháp đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng các luật, pháp lệnh xây dựng các tài liệu hướng dẫn luật, pháp lệnh; chủ động biên soạn các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và cấp phát cho các Bộ, ngành, địa phương tham khảo sử dụng dưới nhiều hình thức gồm: Sách chuyên khảo, hỏi đáp pháp luật, tình huống pháp luật, tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật, tờ gấp pháp luật... và cung cấp các bài giảng điện tử giới thiệu nội dung cơ bản của luật, pháp lệnh mới ban hành. Các tài liệu này được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử PBGDPL[[17]](#footnote-17) và Trang thông tin điện tử PBGDPL thuộc Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp[[18]](#footnote-18) để các địa phương khai thác, sử dụng làm tài liệu PBGDPL.

Bên cạnh đó, thực hiện định hướng và mục tiêu chuyển đổi số trong công tác PBGDPL, Bộ Tư pháp cũng sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan, đặc biệt là Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông để nghiên cứu, xây dựng và áp dụng các phương án, hình thức phổ biến các bộ luật, luật mới trên cơ sở ứng dụng các thành tựu và sáng kiến trong hoạt động chuyển đổi số. Từ đó, góp phần giúp truyền tải các nội dung pháp luật mới tới người dân nhanh chóng, kịp thời và thuận lợi.

**12.** *Đề nghị thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL, tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp và của các tổ chức nhằm tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL (Bộ Công Thương).*

**Trả lời:**

Luật Phổ biến giáo dục pháp luật đã quy định rõ về chính sách huy động, tăng cường vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia công tác PBGDPL. Trong đó, chính sách của Nhà nước về huy động các nguồn lực trong xã hội tham gia công tác PBGDPL được quy định tại khoản 3 Điều 3: *“Thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL; khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong công tác PBGDPL”*. Điều 4 của Luật quy định: *“Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện PBGDPL; huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho công tác PBGPBG”*. Trên cơ sở đó, tại Điều 8, 9 Nghị định số 28/2013/NĐ-CP đã quy định cụ thể chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện PBGDPL hoặc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho hoạt động PBGDPL và xã hội hóa công tác PBGDPL đối với một số tổ chức hành nghề về pháp luật và tổ chức xã hội nghề nghiệp về pháp luật.

Có thể khẳng định chủ trương huy động, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia PBGDPL là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, coi đây là nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL. Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp, một số Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và các địa phương đã tích cực triển khai công tác PBGDPL có sự huy động nguồn lực xã hội tham gia, cả nhân lực và kinh phí. Thời gian qua, các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện xã hội hóa, huy động luật sư, luật gia tham gia, đồng thời hỗ trợ kinh phí tổ chức một số hoạt động như Lễ Hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2022, Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc năm 2023. Năm 2023, nguồn kinh phí huy động xã hội hóa cho hoạt động PBGDPL chiếm khoảng 9,5% tổng kinh phí giành cho hoạt động PBGDPL (theo số liệu thống kê của Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp). Tuy nhiên, hoạt động này cần sự chủ động, linh hoạt, năng động sáng tạo của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai các hoạt động. Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương và các bộ, ngành, địa phương khác tiếp tục tăng cường các giải pháp phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức hành nghề về pháp luật, đội ngũ nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn, chuyên gia, các doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội khác tham gia công tác PBGDPL theo quy định của pháp luật nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

**13.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích động viên, nâng cao hiệu quả hoạt động đối với cán bộ làm công tác PBGDPL như về biên chế, chế độ thù lao; đặc biệt là nguồn kinh phí cho công tác PBGDPL để đảm bảo phù hợp với thực tiễn (Bộ Công Thương).*

**Trả lời:**

- Về thù lao cho đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL:Những năm qua, chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác PBGDPL đã từng bước được quan tâm, nhất là đối với đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL kiêm nhiệm như báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật. Luật Phổ biến giáo dục pháp luật, Thông tư số 10/2016/TT-BTP quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật đã quy định cụ thể về chế độ, chính sách đãi ngộ cho đội ngũ này. Bên cạnh đó ngày 18/8/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở. Thông tư số 56/2023/TT-BTC đã quy định cụ thể nội dung và mức chi thù, trong đó mở rộng nội dung chi, tăng mức chi tối thiểu 50% so với Thông tư liên tịch số: 14/2014/TTLT-BTC-BTP, 100/2014/TTLT-BTC-BTP, cụ thể như sau: “*Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hoà giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt với tư cách là giảng viên: Thực hiện theo chế độ thù lao giảng viên quy định tại Thông tư số**36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính và Thông tư số**06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số**36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018. Trường hợp thực hiện PBGDPL cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các**Điều 17, 18, 19,**20, 21, 22 của Luật PBGDPL được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận;*

*Thù lao huy động chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn tham gia triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp PBGDPL: Áp dụng theo quy định tại Thông tư số**02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Danh sách chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn được chi trả thù lao huy động do người có thẩm quyền quy định tại**Điều 3 Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL quyết định*”.

- Về nguồn kinh phí cho công tác PBGDPL để đảm bảo phù hợp với thực tiễn: Luật Phổ biến giáo dục pháp luật, Thông tư số 56/2023/TT-BTC đã quy định rõ cơ chế tài chính cho công tác PBGDPL. Theo đó, kinh phí PBGDPL của các cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách do ngân sách nhà nước bảo đảm và thực hiện theo nguyên tắc phân cấp ngân sách Trung ương và địa phương “*Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm*” (Khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015). Đồng thời, kinh phí có thể huy động từ các nguồn hợp pháp khác. Qua theo dõi, Bộ Tư pháp nhận thấy việc dành nguồn kinh phí cho công tác PBGDPL phụ thuộc rất nhiều vào sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, yêu cầu nhiệm vụ chính trị và điều kiện ngân sách được giao. Vì vậy, trong chỉ đạo, hướng dẫn, Bộ Tư pháp luôn đề nghị Lãnh đạo Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương quan tâm bảo đảm kinh phí, nguồn lực để triển khai nhiệm vụ PBGDPL. Do đó, đề nghị các đạo Bộ, ngành chủ động tham mưu, đề xuất Lãnh đạo Bộ bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL đảm bảo tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả.

**14.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức các lớp tập huấn về truyền thông, tiếp thị chính sách cho các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

**Trả lời:**

Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”; để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện truyền thông dự thảo chính sách, năm 2022, 2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức các hội nghị tập huấn về kỹ năng truyền thông dự thảo chính sách cho công chức pháp chế các Bộ, cơ quan, tổ chức ở Trung ương, báo cáo viên pháp luật Trung ương, trong đó có mời một số báo cáo viên pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham dự. Từ năm 2022, Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 hội nghị tập huấn kỹ năng truyền thông dự thảo chính sách cho báo cáo viên pháp luật trung ương và 03 hội nghị tập huấn nội dung này cho báo cáo viên pháp luật và công chức tham mưu công tác PBGDPL cấp tỉnh tại một số địa phương (Phú Thọ, Cần Thơ, Nam Định). Năm 2024, Bộ Tư pháp dự kiến sẽ tổ chức hội nghị tập huấn kỹ năng PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật Trung ương (trong đó có chuyên đề kỹ năng về xử lý khủng hoảng truyền thông chính sách) thông qua hình thức trực tuyến, Bộ Tư pháp tiếp tục mời báo cáo viên pháp luật của một số Bộ, ngành Trung ương, trong đó có Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, đề nghị Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp, Phát triển và Nông thôn cần chủ động tham mưu tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn kỹ năng truyền thông dự thảo chính sách cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật của Bộ, công chức các đơn vị trực tiếp tham mưu soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Quyết định 407/QĐ-TTg, trong đó cần quán triệt và nhấn mạnh về trách nhiệm của các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy trình thực hiện truyền thông dự thảo chính sách.

Trong năm 2022, 2023, 06 tháng đầu năm 2024, Bộ Tư pháp đã cử báo cáo viên pháp luật Trung ương để hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương tổ chức các Hội nghị tập huấn, quán triệt, triển khai các nhiệm vụ của Đề án và hướng dẫn áp dụng kỹ năng truyền thông dự thảo chính sách. Do vậy, Bộ Tư pháp luôn sẵn sàng hỗ trợ báo cáo viên để trao đổi, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực này tại các lớp tập huấn do các Bộ, ngành, địa phương tổ chức.

**15*.*** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng và hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các vụ việc và vướng mắc pháp lý, bởi đây là nguồn dữ liệu quan trọng, có ý nghĩa to lớn không chỉ với hoạt động hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa với hoạt động của nghề luật sư, hoạt động trợ giúp pháp lý, hoạt động xét xử, giảng dạy và nghiên cứu khoa học pháp lý (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự cập nhật các thông tin về vụ việc, vướng mắc pháp lý… trên Cổng thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho Bộ Tư pháp để cập nhật trên Trang tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngày 30/5/2024, Bộ Tư pháp đã có Công văn 2980/BTP-PBGDPL đề nghị các Bộ, cơ quan, tổ chức, địa phương rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa, và thực hiện theo đúng trách nhiệm được giao tại các quy định nêu trên.

Trên cơ sở đó, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ này, chủ động cập nhật các thông tin trên Cổng thông tin điện tử của địa phương, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp, cập nhật trên Trang tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hiện nay Bộ Tư pháp đang phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan ở Trung ương rà soát, tổng hợp các vụ việc, vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa, cùng với nguồn dữ liệu vụ việc, vướng mắc pháp lý do các địa phương gửi về để cập nhật trên Trang tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, từng bước xây dựng Cơ sở dữ liệu chung phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận, tham khảo, nâng cao hiểu biết, kiến thức pháp luật.

**16.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho mạng lưới tư vấn pháp luật cấp tỉnh; trong đó, cần tập trung vào các chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp với nội dung là các lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, tư vấn viên pháp luật thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ động công nhận và phê duyệt danh sách trên cơ sở các luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn viên pháp luật, trung tâm tư vấn pháp luật đủ điều kiện hành nghề tư vấn theo quy định của pháp luật, tự nguyện thông báo tham gia và được Bộ, cơ quan ngang Bộ công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của mình. Nghị định số 55/2019/NĐ-CP không quy định về tư vấn viên pháp luật cấp tỉnh.

Qua thống kê sơ bộ, hiện nay chỉ có Bộ Tư pháp và Bộ Công thương đã có Quyết định công nhận đội ngũ tư vấn viên hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó Bộ Tư pháp có 302 tổ chức, cá nhân tham gia tư vấn viên pháp luật (Bình Định có 02 tổ chức và 03 cá nhân tham gia tư vấn viên pháp luật). Thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên Ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức liên quan triển khai xây dựng các tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho tư vấn viên pháp luật, đồng thời sẽ tổ chức một số hội nghị với đội ngũ tư vấn viên pháp luật của Bộ Tư pháp để đánh giá hiệu quả hoạt động, chia sẻ kinh nghiệm, tập huấn kiến thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (trong đó sẽ ưu tiên các tư vấn viên pháp luật của Bình Định).

**17.** *Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung thêm chuyên mục cảnh báo rủi ro pháp lý đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; cập nhật các phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai để các doanh nghiệp tham khảo trong quá trình sản xuất kinh doanh (UBND tỉnh Lào Cai).*

**Trả lời:**

- Về bổ sung chuyên mục cảnh báo rủi ro pháp lý đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa: Hiện nay Bộ Tư pháp đang rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Trang tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trên cơ sở đó sẽ đề xuất việc điều chỉnh một số chuyên mục và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trang tin này.

- Về cập nhật phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai để các doanh nghiệp tham khảo: Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự cập nhật các thông tin về vụ việc, vướng mắc pháp lý…trên Cổng thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho Bộ Tư pháp để cập nhật trên Trang tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngày 30/5/2024, Bộ Tư pháp đã có Công văn 2980/BTP-PBGDPL trong đó đề nghị các Bộ, cơ quan, tổ chức, địa phương rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa, và thực hiện theo đúng trách nhiệm được giao tại các quy định nêu trên. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ này và chủ động cập nhật các thông tin trên cổng thông tin điện tử của địa phương, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp, cập nhật trên Trang tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hiện nay Bộ Tư pháp đang phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan ở Trung ương rà soát, tổng hợp các vụ việc, vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa, cùng với nguồn dữ liệu vụ việc, vướng mắc pháp lý do các địa phương gửi về để cập nhật trên Trang tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, từng bước xây dựng Cơ sở dữ liệu chung phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận, tham khảo, nâng cao hiểu biết, kiến thức pháp luật.

**18.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trong Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Quảng Bình để tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh (UBND tỉnh Quảng Bình).*

**Trả lời:**

Ngày 30/5/2024, Bộ Tư pháp đã có Công văn 2980/BTP-PBGDPL đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nghiên cứu, đề xuất hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để Bộ Tư pháp tổng hợp, ưu tiên nguồn lực của Chương trình triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả, thực chất. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Bình chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ này và gửi đề xuất cụ thể về các hoạt động hỗ trợ pháp lý, tạo cơ sở hỗ trợ kinh phí cho địa phương triển khai thực hiện.

**19*.*** *Kiến nghị Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn tài chính các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, sửa đổi định mức tài chính cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (UBND tỉnh Lào Cai).*

**Trả lời:**

Công tác tài chính, kinh phí triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Qua triển khai thực hiện, một số nội dung quy định tại Thông tư này không còn phù hợp. Năm 2024 Bộ Tư pháp sẽ tiến hành tổng kết 05 thực hiện Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và đề xuất Chính phủ sửa đổi Nghị định này. Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có tài chính, kinh phí, sau khi ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp, đề xuất Bộ Tài chính đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 64/2019/TT-BTC và sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn.

**20*.*** *Để tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ, đề nghị Bộ Tư pháp trong thời gian tới quan tâm đề xuất với cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách thúc đẩy và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là các doanh nhiệp nhỏ và vừa sản xuất và xuất khẩu cây ăn quả tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp kinh doanh tạo tác động xã hội (UBND tỉnh Sơn La).*

**Trả lời:**

Ngày 30/5/2024, Bộ Tư pháp đã có Công văn 2980/BTP-PBGDPL nhằm hướng dẫn, chỉ đạo các Bộ, cơ quan, tổ chức, địa phương triển khai các nhiệm vụ được giao về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị quyết số 66/NQ-CP, trong đó nhấn mạnh ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp kinh doanh tạo tác động xã hội. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại địa phương được kịp thời, hiệu quả.

Tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định về trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh đối với công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đề nghị UBND tỉnh giao sở, ngành, cơ quan liên quan nghiên cứu, tham mưu việc đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách cụ thể, phù hợp với nhu cầu hỗ trợ pháp lý của cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

Với trách nhiệm được giao, trong quá trình tổng kết, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung chính sách đặc thù về hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp kinh doanh tạo tác động xã hội.

**21.** *Đề nghị Bộ Tư pháp cần chủ trì nghiên cứu, xây dựng văn bản hướng dẫn về tiêu chí, quy trình công nhận và quản lý mạng lưới tư vấn viên pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng thống nhất trong cả nước, làm cơ sở để các bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện công nhận và công bố theo đúng quy định (Bộ Công Thương).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiến hành tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/20219 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trên cơ sở đó sẽ kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp với thực tế, trong đó có tiêu chí, điều kiện, thẩm quyền, quy trình và việc quản lý nhà nước đối với mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo cơ sở thực hiện thống nhất việc công nhận, quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ này, góp phần thực hiện tốt hơn vai trò hỗ trợ pháp lý cho Doanh nghiệp.

**22.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, sớm bổ sung tại Thông tư số 64/2021/TT-BTC quy định hướng dẫn cụ thể việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ phí dịch vụ tư vấn pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa của các Bộ, ngành (Bộ Công Thương).*

**Trả lời:**

Công tác tài chính, kinh phí triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và Thông tư số 64/2021/TT-BTC. Trong đó, quy trình, định mức hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

Năm 2024, Bộ Tư pháp sẽ tiến hành tổng kết 05 năm thực hiện Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và đề xuất Chính phủ sửa đổi Nghị định này. Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có tài chính, kinh phí, sau khi ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp, đề xuất Bộ Tài chính đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 64/2019/TT-BTC và sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với thực tế, hướng dẫn cụ thể một số nội dung trong đó có chi phí tư vấn pháp luật.

**VIII. CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng Phần mềm và kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý cho các địa phương để thuận lợi trong việc tra cứu, giải quyết hồ sơ (UBND tỉnh Bình Thuận).*

**Trả lời:**

Hiện dữ liệu về trợ giúp pháp lý (TGPL) đã được quản lý, lưu trữ tại Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động TGPL (sau đây gọi là Hệ thống). Hệ thống (đưa vào sử dụng từ 2019 đến nay) đã giúp các Trung tâm TGPL nhà nước, các tổ chức tham gia TGPL trên toàn quốc trong việc cập nhật hồ sơ vụ việc TGPL, thông tin tổ chức, nhân sự tại các tổ chức thực hiện TGPL. Hệ thống đã chia sẻ khối dữ liệu về người thực hiện TGPL (trợ giúp viên pháp lý, luật sư), đồng thời kết nối, khai thác được một số trường thông tin liên quan đến diện người TGPL (như: Số định danh cá nhân, số CMND/CCCD, họ và tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch…) với Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư theo yêu cầu của Quyết định số 06/QĐ-TTg Quyết định phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đến nay, theo ghi nhận từ địa phương, Hệ thống đã bước đầu khai thác được thông tin từ CSDL quốc gia về dân cư.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp (Cục TGPL) đang triển khai xây dựng Dự án “Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý”, giai đoạn 2024 - 2027. Thông qua đó, Cơ sở dữ liệu TGPL sẽ được tạo lập, quản lý, khai thác, sử dụng, trong đó có chức năng kết nối với các CSDL của các Bộ, ngành (CSDL hộ tịch, CSDL quốc gia về dân cư, CSDL an sinh xã hội của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, CSDL của Ủy ban dân tộc, CSDL tố tụng của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao …) cho phép quản lý, xác minh đối tượng thuộc diện được TGPL,... CSDL được đưa vào sử dụng sẽ tạo điều kiện cho các địa phương cập nhật thông tin về người được TGPL, người thực hiện TGPL, vụ việc TGPL,… một cách nhanh chóng, thuận lợi.

**2.** *Kiến nghị Bộ Tư pháp việc giao chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng cho Trợ giúp viên pháp lý: giảm hoặc giữ ổn định số chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng hoàn thành được giao hàng năm cho trợ giúp viên pháp lý (không giao năm sau cao hơn năm trước). Hoặc chỉ tính chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng thụ lý để giao cho các trợ giúp viên pháp lý. Hoặc có hướng điều chỉnh, giao chỉ tiêu phù hợp theo vùng, địa phương nơi ít có vụ việc tố tụng, không thực hiện giao chỉ tiêu vụ việc mang tính áp dụng chung cho trợ giúp viên pháp lý cả nước (UBND TP. Cần Thơ).*

**Trả lời:**

Khi giao chỉ tiêu hàng năm, Bộ Tư pháp đều căn cứ theo khả năng thực hiện vụ việc tham gia tố tụng tối thiểu của trợ giúp viên pháp lý, đảm bảo mỗi trợ giúp viên pháp lý đều phải tham gia tố tụng, đồng thời cũng tạo điều kiện cho những trợ giúp viên pháp lý thực hiện ít vụ việc tố tụng có thể thực hiện được. Việc giao chỉ tiêu hàng năm đã được xem xét, đánh giá trên nhiều phương diện (tham khảo số lượng án trên từng địa phương, nhu cầu TGPL của người dân, số lượng người được TGPL của mỗi địa phương, khả năng hoàn thành chỉ tiêu để đưa ra chỉ tiêu tối thiểu), có năm sau cao hơn năm trước, có năm được giữ nguyên và được lấy ý kiến góp ý của 63 Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/thành phố. Cụ thể, từ khi chỉ tiêu được ban hành (từ năm 2016 đến nay), chỉ tiêu đã được giữ nguyên vào các năm 2017, 2018, 2020, 2022. Các năm còn lại (năm 2019, 2021, 2023, 2024) thì chỉ tăng 01 vụ so với năm liền kề trước đó. Đặc biệt, năm 2021 và năm 2022 mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nhưng tỷ lệ Trợ giúp viên pháp lý hoàn thành chỉ tiêu vẫn cao (năm 2021 là 96,1%; năm 2022 là 98,6%). Năm 2023 số trợ giúp viên pháp lý hoàn thành chỉ tiêu là 99,7%, chỉ có 02 trợ giúp viên pháp lý không đạt chỉ tiêu (0,3%).

Trong những năm qua việc ban hành chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý đang là một biện pháp hữu hiệu, giúp công tác trợ giúp pháp lý đi đúng hướng là tập trung vào vụ việc trợ giúp pháp lý, nhất là vụ việc tham gia tố tụng. Khi xây dựng chỉ tiêu các năm tiếp theo, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục lấy ý kiến góp ý và hoàn thiện chỉ tiêu cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2024 để kịp thời kiện toàn đội ngũ trợ giúp pháp lý nhằm đáp ứng nhiệm vụ được giao (UBND các tỉnh: Quảng Ninh, Sơn La).*

**Trả lời:**

Từ năm 2019 đến nay, để kiện toàn đội ngũ trợ giúp viên pháp lý cho các địa phương, hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các kỳ kiểm tra kết quả tập sự Trợ giúp viên pháp lý bảo đảm minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật. Trong năm 2024, trên cơ sở đăng ký nhu cầu thực tế của các địa phương, ngày 04/6/2024, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch tổ chức kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2024 (ban hành kèm theo Quyết định số 1032/QĐ-BTP). Theo đó, Bộ Tư pháp dự kiến kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý vào tháng 9 năm 2024. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp hồ sơ đăng ký dự kiểm tra do các địa phương gửi về, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý theo đúng kế hoạch đề ra.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn quy định về các chế độ đối với người trực trong Chương trình phối hợp số 5789/CTPH-BTP-BCA ngày 27/11/2023 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Công an về trực trợ giúp pháp lý trong điều tra hình sự (UBND tỉnh Quảng Ninh).*

**Trả lời:**

Theo Kế hoạch công tác năm 2024, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, tham mưu xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và một số biện pháp bảo đảm thi hành Luật Trợ giúp pháp lý trình Chính phủ. Đối với nội dung về các chế độ cho người trực TGPL trong điều tra hình sự, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu trong tổng thể các nội dung khác để sửa đổi, bổ sung Nghị định số 144/2017/NĐ-CP.

**IX. CỤC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC**

*Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục tăng cường tổ chức tập huấn chuyên sâu về công tác bồi thường nhà nước (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp tiếp thu ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Theo đó, hằng năm, Bộ Tư pháp đều xây dựng kế hoạch công tác và tổ chức hoạt động tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước cho công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong cả 03 lĩnh vực quản lý nhà nước, tố tụng và thi hành án tại một số địa phương trên cả nước.

Trong năm 2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức 09 lớp tập huấn về công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường và kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu về giải quyết yêu cầu bồi thường cho gần 900 công chức, trong đó có 01 lớp tại Tp. Hà Nội cho công chức pháp chế tại các Bộ, công chức Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại các Sở, ban ngành, Cục Thi hành án dân sự và một số cán bộ tư pháp cấp quận, huyện, cấp xã trên địa bàn 08 tỉnh, thành phố. Đồng thời, Bộ Tư pháp đã phối hợp, cử báo cáo viên có năng lực, trình độ để hỗ trợ các địa phương tổ chức tập huấn về công tác bồi thường, cụ thể đã phối hợp với các Sở Tư pháp địa phương và một số đơn vị cử 10 lượt báo cáo viên thực hiện tập huấn về công tác bồi thường nhà nước (cho Tổng cục Thuế, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Bến Tre, Bình Dương, Hà Tĩnh, Thái Bình, Hòa Bình, Yên Bái, Bạc Liêu).

Trong năm 2024, Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước) xây dựng Kế hoạch số 03/KH-BTNN ngày 19/3/2024 tập huấn tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; giải quyết bồi thường và hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ Tư pháp đã tổ chức tập huấn cho công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại các Sở, ban ngành, Cục Thi hành án dân sự, cán bộ tư pháp cấp quận, huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Hải Dương và Hà Giang. Đồng thời, Cục cử báo cáo viên cho Hội nghị tập huấn nghiệp vụ do các tỉnh Thái Bình, Đồng Tháp, Hưng Yên, An Giang tổ chức. Trong 6 tháng cuối năm 2024, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn về công tác bồi thường nhà nước cho công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại các Sở, ban ngành, Cục Thi hành án dân sự và một số cán bộ Tư pháp cấp quận, huyện, cấp xã tại một số tỉnh, thành phố.

**X. VỤ CON NUÔI**

**1.** *Việc triển khai thực thi phương án phân cấp giải quyết TTHC theo Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 6532/BTP-CN ngày 29/12/2023 của Bộ Tư pháp (đối với 04 TTHC nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài):*

*Tại biểu mẫu “Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài” được ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cơ quan có thẩm quyền ký Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là UBND cấp tỉnh.*

*Tuy nhiên, trường hợp Sở Tư pháp được UBND cấp tỉnh uỷ quyền giải quyết TTHC và ký Quyết định thì sẽ không phù hợp với biểu mẫu theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP; ngoài ra, tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư chỉ quy định việc uỷ quyền của* ***người đứng đầu*** *cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của mình ký thừa ủy quyền một số văn bản mà mình phải ký (từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Tư pháp), không quy định việc ký thừa ủy quyền từ cơ quan, tổ chức cho cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của mình (từ UBND cấp tỉnh cho Sở Tư pháp hoặc từ UBND cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Tư pháp).*

*Do đó, để triển khai thực hiện việc ủy quyền giải quyết từ UBND tỉnh cho Sở Tư pháp được thống nhất, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét hướng dẫn thể thức và sử dụng con dấu đối với Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài bằng một* ***biểu mẫu cụ thể*** *để địa phương có căn cứ triển khai thực hiện* *(UBND tỉnh Hải Dương)*.

**Trả lời:**

Để triển khai thực thi phương án phân cấp giải quyết TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong khi chờ sửa đổi, bổ sung Luật Nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 6532/BTP-CN ngày 29/12/2023 và Công văn số 1299/BTP-CN ngày 14/3/2024 hướng dẫn để các địa phương tham khảo, thực hiện phương án phân cấp giải quyết TTHC đối với 04 TTHC nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo hướng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Sở Tư pháp. Trong thời gian qua, đã có nhiều địa phương thực hiện việc uỷ quyền theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, cũng có một số địa phương chưa thực hiện việc uỷ quyền do thực tiễn của địa phương chưa phù hợp để triển khai thực hiện. Trong khi chưa sửa đổi, bổ sung Luật Nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tế của của địa phương để quyết định có hay không thực hiện việc uỷ quyền giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

**2.** *Việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với 02 TTHC:*

*Ngày 09/11/2023, Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 2687/QĐ-BTP về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp, trong đó có 02 TTHC: (1) Thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng và (2) Thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi. Căn cứ quy định tại Luật nuôi con nuôi, các văn bản hướng dẫn và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Sở Tư pháp nhận thấy 02 TTHC trên* ***có tính chất đặc thù*** *trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC (nên không thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP) vì:*

*- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan trả kết quả TTHC là hai cơ quan khác nhau (Bộ Tư pháp là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và thu lệ phí của người nhận con nuôi, Sở Tư pháp là cơ quan giao con nuôi và giao Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài cho người nhận nuôi con nuôi). Trong quá trình thực hiện thủ tục có nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn thuộc thẩm quyền và có sự phối hợp của các cơ quan khác nhau trong việc gửi, tiếp nhận hồ sơ giải quyết việc nuôi con nuôi.*

*- Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện đang quy định: cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng/cha mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em gửi hồ sơ của trẻ em cho Sở Tư pháp; Bộ Tư pháp gửi hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp; Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi, tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, trẻ em được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng hoặc cha mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em đối với trẻ em sống tại gia đình (khoản 2, khoản 3 Điều 34, Điều 37 Luật nuôi con nuôi, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 21/3/2019 của Chính phủ). Như vậy, người nộp hồ sơ và người nhận kết quả cũng không đồng nhất (cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng/cha, mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em là người nộp hồ sơ trẻ em cho Sở Tư pháp; tuy nhiên, người nhận kết quả là người nhận con nuôi được nhận kết quả tại lễ giao nhận con nuôi tổ chức tại trụ sở của Sở Tư pháp (khoản 3 Điều 14 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 21/3/2019 của Chính phủ).*

*Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho người nhận nuôi con nuôi là người nước ngoài, tạo sự chủ động cho Sở Tư pháp trong việc thực hiện TTHC và thống nhất trong toàn quốc, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét hướng dẫn thực hiện 02 TTHC nêu trên (UBND tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời**:

Thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đã được quy định cụ thể, rõ ràng trong Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó, người nhận con nuôi nộp hồ sơ và lệ phí đăng ký nuôi con nuôi tại Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp nộp toàn bộ số lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Đối với thủ tục giải quyết nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan (Sở Tư pháp, Cơ quan Công an tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ sở nuôi dưỡng…) phối hợp để thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính sẽ được trao cho cha, mẹ nuôi là người nước ngoài tại lễ giao nhận con nuôi tổ chức tại trụ sở của Sở Tư pháp. Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp thực hiện thủ tục hành chính về nuôi con nuôi nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật hiện hành đã được công bố tại Quyết định số 2687/QĐ-BTP. Đối với việc công bố thủ tục hành chính tại địa phương, Bộ Tư pháp đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp trao đổi, thống nhất với các cơ quan có liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng Phần mềm và kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu con nuôi cho các địa phương để thuận lợi trong việc tra cứu, giải quyết hồ sơ (UBND tỉnh Bình Thuận)*.

**Trả lời:**

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, xây dựng phần mềm đăng ký nuôi con nuôi trên phạm vi toàn quốc để phục vụ công tác đăng ký nuôi con nuôi trong nước và nước ngoài, đồng thời đảm bảo việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa trung ương và địa phương.

Hiện tại, đối với việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước, Bộ Tư pháp đang nâng cấp, hoàn thiện phân hệ đăng ký nuôi con nuôi trong nước nằm trong phần mềm đăng ký quản lý hộ tịch dùng chung, dự kiến sẽ hoàn thành vào Quý IV/2024.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên đăng tải các văn bản hướng dẫn nghiệp nuôi con nuôi trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để địa phương thuận lợi hơn trong nghiên cứu, thực hiện (UBND tp. Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã đăng tải các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ nuôi con nuôi trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (tại Trang thông tin điện tử về nuôi con nuôi). Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục đăng tải các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ trong lĩnh vực này để các địa phương có thể tham khảo. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp sẽ không đăng tải các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về các trường hợp cụ thể vì ảnh hưởng đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của những cá nhân có liên quan.

**XI. VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cũng như quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập (UBND các tỉnh: Bình Dương, Ninh Thuận, Sơn La).*

**Trả lời:**

Thông tư số 04/2022/TT-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp đã hướng dẫn các nội dung về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Ninh Thuận, Sơn La nghiên cứu Thông tư số 04/2022/TT-BTP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập để tổ chức triền khai thực hiện.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có quy định đặc thù về việc luân chuyển các công chức hành chính sang giám đốc Trung tâm TGPL để đáp ứng nhu cầu thực tiễn khi bố trí, sắp xếp công tác cán bộ* *(UBND tỉnh Bắc Giang)*.

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý quy định “*Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước phải là Trợ giúp viên pháp lý”*. Việc quy định này cũng có tính tương đồng quy định về người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp (Phòng Công chứng và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản). Khoản 2 Điều 22 Luật Đấu giá tài sản quy định “*Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản là đấu giá viên”,* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2024 không sửa đổi quy định này. Khoản 2 Điều 19 Luật Công chứng quy định “*Trưởng Phòng công chứng phải là công chứng viên”.*

Khoản 3 Điều 47 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức quy định: “*Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chưa kiện toàn người đứng đầu, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm việc giao quyền hoặc giao phụ trách đơn vị sự nghiệp công lập cho đến khi bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Thời gian giao quyền, giao phụ trách không tính vào thời gian giữ chức vụ khi bổ nhiệm*”.

Căn cứ các quy định nêu trên, để xử lý vấn đề thực tiễn phát sinh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang chỉ đạo Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang nghiên cứu, đề xuất nhân sự phù hợp.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về xây dựng vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp ngành Tư pháp theo hướng tăng số lượng vị trí việc làm để mỗi phòng, đơn vị có trên 01 vị trí việc làm chuyên ngành; mở rộng cơ cấu ngành, chuyên ngành các vị trí về xây dựng pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật để nâng cao hiệu quả tham mưu thẩm định văn bản của đa dạng các ngành lĩnh vực; bổ sung cơ cấu vị trí việc làm công chứng viên, đấu giá có cơ cấu chức danh nghề nghiệp hạng II và hạng III (hiện nay chỉ có hạng III, trong khi các vị trí việc làm khác có hạng II và hạng III) - (UBND TP. Hà Nội).*

**Trả lời:**

- Về đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về xây dựng vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp ngành Tư pháp theo hướng tăng số lượng vị trí việc làm để mỗi phòng, đơn vị có trên 01 vị trí việc làm chuyên ngành:

Thông tư số 02/2023/TT-BTP ngày 29/6/2023 và Thông tư số 06/2023/TT-BTP ngày 18/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã quy định cụ thể các vị trí việc làm chuyên ngành đối với đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp, đề nghị Sở Tư pháp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, tổ chức thuộc Sở và 02 Thông tư nêu trên để bố trí vị trí việc làm cho phù hợp.

- Về mở rộng cơ cấu ngành, chuyên ngành các vị trí về xây dựng pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật để nâng cao hiệu quả tham mưu thẩm định văn bản của đa dạng các ngành lĩnh vực:

Thông tư số 02/2023/TT-BTP ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về vị trí việc làm công chức chuyên ngành Tư pháp quy định đối với các vị trí chuyên viên, chuyên viên chính về xây dựng pháp luật; quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật yêu cầu trình độ đào tạo phải tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Luật (không có chuyên ngành đào tạo khác) do công chức làm công tác này được giao nhiều nhiệm vụ có tính đặc thù, quan trọng, trách nhiệm cao với nhiều khó khăn, thách thức như công tác xây dựng pháp luật, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật … Để thực hiện các nhiệm vụ này, công chức phải có kiến thức nền tảng về pháp luật để phát hiện, giải quyết vấn đề ở góc độ pháp lý. Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, theo đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã xác định mục tiêu tổng quát là *“Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân...”.* Do đó, với tính chất công việc, trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc quy định công chức thực hiện nhiệm vụ này phải có trình độ cử nhân luật là cần thiết và phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Để nâng cao kiến thức bổ trợ của công chức thuộc Sở Tư pháp thì Sở Tư pháp quan tâm, tạo điều kiện để cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành khác; đối với các ngành, lĩnh vực khác thì đã có các Sở khác thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định, do đó, Sở Tư pháp có thể phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện nhiệm vụ nếu cần.

- Về bổ sung cơ cấu vị trí việc làm công chứng viên, đấu giá viên có cơ cấu chức danh nghề nghiệp hạng II và hạng III (hiện nay chỉ có hạng III, trong khi các vị trí việc làm khác có hạng II và hạng III):

Hiện nay Bộ Tư pháp (Cục Bổ trợ tư pháp) đang xây dựng Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp công chứng viên, đấu giá viên, hỗ trợ pháp lý, hỗ trợ nghiệp vụ trong lĩnh vực công chứng, đấu giá tài sản và trợ giúp pháp lý và gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trên cơ sở Thông tư này được ban hành, Bộ sẽ điều chỉnh hướng dẫn về vị trí việc làm tương ứng.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, mã chức danh nghề nghiệp công chứng, đấu giá, trợ giúp viên pháp lý (UBND TP. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp công chứng viên, đấu giá viên, hỗ trợ pháp lý, hỗ trợ nghiệp vụ trong lĩnh vực công chứng, đấu giá tài sản và trợ giúp pháp lý. Dự thảo đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan, đồng thời được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp để lấy ý kiến rộng rãi. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp ý kiến góp ý để chỉnh lý, hoàn thiện và ban hành. Ngoài ra đối với mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BTP ngày 05/9/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành cơ chế kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Tư pháp - Hộ tịch* ***(****UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức thì căn cứ để xác định biên chế công chức là: (i) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm; (ii) Mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; (iii) Thực tế việc sử dụng biên chế công chức được giao; (iv) Đối với cơ quan, tổ chức ở địa phương, ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Như vậy, một trong những căn cứ để xác định biên chế là vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm. Hiện nay, các Bộ, ngành nói chung và Bộ Tư pháp nói riêng đã ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và văn bản hướng dẫn thi hành thì việc xây dựng, thẩm định và phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính của địa phương thuộc trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đó, đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp Sở Tư pháp rà soát, đánh giá toàn diện tình hình phân bổ, sử dụng biên chế, nhu cầu thực tiễn, cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức trên địa bàn, xây dựng Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định mới làm cơ sở để xem xét, bổ sung biên chế cho các cơ quan Tư pháp địa phương từ nguồn biên chế được giao của tỉnh.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước hiện nay, đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục quan tâm, bố trí kinh phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Tư pháp trên địa bàn, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ các cơ quan Tư pháp trên địa bàn tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

**XII. CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, bảo trì các Phần mềm nghiệp vụ của ngành Tư pháp; duy trì tính ổn định của các Phần mềm dể tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện của cơ sở (UBND tỉnh Đồng Tháp).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu đầu tư nâng cấp hệ thống Phần mềm dùng chung để khắc phục các lỗi phát sinh, nâng cao chất lượng công tác đăng ký quản lý hộ tịch, cấp Phiếu lý lịch tư pháp... (UBND các tỉnh: Lai Châu, Thái Nguyên).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Trung tâm Lý lịch Tư pháp quốc gia phối hợp với Cục công nghệ thông tin có giải pháp kỹ thuật, đảm bảo kết nối thông suốt, toàn diện giữa Phần mềm chuyên ngành và Cổng dịch vụ công Thành phố (UBND tp. Hồ Chí Minh).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp có giải pháp hỗ trợ nhằm khai thác và sử dụng hiệu quả hơn đối với việc liên thông dữ liệu giữa hệ thống thông tin giải quyết của thủ tục hành chính cấp Thành phố với Phần mềm Quản lý LLTP của Bộ Tư pháp (UBND tp. Cần Thơ).*

**Trả lời:**

- Trong các năm 2022 - 2023, Bộ Tư pháp giao Cục Công nghệ thông tin triển khai Dự án "Đầu tư hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp" và đã đưa các trang thiết bị của Dự án vào hoạt động chính thức; tích hợp vào Trung tâm dữ liệu điện tử của Bộ đáp ứng các yêu cầu cấp bách về Hạ tầng triển khai các Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu đặc biệt trong lĩnh vực Hộ tịch và Lý lịch tư pháp. Thực hiện hiệu chỉnh các phần mềm, bổ sung các dịch vụ chia sẻ dữ liệu về hộ tịch, lý lịch tư pháp đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu đầy đủ, toàn diện, ổn định; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu cho các địa phương; cử cán bộ trực để xử lý các sự cố kịp thời để các hệ thống hoạt động liên tục, đảm bảo kết nối an toàn, thông suốt, toàn diện giữa Phần mềm chuyên ngành và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đã giao các đơn vị chuyên môn như Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Cục Trợ giúp pháp lý, Cục Bổ trợ tư pháp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia nghiên cứu, nâng cấp hoàn thiện các cơ sở dữ liệu; phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành và đề xuất bố trí kinh phí thuê dịch vụ bảo trì, vận hành nhằm đảm bảo đảm bảo các hệ thống thông tin hoạt động ổn định, thông suốt.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cục Công nghệ thông tin và Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia tiếp tục hỗ trợ hoàn thiện Phần mềm trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công thành phố Hà Nội và ứng dụng VNeID đảm bảo tính liên thông, đồng bộ, ổn định (UBND tp. Hà Nội).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an hoàn thiện, bổ sung và khắc phục các lỗi kỹ thuật của Hệ thống phần mềm trên VNeID đảm bảo quá trình nộp, tiếp nhận, xử lý giải quyết hồ sơ được thuận lợi (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

**Trả lời:**

Đối với việc hoàn thiện phần mềm trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công thành phố Hà Nội đảm bảo tính liên thông, đồng bộ, ổn định thuộc trách nhiệm quản lý của Văn phòng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Việc khắc phục hoàn thiện, bổ sung và khắc phục các lỗi kỹ thuật của Hệ thống phần mềm trên VNeID để đảm bảo quá trình nộp, tiếp nhận, xử lý giải quyết hồ sơ được thuận lợido Bộ Công an thực hiện.

Trong quá trình triển khai mở rộng, các đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong phạm vi trách nhiệm của mình để đảm bảo kết nối đồng bộ, ổn định giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với Phần mềm lý lịch tư pháp dùng chung và giữa Phần mềm lý lịch tư pháp dùng chung và Hệ thống định danh và xác thực điện tử VNeID.

**3.** *Cục Công nghệ thông tin là đầu mối (hoặc phối hợp kịp thời với địa phương khi có đề xuất) trong triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, thực hiện các lĩnh vực công tác Tư pháp, nhằm đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện trên phạm vi cả nước (UBND tỉnh Vĩnh PhPhú.*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp giao Cục Công nghệ thông tin là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, là đơn vị thường trực giúp việc cho Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số ngành Tư pháp.

Vì vậy, trong quá trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực công tác Tư pháp, nhất là các hoạt động kết nối chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của Bộ, ngành Tư pháp, đề nghị địa phương liên hệ với đầu mối của Bộ Tư pháp là: Cục Công nghệ thông tin để được hỗ trợ, phối hợp thực hiện.

**XIII. NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP**

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu bỏ mẫu phôi hoa văn đối với Phiếu lý lịch tư pháp để thuận lợi cho việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính (hiện tại không thể ký số 02 lớp trên các mẫu hoa văn này) - (UBND tỉnh Đồng Nai).*

**Trả lời:**

Ngày 19/6/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 06/2024/TT-BTP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp *(Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024)*, theo đó bãi bỏ 02 mẫu phôi hoa văn là Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2./.

- BỘ TƯ PHÁP -

1. Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024. [↑](#footnote-ref-1)
2. Hội thảo trao đổi, thảo luận về kỹ thuật cập nhật QPPL mới vào Bộ pháp điển; Hội thảo trao đổi, thảo luận về kỹ thuật hợp nhất văn bản QPPL; Lớp tập huấn cho tập huấn viên chủ chốt về cách thức khai thác, sử dụng và cập nhật vào Bộ pháp điển; Lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về công tác pháp chế (Học viện Tư pháp tổ chức)… [↑](#footnote-ref-2)
3. Tại địa chỉ: <https://phapdien.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/huong-dan-nghiep-vu.aspx?ItemID=21>. [↑](#footnote-ref-3)
4. Công văn số 284/KTrVB-PĐ ngày 22/6/2017 của Cục Kiểm tra văn bản QPPL V/v giới thiệu, hướng dẫn sử dụng, khai thác Bộ pháp điển;

   - Công văn số 90/KTrVB-PĐ ngày 09/3/2021 của Cục Kiểm tra văn bản QPPL V/v giới thiệu, hướng dẫn khai thác, sử dụng và tích hợp Bộ pháp điển;

   - Công văn số 3423/BTP-KTrVB ngày 14/9/2022 của Bộ Tư pháp v/v tuyên truyền, tích hợp và cập nhật Bộ pháp điển;

   - Công văn số 1785/BTP-KTrVB ngày 18/5/2023 của Bộ Tư pháp v/v thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang về công tác pháp điển hệ thống QPPL;

   - Công văn số 994/BTP-KTrVB ngày 01/3/2024 của Bộ Tư pháp gửi các bộ, ngành, địa phương về việc triển khai thực hiện Quyết định số 143/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng và hiệu quả khai thác, sử dụng Bộ Pháp điển”. [↑](#footnote-ref-4)
5. Hiện nay Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng (thay thế Thông tư số 04/2015/TT-BTP) và đã có Công văn số 3431/BTP-BTTP ngày 20/6/2024 về việc tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm gửi Sở Tư pháp các địa phương trong cả nước.. [↑](#footnote-ref-5)
6. Công văn số 1717/BTP-BTTP ngày 30/5/2022 gửi Sở Tư pháp các địa phương [↑](#footnote-ref-6)
7. Điểm a khoản 1 Điều 70 Luật Công chứng quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: Tổ chức thi hành, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công chứng, chính sách phát triển nghề công chứng.

   Điểm a, khoản 1 Điều 79 Luật Đấu giá tài sảnquy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: Tổ chức thi hành, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đấu giá tài sản, chính sách phát triển nghề đấu giá tài sản; [↑](#footnote-ref-7)
8. Khoa học và công nghệ, ngoại giao, nội vụ, nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài chính, tư pháp, xây dựng, y tế, ngân hàng nhà nước, văn hóa, thể thao và du lịch, lao động - thương binh và xã hội, công an, quốc phòng, giao thông vận tải. [↑](#footnote-ref-8)
9. Trước đây, Quyết định 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt “Đề án thí điểm cấp Phiếu Lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến” (đã hết hiệu lực) trong đó thành phần hồ sơ là Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật về chứng thực, việc chứng thực chữ ký Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp giúp đảm bảo hồ sơ được tiếp nhận chặt chẽ và đúng với tinh thần Điều 4 Luật Lý lịch tư pháp. [↑](#footnote-ref-9)
10. Cấu trúc của Chương trình gồm 50 tiết học với 03 chuyên đề: (i) Nội dung cơ bản của pháp luật về hòa giải ở cơ sở - 05 tiết; (ii) Kiến thức pháp luật dành cho hòa giải viên – 35 tiết; (iii) Nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải ở cơ sở - 10 tiết. [↑](#footnote-ref-10)
11. 200 câu hỏi đáp pháp luật dành cho hòa giải viên được dịch sang tiếng Tày, 03 tờ gấp pháp luật hòa giải ở cơ sở được dịch ra 05 tiếng (tiếng Thái, JRai, Ba Na, Chăm, Mông). [↑](#footnote-ref-11)
12. Công văn số: 4138/BTP-PBGDPL ngày 24/10/2022 gửi Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang; 4294/BTP-PBGDPL ngày 01/11/2022 gửi Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;1445/BTP-PBGDPL ngày 17/4/2023 gửi Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi; 2069/BTP-PBGDPL ngày 26/5/2023 gửi Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh; 568/PBGDPL-TCHG ngày 13/11/2023 gửi Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang; 628/PBGDPL-TCHG ngày 04/12/2023 gửi Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. [↑](#footnote-ref-12)
13. Hà Giang, Gia Lai, Đồng Nai, Hà Tĩnh, Nam Định, Bắc Kạn, Tiền Giang, Long An, Khánh Hoà, Sóc Trăng, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Hoà Bình, Trà Vinh, Sơn La. [↑](#footnote-ref-13)
14. Hà Nội, Cà Mau, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình. [↑](#footnote-ref-14)
15. Quyết định số 153/QĐ-BTP ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch thực hiện các văn bản, Đề án về PBGDPL, tiếp cận pháp luật năm 2024: gồm: Đề án: Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn; Truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023-2028; Tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027; Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân; Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL; Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2026; Công văn số: 573/HĐPH ngày 31/01/2024; 446/HĐPH ngày 24/01/2024;… [↑](#footnote-ref-15)
16. Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025; Tiểu dự án 1 về Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thành phần số 8 nội dung 04 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. [↑](#footnote-ref-16)
17. <https://pbgdpl.gov.vn/Pages/Home.aspx> [↑](#footnote-ref-17)
18. <https://pbgdpl.moj.gov.vn/Pages/Trang-chu.aspx> [↑](#footnote-ref-18)